

NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

PHẠM - TRỌNG - NHÂN vụ tranh chấp Việt-Nam/
Cambodge trước Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc •

DOHAMIDE nguyên tắc hành đạo của Hồi - Giáo
(cầu nguyện) • VŨ - BẢO trường hợp Lỗ-Ma-Ni •

NGUYỄN - HIỂN - LÊ Helen Keller • VŨ - HẠNH
đạo đức học đường trong vấn đề phục hưng

giáo dục • MỘNG - TRUNG nhạc Việt tại Ham-
bourg (II) • Y - UYÊN quê nhà • THANH-

THUYỀN — LUÂN - HOÁN — HUỲNH - THANH-
TÔNG thơ • **SINH - HOẠT** NGUYỄN-

NGU - 1 cuộc đời một nhạc sĩ vừa quá cố :
Võ - Đức - Thu • 2

giờ với Lê - Thương
về nhạc trẻ em •

185



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S.T.E. DES DISTILLERIES DE L'É.C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chánh gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

DiC

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng Lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM	SAIGON	AGENCE	: 32, Dai - Lô Hàm Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067,
		BUREAUX	: 178 - 180 - 182, Duong Lê. Thanh-Tôn (Marché cen- tral) — Tél. : 22.142
		—	: 415 - 417, Duong Hai Bà Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.
	CHOLON :	AGENCE	: 386, Dai - lô Đông Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105,
	KHANH-HUNG :	AGENCE	: 23, Duong Hoang-Diên.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,

KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE



LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE



SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633



AGENCE DE CHOLON :

118, đại lộ Đồng-Khánh

Téléphone : 36.266



AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BÁCH

KHOA trong số này

Số 185 ngày 15-9-64

PHẠM-TRỌNG-NHÂN <i>nhân vụ tranh chấp VN/Cambodge trước Hội</i> <i>Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc</i>	3
DOHAMIDE <i>nguyên tắc hành đạo của Hồi-giáo (câu nguyện : Sgo-Lah)</i>	21
VŨ-BẢO <i>trường hợp Lỗ-Ma-Ni</i>	31
NGUYỄN-HIỂN-LÊ <i>Helen Keller : một tấn thảm kịch và một cuộc</i> <i>chiến đấu ghê gớm trong cảnh tối tăm mịt mù</i>	39
VŨ-HẠNH <i>đạo đức học đường trong vấn đề phục hưng giáo dục</i>	47
MỘNG-TRUNG <i>nhạc Việt tại Hambourg</i>	61
THANH-THUYỀN <i>á phi (thơ)</i>	67
HUỲNH-THANH-TÔNG <i>con nước phù sa dựng Hậu Giang (thơ)</i>	68
LUÂN-HHÁN <i>quê hương một loài chim (thơ)</i>	70
Y-UYÊN <i>quê nhà (truyện ngắn)</i>	71
SINH HOẠT NGUYỄN-NGU-Í : <i>cuộc đời một nhạc sĩ vừa quá cố :</i> <i>Võ-Đức-Thu — 2 giờ với Lê-Thương về nhạc trẻ của em</i>	89

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Sông Cửu Long với các nước hà-cận</i>	PHẠM-TRỌNG-NHÂN
<i>Jean Dupuis hay Bắc-kỳ tưng rỗi</i>	NGUYỄN-PHƯƠNG
<i>Đảo Chypre</i>	VŨ-BẢO
<i>Chính sách thi hành ở miền Bắc từ 1961 đến tháng 7/1964 (Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc IV)</i>	NHƯ-PHONG
<i>Cô Mai</i>	VŨ-HẠNH
<i>Chính sách ngoại-giao của Thái-Lan</i>	NGỌC-NÊ
<i>Cần nâng cao trí-thức của Đại chúng</i>	NGUYỄN-HIỂN-LÊ
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN-VĂN-KHÊ
<i>Nhiệm-sắc-thề và di-truyền lính</i>	VÔ-QUANG-YẾN
<i>Vấn đề phát triển ngành ngư nghiệp tại Việt-Nam</i>	LÊ-DŨNG-DÂN
<i>Lược-khảo về tiểu-thuyết trình-thám Anh</i>	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
<i>Những xu hướng mới trong âm nhạc</i>	TÔN-THẮT-TIỆT
<i>Vài kỷ-niệm về nhà văn Nhất-Linh</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-jénitsyne)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Gió trên đồi (truyện ngắn)</i>	TRÙNG-DƯƠNG
<i>Trường hợp của Mãnh (truyện ngắn)</i>	NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ
<i>Vết thương dậy thì (truyện ngắn)</i>	TÚY-HỒNG

Nhân vụ tranh-chấp V.N. / Cambodge trước Hội-đồng Bảo-An L. H. Q.

(tháng 4, 5, và 7 — 1964)

I.— **N** NGÀY 16-4-1964, Phái đoàn thường-trực Cambodge tại Liên-Hiệp-Quốc chuyển tới Hội-đồng Bảo-An tập hồ sơ dày, nhan đề « Những vụ quân-đội Hoa-Kỳ và Nam Việt-Nam xâm-lăng lãnh-thổ và dân chúng Cambodge. »

Ngày 13-5-1964, chiếu Hiến-ước Liên-Hiệp-Quốc điều 35, và Nội-Quy Hội-Đồng Bảo-An điều 3, Phái-đoàn Cambodge khởi-tổ yêu cầu Hội-đồng triệu tập một phiên họp khẩn-trương, bất-thường.

Ngày 18-5-1964, mặc dầu không phải là hội-viên Liên-Hiệp-Quốc, (1) chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa yêu cầu được quyền cử đại-diện tham-dự các buổi họp và trình-bày quan-điểm; đồng thời đề-nghị hoãn phiên họp tới ngày 25-5-1964 để có thì giờ nghiên-cứu tài-liệu trả lời. Mặt khác, Bộ Ngoại-giao thông-cáo sẽ

bác bỏ hoàn-toàn mọi quyết-định của Hội-đồng Bảo-An, nếu Việt-Nam Cộng-Hòa không được quyền biện-hộ.

Chiếu Hiến-ước điều 32, Hội-đồng bỏ thăm (2) quyết-định « có hay không mời Việt-Nam Cộng-Hòa tham-dự, với quyền-hạn như vương-quốc Cambodge, nghĩa là

(1) Được rất nhiều quốc-gia khuyến-khích và ủng hộ, VNCH đã nhiều lần gửi đơn xin gia nhập Liên-Hiệp-Quốc, nhưng đều bị Nga-Sô lạm-dụng « quyền phủ quyết » để ngăn-cản. Tổng Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc hiện nay là U Thant, quốc tịch Miến-điện. Xin nhớ « U » tiếng Miến-Điện nghĩa là « ông » ; U Thant nghĩa là Ông Thant. Chủ tịch Hội đồng Bảo-an khóa xét vụ tranh-chấp Việt-Nam / Cambodge là Ô. Roger Seydoux, Đại xứ Pháp, đại diện thường trực Pháp tại Hội-đồng Bảo-an.

(2) Xin coi dưới đây, nội-quy điều-hành của Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc.

được trình-bày quan-điểm nhưng không được bỏ thăm ?

Hội - đồng chấp - thuận với 9 phiếu tán-thành, 2 phiếu phản-đối (1), trong số 11 hội-viên. Và chủ-tịch Hội-đồng Bảo-An gửi công-điện chánh thức mời phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa tham-dự phiên họp sẽ khai mạc ngày 25-5-1964.

Thành-phần Hội-đồng Bảo-An

gồm có các quốc-gia hội-viên sau đây (2) : Bolivie, Brésil. Trung-Hoa quốc - gia, Côte d'Ivoire, Hoa - Kỳ, Pháp, Maroc, Na-Uy, Anh, Tiệp-Khắc và Nga-Sô.

(1) 2 phiếu phản-đối là của Nga-Sô và Tiệp-Khắc.

(2) Những tên in chữ nghiêng là các quốc-gia hội-viên thường-trực (membre permanent), có quyền phủ-quyết, (droit de veto).

Muốn có một ý-niệm về cuộc bỏ thăm này thì nên biết qua về nội-quy điều-hành Hội-đồng Bảo-an, là cơ-quan chấp-hành của Liên-Hiệp-Quốc về mọi vấn-đề chánh-trị.

Hội-đồng có 5 hội-viên thường-trực (Trung-Hoa quốc-gia, Pháp, Anh, Nga và Mỹ), và 6 hội-viên luân-phiên bầu cho mỗi nhiệm-kỳ hai năm, do Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc chỉ-định trên căn-bản địa-lý các quốc-gia họp chia thành từng vùng. Mỗi quốc-gia hội-viên xư-dụng một lá phiếu, nhưng quốc-gia hội-viên liên-quan tới một vụ tranh-chấp không có quyền bỏ phiếu. Muốn biểu-quyết về một vấn-đề thủ tục, phải được đa-số là 7 phiếu thuận trong số 11 hội-viên. Những biểu-quyết về một vấn-đề nội-dung cũng đòi hỏi đa-số 7 phiếu, nhưng ngoài ra còn cần thêm một điều-kiện nữa là cả 5 quốc-gia hội-viên thường-trực đều phải đồng lòng chấp-thuận.

Như vậy có nghĩa là bất cứ một hội-viên thường-trực nào cũng có thể cản trở một dự-định của tối đa số, bằng cách xư-dụng quyền phủ quyết, hay có tham-dự buổi hội mà không bỏ phiếu, hay bỏ phiếu trắng. Điều-kiện này khiến hoạt-động của Hội-đồng bị tê liệt rất nhiều, vì có rất nhiều vấn-đề nội dung không thể nào được cả Nga và Mỹ, hoặc Nga và Trung-Hoa quốc-gia, đồng lòng chấp-nhận.

Tuy-nhiên cũng còn một lối thoát tương-đối : sự phản-đối của một quốc-gia hội-viên thường-trực không làm tê-liệt hoạt-động của Hội-đồng, nếu quốc-gia hội-viên thường-trực này không tham dự buổi hội. Nhờ đó, Nga-Sô có lần đã không tham-dự buổi họp để phản-đối về sự hiện-diện của Trung-Hoa quốc-gia, và sự-kiện không hề cản trở những quyết-định của Hội-đồng về vụ Cao-Ly.

Một quốc-gia có thể gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc, nếu hội đủ điều-kiện : ham chuộng Hòa-bình, tán-thành Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc, sẵn lòng làm

tròn nhiệm-vụ của một quốc-gia hội-viên, và được Đại-Hội Đồng Liên-Hiệp-Quốc chấp-nhận, căn cứ vào đề-nghị của Hội đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc.

Vì vậy, giữa các quốc-gia hội-viên thường-trực Hội-đồng Bảo-An, đã có những vụ điều-định phức-tạp và gay go, mỗi khi có một quốc-gia hay một số quốc-gia gửi đơn xin gia-nhập tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc: Nga-Sô muốn đỡ đầu các quốc-gia xã-khối, thiên Cộng hay theo Cộng; còn Hoa-Kỳ tha thiết đỡ đầu các quốc-gia trong thế-giới tự-do.

Hiện nay, trong số các quốc-gia độc-lập, Thụy-sĩ tự ý không gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc để chứng tỏ mình trung-lập thực-sự; các quốc-gia lãnh-thổ bị phân chia (Đức, Cao-Ly, Việt-Nam) chưa được nhận làm hội-viên, vì các Quốc-gia hội-viên thường-trực Hội-đồng Bảo-an không đồng ý-kiến. Đơn của VNCH luôn luôn bị Nga-Sô dùng quyền phủ-quyết cản-trở...

Trung-Cộng không được nhận làm hội-viên. Trung-Hoa Quốc-gia là một trong số 50 sáng-lập hội-viên, đã tham-dự hội-nghị San Francisco và ký-kết vào bản hiến-chương ngay sau khi đệ nhị thế chiến vừa kết-liệu.

Bốn quốc-gia (Anh-Mỹ-Nga-Trung hoa (1)) đã liên-kết để chống Đức, và sau đó thêm Pháp là năm, được hưởng quy-chế biệt-đãi tại Liên-Hiệp-Quốc: quy-chế quốc-gia hội-viên thường-trực và có quyền phủ-quyết tại Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc.



II. — **N**HÌN qua thành phần Hội-đồng Bảo-An, ta không ngạc-nhiên khi thấy Nga-Sô và Tiệp-Khắc phản - đối Việt - Nam Cộng - Hòa tham-dự phiên họp.

Phái - đoàn Nga - ngụy - biện, cho rằng « sự hiện-hiện của Việt-Nam (1) không những không cần thiết, mà còn là một điều phi lý: các chánh thể liên tiếp thành-lập tại Saigon từ sau Hội-nghị Genève 1954 đều bất hợp-pháp, và vì vậy, không đáng kể! Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã cưỡng chiếm một phần lãnh-thổ, nhờ sự bảo-trợ của một

cường-quốc. Cường-quốc đó có mặt (2) tại đây, là một nhân-viên Hội-đồng Bảo-An, có thể trả lời thay. Ngoài ra, Hội-đồng cũng cần thăm cứu khía-cạnh pháp-lý: cường-quốc (3) đó bị Cambodge khởi-tổ, có quyền tham-dự phiên họp với tư-cách là hội-viên nữa không ? »

Phái-Đoàn Tiệp-Khắc đi xa hơn, cho rằng đại-diện Việt-Nam Cộng-

(1) Xin hiểu: Trung-Hoa quốc-gia.

(2) Phái-đoàn Nga-Sô Tiệp-Khắc phản-đối ta, kêu chánh-phủ VNCH là « chánh phủ Saigon ! »

(3) Hoa-Kỳ.

Hòa « nếu được tham-dự các buổi họp của Hội-Đồng Bảo-An, sẽ chỉ là một cá-nhân mạo-nhận là đại-diện dân-chúng mà chính chánh-phủ lại không đại-diện dân-chúng đó » (1).

Phiên hội khai mạc sáng ngày 25-5-1964, thứ Hai.

Phái đoàn Cambodge lên tiếng yêu cầu :

1) Hội-đồng Bảo-An lên án rất gắt Việt-Nam Cộng-Hòa «xâm lăng»;

2) Những ai chịu trách nhiệm (2) có bõn-phận áp-dụng những biện-pháp thích-ứng để các cuộc «xâm lăng» không thể tái-diễn;

3) Những nạn-nhân các cuộc «xâm lăng» phải được bồi thường xứng-đáng; mặc-dù bồi-thường không thể làm quên những vụ «sát-nhân khả bi » (3)

4) Hội-nghị Genève được tái triệu-tập, sớm chừng nào hay chừng ấy, để giải-quyết vấn-đề Việt - Nam / Cambodge. Ủy - hội Quốc-tế kiểm-soát đình-chiến tại Việt-Nam / Cambodge được nới rộng thẩm-quyền để tái-lập hòa-bình giữa hai nước.

Tùy xu-hướng chánh-trị hay cảm-tình riêng, các phái-đoàn lần lượt phát-biểu ý-kiến. Các phái đoàn Cộng không giấu-giếm ác-cảm đối với ta, nhất là hai phái-đoàn Nga-Sô (4) và Tiệp-Khắc phản-đối ta kịch-liệt, đã có những cử-chỉ và ngôn-ngữ khiếm-nhã làm thương tổn tới bầu không khí tôn nghiêm của Hội-nghị.

Về phần Phái-Đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa có mang theo tài-liệu dẫn-chứng, vừa thể thủ vừa thể công, trình bày quan-điểm của mình, rất hòa-nhã.

1) Việt-Nam Cộng-Hòa không hề xâm lăng hữu ý, mà chỉ vô-tình vi-phạm vì đường ranh không được rõ-rệt. Ấy là chưa kể Việt-Cộng ăn-nấp tại các miền biên-giới, định-chỉ reo ngộ-nhận và gây mâu-thuẫn giữa hai quốc-gia, nhằm phá-hoại an-ninh và độc-lập Việt-Nam.

2) Những vụ vi-phạm mà Việt-Nam tự xét có lỗi, thì chánh-phủ Cộng-Hòa Việt-Nam đã nhận lỗi, xin lỗi, phân-ưu, cùng đề-nghị bồi-thường các nạn-nhân.

(1) « A notre avis, le Conseil, s'il admettait ici un représentant du prétendu Gouvernement du sud Việt Nam, permettrait la participation à notre débat d'un particulier qui prétend représenter une population que son gouvernement ne représente pas ». (Trích biên-bản của Hội-đồng Bảo-an);

(2) Việt-Nam Cộng-Hòa và Hoa-Kỳ.

(3) «Ces crimes odieux».

(4) Chúng ta sẽ trở lại với đại-sứ Fedorenko trưởng phái-đoàn Nga, đề cùng «thương-thức» những lời nói vô-duyên và vô-lẽ của ông. Charles Thayer trong cuốn «DIPLOMAT» xuất bản tại Nữu-Uớc năm 1959, có nhắc tới một trưởng phái đoàn Nga tại Liên-Hiệp-Quốc trước đây, nguyên Đại-sứ và nguyên Tổng-Trưởng Ngoại-giao Molotov, mà tác-giả coi như «bất lịch-sự nhất và thiếu khiếu hài-hước nhất» (the most ill-mannered, humorless diplomat alive). Chúng ta không quên chủ-tịch Nga Khrushchev tham-dự đại Hội-đồng Liên-hiệp-Quốc đã có lần cời giầy đập mạnh lên mặt bàn để ngỏ ý phản-đối !

3) Việt-Nam Cộng-Hòa không tán thành ý-kiến tái triệu-tập Hội-nghị Genève 1954, và không ủng-hộ dự định nói rộng thẩm quyền Ủy-hội Quốc-tế kiểm-soát đình-chiến. Kinh nghiệm hiện hữu chứng-tỏ với tổ-chức tam-đầu-chế, Ủy-hội không thực-hiện được điều gì hiệu-quả.

4) Yêu-cầu Hội-đồng Bảo-An cho thành-lập « Ủy ban chuyên-viên minh-định biên-giới », và « đội quân quốc-tế tuần-phòng kiểm-soát ».

Cuộc bàn cãi sôi-nổi tại Hội-đồng tiếp-diễn từ 25-5 cho tới 4-6-1964.

Một hội-viên ủng-hộ lập-trường của ta, tuyên-bố :

— Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã tức khắc xin lỗi và đề-nghị bồi-thường các thiệt hại tài-sản cũng như nhân-mạng. Đó là thái-độ thông-thường và lãnh trách-nhiệm trong cuộc bang-giao. Tôi chưa hề biết trường-hợp một chánh-phủ định-chí xâm-lăng lại sốt-sắng xin lỗi về vụ xâm-lăng đã phạm. Danh-từ « hành-động xâm-lăng » (1) quá trầm-trọng. Ta không thể áp-dụng danh-từ đó, hiểu theo chương VII của hiến-ước...

Một hội viên khác, cũng tán-thành quan-điểm Việt-Nam Cộng-Hòa, lên tiếng :

— Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa được chánh-phủ tôi dành rất nhiều cảm-tình, và ủng-hộ trong công-cuộc chống-cự một số phần-tử ly-khai muốn cưỡng ép đồng-

bảo tuân theo những lý-thuyết mà họ không muốn. Các phần-tử ly-khai này đã không ngần-ngại dùng võ-lực, bằng người và khí-giới từ miền Bắc đưa tới, bất chấp cả Hội-nghị Genève 1954 về đình-chiến. Đối với những vụ vi-phạm chỉ huy từ bên ngoài, chánh-phủ tôi không còn gì nghi - hoặc : sự-kiện được dẫn-chứng bằng đủ các nguồn tin, do những vị đại-diện của chúng tôi cũng như do các biên-bản và phúc-trình của Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-Soát Đình-Chiến. Chúng tôi công-nhận Việt-Nam Cộng-Hòa có quyền yêu-cầu các nước bạn giúp đỡ để bảo-vệ lãnh-thổ cũng như duy-trì nếp sống xã-hội đã lựa-chọn...

Ngoài ra, những danh-từ nặng-nề, những nguy-luận khiếm-nhã, cũng không hiếm, do các phái-đoàn Cambodge, Nga-Sô và Tiệp-Khắc đưa ra, phỉ-báng phái-đoàn và nước ta.

Ông N. T. Fedorenko, đại-diện Nga-Sô, chỉ-trích ông A. Stevenson đại-diện Hoa-Kỳ :

— Thưa ông Đại-sứ ! Những điều ông vừa trình bày quả thực là chuyện hoang - đường chỉ đáng kể cho trẻ con và những người ngu-dại ! Nhưng buồn thay, y-học không chữa khỏi bệnh ngu của ông Đại-sứ...

Một ngày khác, (2) Ô. Fedorenko đả-kích Việt-Nam Cộng-Hòa :

(1) Acte d'agression.

(2) Ô. Fedorenko không từ một ai. Chúng ta sẽ đọc ở đoạn sau đây, những phản ứng đối với thái độ thiếu xâ-giao của ông.

— Phái-đoàn Nga - Xô thấy cần lưu ý các vị trong Hội-đồng về một điều vô lý được bày ngay trên mặt bàn này ! Tôi muốn nói tới cái biển có ghi hai chữ « Việt-Nam ». Như ai nấy đều biết, trên thế-giới không có nước nào mang tên ấy. Chỉ có nước Dân-Chủ Cộng-Hòa Việt-Nam, và ở phía Nam nước đó, có một chính-thề miền Nam ! Tôi có cảm-tưởng, như người ta thường nói ở các xứ Viễn-đông, mặc dù phía ngoài tủ bày thịt cừu, nhưng phía trong nhà lại bán thịt chó ! (1) Tôi yêu cầu ông Chủ-tịch cho chỉ-thị nhân-viên thăm-quyền chấm dứt ngay sự-kiện phi-lý ấy đi... (2)

Đến lượt đại-diện Việt-Nam (3) trình-bày quan-điểm, ông Vũ-Văn-Mẫu « trả đũa » như sau :

— Tôi không muốn theo bước ông Đại-sứ Fedorenko nước Nga. Những danh-từ mỹ-lệ của ông thật xứng-đáng với một người làm trò « xiếc » giới-thiệu thú vật, không hợp với khung-cảnh tôn-nghiêm của Hội-đồng... Tôi chỉ xin mạn phép phỏng lại một câu ông đã nói : tôi không quan-tâm đến các « con khỉ đội vòng hoa ». Tôi xin phép đề khách-quan và bình-tĩnh đề-cập ngay đến bài toán Việt-Nam/Cambodge vốn-dĩ là nhiệm-vụ của chúng ta... » (4)

Về phần ông A. Stevenson, đại-diện Hoa-Kỳ, cũng có lần bất đắc-dĩ đáp lời đại-diện Nga Fedorenko :

— Tôi không quên cách đây hai ngày, ông Fedorenko đại-diện Nga-Sô, đã kể những chuyện đông-dài

không mấy liên-quan tới vấn-đề được đưa ra thăm-cứu trước Hội-đồng... Từ nhiều năm, nhiều năm quá dài, tại các phòng họp ở Liên-Hiệp-Quốc này, chúng ta đã quen với những nguy luận phiêu-lưu, những tố-cáo vô bằng-chứng như vậy của ông đại-sứ Nga ! Tôi đã hy-vọng rằng : những thiên thần-thoại độc-ác đó, sẽ không tái-diễn. Nhưng ông đại-sứ Nga lại vu-cáo nước tôi, nên tôi chắc các Ngài cũng vui lòng cho phép tôi đính-chánh...

Một buổi họp khác, ông Fedorenko thóa-mạ ông A. Stevenson : « Ông đại-diện Hoa-Kỳ một lần nữa, lại tự đề trời theo đà bịa đặt những bí-tích ! Một đôi khi, bí-tích và thực-

(1) Ta có thể ngầm cho thật sát nghĩa, đề hẳn câu nói bất lịch sự tới mức nào !

(2) Trong một buổi họp sau, cố vấn pháp-luật Nha Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc đã lên tiếng và đồng ý, là tại Hội-đồng cũng như trong tập nguyệt-san Liên-Hiệp-Quốc, tên nước ta cần ghi đúng và đủ : « Cộng - Hòa Việt-Nam », (République du Việt-Nam).

(3) Bác-sĩ Phan-Huy-Quát, Tổng-Trưởng Ngoại-giao, cầm đầu phái đoàn, nhưng hoạt-động ở ngoài Đại-sứ Vũ-Văn-Mẫu, nguyên Bộ-trưởng Ngoại-giao, đại-diện Việt-Nam tại các phiên họp của Hội-đồng Bảo-an.

(4) « Je tiens cependant à ne pas emboîter le pas à M. l'Ambassadeur Fedorenko de l'Union Soviétique, dont le vocabulaire pittoresque de montreur de ménagerie semble jurer avec la solennité de ces assises.

« Laissant « les singes avec les couronnes sur leurs têtes », pour reprendre l'expression de M. Fedorenko, nous abordons objectivement, sans passion, la question des incidents de frontière khméros-vietnamienne qui a été l'une de nos préoccupations majeures.

tế cũng có thể cùng chung sống ; nhưng điều đó không được lâu dài ! Vì bản chất cũng như vì tâm-lý đòi hỏi, bí-tích và thực-tế thật tương-phản. Thực - tế chống - đối bí-tích, chống - đối những ai không chịu nhận sự thật. Thực - tế sẽ trả thù những ai không tôn trọng sự thực và không dám nhìn thẳng vào sự thực... », làm ông A. Stevenson lại phải tiếp lời :

— Nếu tôi không hiểu lầm lý luận một đôi khi tối tăm và thường lệ rất vô-lẽ của ông đại diện Nga, thì ông đại sứ Fedorenko yêu-cầu tôi giải-thích khúc-triết và không giấu-giếm về chánh - sách của nước tôi tại Đông-Nam-Á... Tôi rất sẵn lòng, đề nhắc lại những điều mà tôi đã nói cũng ở Hội-đồng này mới cách đây được hai ngày ! Có lẽ chúng ta sẽ tiết-kiệm được chút thì giờ, nếu ông bạn đồng-nghiệp của tôi nghe chăm-chú những điều tôi sắp kể.. Và tôi tự hỏi : không hiểu điều đó có thể làm thương - tổn tới tánh-cách thích - thú của lý - luận thần-thoại mà ông đại-sứ Nga thường xư-dụng chăng !...

Ồ. Fedorenko nghe xong, sống sượng phản ứng, làm ai nấy mỉm cười :

— Chúng tôi xin cảm ơn ông đại sứ Stevenson đã đảm nhận một trách vụ bậc bèo, là tuyên truyền về tổ-chức chánh-trị nội-bộ Hoa-Kỳ. Về điểm này, tôi nhớ và xin nhắc lại một câu ngạn ngữ : « người đàn bà nào cũng đẹp, nếu nhìn xa, trong bóng tối và dưới một chiếc dù ! »

Bài luận về chánh-trị của ông Đại-sứ Stevenson đáng được đem giảng dạy trong một lớp học. Nhưng ở đây, chúng ta không có nhiệm-vụ chăm lo điu-dắt những người mới vào nghề, tập sự về ngoại-giao và chánh-trị...

Nhưng điều đáng buồn, có lẽ là thái độ của Trưởng phái đoàn Cambodge đối với phái đoàn Việt-Nam. Công-chuyện là công chuyện nước, thiên-nghĩ nào có ăn nhằm gì tới cá-nhân từng người trong hai phái-đoàn Việt-Nam và Cambodge ! Cũng như trạng sư của hai bên nguyên bị trước pháp-đình, đâu có vì nội-vụ các thân chủ mà trở nên kẻ thù không đội trời chung ? Lẽ dĩ nhiên, vì quốc sự đa đoan, hai vị trưởng phái đoàn mỗi người mỗi lập trường, thì mặc-dù có là chỗ quen biết cũ cũng không dễ gì tìm gặp nhau để nói chuyện hàn-huyên tâm-sự. Nhưng thiết-tưởng, gặp trường-hợp độc-đạo, hay tình-cờ không tránh được nhau, thì hai bên cũng có thể ít ra mỉm cười hay bắt tay chào nhau, nhân-danh là người lớn (1). Vị trưởng phái-đoàn Cambodge có lần đi qua; vị trưởng phái-đoàn Việt-Nam và các nhân-viên sẵn sàng chào đón; nhưng vị trưởng phái-đoàn Cambodge nét mặt lộ vẻ

(1) Rất khách-quan và công-bằng, ta phải nhận chân một điều này : Trừ vị Trưởng phái-đoàn Cambodge, còn các nhân-viên khác, khi tình-cờ gặp phái đoàn Việt-Nam, hai bên đều rất hồn-nhiên cười mỉm bắt tay, chào... Cả hai bên không hề bàn chuyện công-vụ, mà chỉ hỏi thăm nhau về đời sống và sức khỏe, mong mỗi một ngày khác tái ngộ, tình-trạng sẽ thuận-tiện hơn để cùng nhau trò chuyện...

bất-bình, nhìn chỗ khác rồi đi thẳng, làm ai nấy ngạc-nhiên... Tuy rằng những nhân-vật «đổi diện bất tương phùng» đây đã từng có dịp nói chuyện dài với nhau, ngồi cạnh nhau nơi bàn tiệc, hay dùng cơm thân-mật tại nhà riêng...

Khi đăng-đàn, trưởng phái-đoàn Cambodge đã không ngần-ngại riều cợt tình-trạng đất nước Việt-Nam bị chia đôi ! Trong một bài dài vừa năm trang đánh máy nói về chánh phủ ta, ông Huot Sambath đã dùng tới 5 lần chữ «chánh-phủ Saigon» (1), và 17 lần chữ «đại-diện của Saigon» (1) !

Ngay vừa sau khi Đại-diện Cambodge dứt lời, Đại-diện Việt-Nam Cộng-Hòa xin phép được đính-chánh :

— Tôi ân-hận vì bất đắc dĩ phải yêu cầu Hội-đồng cho phép lên tiếng, mặc dầu thì giờ đã muộn. Tôi sẽ phát-biểu ý-kiến rất vắn tắt, trong hai phút : tôi xin Hội-đồng Bảo-An công-nhận sự phản-đối công phần của phái-đoàn chúng tôi, về danh-từ mà vị đại-diện chánh-phủ Cambodge vừa dùng để chỉ quốc-gia chúng tôi ! Không có chánh-phủ nào mang tên là «chánh-phủ Saigon» ! Sau lời giải thích tường tận sáng nay của vị đại-diện ông Tổng Thư-Ký, về danh-từ mà Liên-Hiệp-Quốc xác-nhận để chỉ nước tôi, là «Cộng-Hòa Việt-Nam» (2), thật mĩa mai thay khi vị Tổng-Trưởng Ngoại-giao của chánh-phủ Hoàng-gia Cambodge có mặt tại buổi họp này, lại chứng-tỏ là mình

hoàn toàn không hiểu gì về những điều mà vị đại-diện của Liên-Hiệp-Quốc vừa tuyên bố... (3)

Đại-diện Việt - Nam Cộng - Hòa nghỉ một giây, rồi lại tiếp :

— Về phương - diện nội dung, trên nguyên-tắc, chúng tôi — vì lý do vừa trưng-viện là ở đây không hề có đại - diện của «chánh phủ Saigon» ! — chúng tôi từ chối,

(1) Gouvernement de Saigon. Représentant de Saigon. Ý nói : không phải chánh-phủ hay đại-diện Việt-Nam, mà chỉ nhấn mạnh vào điểm : chánh phủ đó ở Saigon, đại-diện đó từ Saigon tới, không xứng đáng thay mặt cho dân tộc !

(2) « République du Việt-Nam ».

(3) « Il n'existe pas de «Gouvernement de Saigon». Après la longue déclaration du Représentant du Secrétaire Général au cours de la séance de ce matin sur la pratique, que les Nations-Unies considèrent comme consacrée, de désigner mon pays par l'appellation « République du Việt-Nam », il est pour le moins ironique que le Ministre des Affaires Etrangères du Gouvernement Royal du Cambodge, ici présent, à cette séance même, ait montré la plus grande ignorance de ce que le Représentant des Nations-Unies vient de dire il y a à peine quelques instants... »

Đến một buổi hội sau, đại-diện, Cambodge phục-thiện và đầu dũa, khi chỉ nước ta đã chịu dùng chữ «République du Việt-Nam», tuy một đôi lần, vì tự-ái, vẫn hữu-ý mà làm như vô-tình, dùng hữ «Gouvernement de Saigon». Đại-diện Việt-Nam Cộng-Hòa ngợi khen đại-diện Cambodge biết phục-thiện, và khuyên nên cố gắng thêm.

không biết gì đến những ý-kiến của ông Tổng Trưởng Ngoại-giao chánh-phủ Hoàng gia Cambodge. Chính vì tình bạn cố-hữu đối với dân-tộc Cambodge (1), vì nhân-danh những nguyên-tắc sơ-đẳng về xã-giao quốc-tế (2), mà tôi tự kiểm-chế không kêu ông Tổng Trưởng Ngoại-giao Cambodge bằng chức vị « Tổng-Trưởng Ngoại-giao của chánh-phủ Phnom-Penh » !

..

III. - **P**HIÊN họp bế - mạc chiều ngày 4-6-64. Sau khi ghi-nhận những lời trình bày của các phái-đoàn trước Hội - đồng, một bản quyết-nghị được thông qua, gồm 5 điểm.

Điểm từ I tới III, ngỏ ý tiếc những vụ vi-phạm đã xảy ra, yêu-cầu bồi thường thích-đáng, mong những ai có trách-nhiệm sẽ nghiên-cứu biện-pháp để tránh vi-phạm tái-diễn.

Điểm IV yêu cầu hết thảy « công-nhận » (reconnaître) và tôn - trọng nền trung-lập và lãnh-thờ Cambodge. (Phái-đoàn Việt-Nam chú-thích, và lời chú-thích được các hội-viên đồng ý, là : chữ « công-nhận » (reconnaître) ở đây không có nghĩa theo pháp-lý, mà chỉ có nghĩa theo thực-tế).

Điểm V quan - trọng hơn hết, quyết - định « Hội - đồng sẽ gửi 3 trong số 6 hội-viên không thường-trực (3) đi đến tận hai quốc-gia và những nơi đã xảy ra các vụ vi-phạm gần đây, để nghiên-cứu biện-pháp khiến vi-phạm không tái-diễn.

Phái-đoàn sẽ đệ phúc - trình lên Hội-đồng Bảo-an trong thời - hạn 45 ngày ».

(Điểm V bị hai phái-đoàn Nga-Sô và Tiệp-Khắc phản-đối riêng, nhưng toàn-thể quyết - nghị được đồng thanh chấp-nhận).

Đọc kỹ bản quyết-nghị, ta nhận thấy những đặc điểm sau đây :

1) Việt-Nam Cộng-Hòa thắng lợi vì Hội-Đồng sáng suốt không thỏa mãn yêu-sách của Cambodge : không lên án quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa « xâm-lăng »; không đề-cập tới vấn-đề tái triệu - tập Hội-nghị Genève ; và không đề-cập tới vấn-đề nới rộng thẩm quyền Ủy-Hội Quốc-Tế kiểm-soát đình-chiến.

5) Tuy-nhiên, Việt-Nam Cộng-Hòa không thỏa mãn ở các điểm : Hội đồng không chấp-thuận thành-lập ủy-ban chuyên-môn minh-định biên-giới ; không thành-lập một đội quân tuần-phòng quốc-tế kiểm soát biên-giới.

3) Nhưng Việt-Nam Cộng-Hòa thỏa-mãn ở những điểm : Hội-đồng

(1) C'est en raison d'une amitié traditionnelle pour le peuple cambodgien, c'est en raison aussi des règles élémentaires de courtoisie internationale que je me garde bien de désigner le Ministre des Affaires Etrangères du Cambodge par le titre de « Ministre des Affaires Etrangères du Gouvernement de Phnom-Penh ».

(2) đại-diện Cộng - Hòa Việt - Nam nhấn mạnh ở mấy chữ này.

(3) 3 trong số 6 nước : Bolivie, Brésil, Côte d'Ivoire, Maroc, Na-Uy, Tiệp-Khắc.

tán thành gửi một phái-đoàn 3 nhân-viên để nghiên-cứu; phái-đoàn không chỉ đi viếng-thăm những nơi các vụ vi-phạm đã xảy ra, (vì như vậy có tánh-cách một cuộc điều-tra) mà sẽ đi viếng thăm cả hai quốc-gia, (và như vậy, có tánh-cách nghiên-cứu biện-pháp cho tương-lai...)

4) 3 nhân-viên sẽ chọn trong số 6 vị đại-diện các quốc-gia hội-viên không thường-trực của Hội-Đồng Bảo-An, nghĩa là các nước : Bolivie, Brésil, Côte d'Ivoire, Maroc, Norvège, và Tchecoslovaquie.

Đối với Việt-Nam Cộng-Hòa, thái độ các nước Bolivie, Côte d'Ivoire, Maroc và Norvège : bình-thường ; Brésil : thiện-cảm ; và Tchecoslovaquie : rất ác-cảm.

Lẽ tất-nhiên Cambodge muốn ủng-hộ Tchecoslovaquie tham-dự phái-đoàn Liên - Hiệp - Quốc. Và không phải tình - cờ mà Brésil, (*chớ không phải Tchecoslovaquie*) đã cùng với Maroc và Côte d'Ivoire, hợp thành phái-đoàn Liên-Hiệp-Quốc đi thăm-viếng Cambodge/Việt-Nam ; nhưng đó là kết-quả mỹ-mãn của những buổi trao-đổi ý-kiến, và một số quốc gia thông-cảm ủng-hộ lập-trường của Việt-Nam.

5) Phí-khoản ước lố 29.000 Mỹ-kim, không phải do Việt-Nam Cộng-Hòa và Cambodge, mà do quỹ chi-phí đặc-biệt của Liên-Hiệp-Quốc thuộc tài-khoá 1964 đài thọ, căn-cứ vào mục IA, quyết-nghị số 1985 của phiên Đại Hội-Đồng khoá thứ 18.

..

IV. - PHÁI - ĐOÀN Hội-Đồng Bảo - An Liên - Hiệp - Quốc từ-biệt New-York ngày 18-6-1964, lên đường công-cán.

Đáng lẽ đi ngả Thái-Bình-Dương qua Nhật-bản, Hương-cảng... gần hơn, thì đáp lời mời của Thái-Tử Norodom Sihanouk khi đó đang bệnh bên Pháp, phái-đoàn lại đi ngả Đại-Tây-Dương ... đường dài hơn, hội kiến với Thái - Tử Norodom Sihanouk ngày 22-6-1964 tại Nice, trước khi tiếp tục hành-trình qua Ấn-độ, Thái-lan, để tới Phnom-Penh trước ngày 26-6-1964.

Phái-đoàn lưu lại Cambodge từ 26-6 tới 5-7-1964. Lẽ tất nhiên phái-đoàn được nề chiều, trọng vọng ; và các nhà đương cuộc Cambodge hướng dẫn phái-đoàn đi thăm viếng những địa-diểm trước đây đã là sân khấu cho các vụ vi-phạm đáng tiếc : Cambodge dẫn chúng quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa « xâm - lược » và « khiêu-khích »...

Chủ-nhật 5-7-64, phái-đoàn đáp phi-cơ, tới Saigon. Cuộc tiếp đón về phía ta nồng hậu nhưng giản-dị, chỉ biết căn-cứ vào tâm lòng thành, và các nhân viên hữu-trách đã cố-gắng trình-bày thực-trạng tại Việt-Nam.

Thứ Hai 6-7-64, trong buổi tiếp xúc và làm việc đầu tiên, Bác-sĩ Phan-Huy-Quát Tổng Trưởng Ngoại Giao, đã thẳng-thắn và thực-thà tuyên-bố :

« Mặc-dù chưa phải là hội-viên Liên-Hiệp-Quốc, Việt-Nam hoàn-

toàn tán thành bản hiến-chương của tổ chức quốc-tế tối cao này. Là bạn của dân-tộc Cambodge, dân-tộc Việt-Nam chúng tôi chỉ khao-khát được sống hòa-bình. Nếu cho đến ngày nay, quốc-gia Việt-Nam còn ở trong tình-trạng chiến-tranh, ấy là tại Trung - Cộng, và nhất là tại Việt-Cộng...

« Chúng tôi tha-thiết tin tưởng vào cố-gắng, và hiệu-quả của Liên-Hiệp-Quốc trong công cuộc dàn-xếp các mâu-thuẫn quốc-tế. Nói tóm lại, nếu những sự-kiện đã qua giữa Việt-Nam và Cambodge làm chúng tôi buồn phiền, thì hôm nay các ngài tới đây, đối với chúng tôi, đã là một niềm hy-vọng...

« Chúng tôi không có gì giấu-giếm.

« Các ngài sẽ nghiên-cứu hồ-sơ ; hỏi cung nhân chứng ; viếng thăm địa-điểm ... Các nạn-nhân đồng-bào chúng tôi sẽ trình-bày cùng các ngài nỗi lòng họ đau đớn ; và các ngài sẽ có dịp nhận-xét tại chỗ những cảnh-tượng đáng thương... Các ngài sẽ đề-nghị những biện-pháp thích - đáng, để chấm - dứt một tình-trạng bi-đát đã đè nặng trên mối bang-giao Việt-Nam Cambodge, và thương - tổn tới nền hòa-bình Đông-Nam-Á ! Đề giúp các ngài làm tròn nhiệm-vụ, đề góp phần vào sự thành-công của các ngài — mà các ngài thành-công ấy là chính chúng tôi cũng thành-công ! — tất cả các cánh cửa, dù là Việt-Nam hay Cambodge, phải được mở rộng để đón tiếp các ngài . . . » (1)

Bộ ngoại-giao đề-nghị phái-đoàn sẽ dự các buổi thuyết-trình, thăm các địa-điểm miền biên-giới, và yêu-cầu « phái - đoàn sẽ lưu lại Việt-Nam ít nhất cũng ngang với thời-gian đã lưu lại Cambodge ». Và phái-đoàn đồng ý, đề chỉ từ-giã Việt-Nam vào ngày 14-7-1964, lên đường về New-York. (2)

..

v. — BẢN phúc-trình dày 16 trang, gồm 66 điều, được phái-đoàn hoàn tất và đệ Hội-đồng Bảo-An ngày 27-7-1964.

Sau khi ghi nhận (3) thiện - chí của Việt-Nam Cộng-Hòa « sẵn lòng chấp nhận hết thấy các biện pháp mà thủ tục áp-dụng khách-quan và vô-tư có thể cải - thiện tình - trạng giữa hai quốc-gia », bản phúc-trình kết thúc bằng một đoạn gồm 5 khuyến-cáo như sau ; Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc nên :

1o) gửi qua Ca bodge một nhóm quan-sát viên,

(1) Journal d'Extrême-Orient, ngày 7-7-64.

(2) Như vậy, phái đoàn lưu tại Cambodge từ 26-6 tới 5-7-64 ; và lưu tại Việt-Nam từ 5-7 tới 14-7-64. Mỗi nơi : 9 ngày.

(3) Điều 51 : «... le Gouvernement de la République du Việt-Nam a donné à la Mission l'assurance qu'il était prêt à accepter toutes les modalités de solutions, pourvu que, par leur exécution objective et impartiale, elles puissent contribuer à améliorer la situation entre les deux pays ».

20) khuyến-khích hai nước Cambodge và Việt-Nam tái-lập quan-hệ chánh-trị,

30) ủy-nhiệm một nhân-vật quốc tế được cả hai quốc-gia chấp thuận để tổ-chức tiếp-xúc sơ-bộ giữa hai chánh phủ nhằm mục đích nối lại bang-giao, đàm-phán về các vấn-đề tranh-chấp, nhất là về vấn-đề minh-định biên-giới và đặt các trụ biên-giới.

40) ghi - nhận lời cam - kết của Việt-Nam Cộng-Hòa đã chỉ thị cho quân-đội phải hết sức thận trọng hầu tránh mọi vi-phạm biên-giới,

50) Ghi nhận lời tuyên-bố của chánh phủ Việt-Nam Cộng-Hòa công nhận và tôn trọng nền trung-lập cùng là sự toàn vẹn lãnh-thổ Cambodge.

..

VI. — TRƯỚC những lời khuyến cáo ghi trên đây của Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc — khuyến cáo chung cho cả hai quốc-gia Việt-Nam và Cambodge — (1), Việt-Nam Cộng-Hòa rất vui vẻ công nhận những phần lỗi về mình, đồng thời nhận chân bắt đầu từ giới-hạn nào là trường-hợp giảm-khinh, và bắt đầu từ giới-hạn nào là lẽ phải về mình...

VII. — TRÁI lại, phản ứng của Cambodge trước những lời khuyến-cáo của Hội-đồng làm ai nấy ngạc-nhiên, và một số nhân-vật quốc-tế công-phần.

Cambodge đã tỏ vẻ bất bình...

Trước hết tại New-York, Ô. Sonn Voeunsai đại-diện Cambodge tại

Liên - Hiệp - Quốc tuyên - bố với báo chí và trả lời phỏng-vấn trên đài phát thanh, đại ý nêu lại vấn-đề triệu-tập Hội-ng nghị Genève, và đặt điều-kiện cho việc áp dụng các khuyến-cáo (2) :

— các quan sát viên phải hoạt-động với tính cách dân-sự,

— quốc - tịch các quan-sát-viên phải được chánh-phủ Cambodge chấp-thuận,

— các quan sát viên chỉ có thẩm-quyền hoạt-động trên lãnh-thổ Cambodge, để tránh cho Cambodge khỏi liên-quan tới chiến-tranh tại Việt-Nam,

— chi-phí của phái-đoàn quan-sát-viên không thể do Cambodge hay Liên-Hiệp-Quốc đài-thò,

— các quan sát viên không được thay thế cho Ủy-hội quốc-tế kiểm-soát đình-chiến hiện-hữu.

Ngoài ra, điều-kiện tiên-quyết cho mọi cuộc đàm-phán phải là : Việt-Nam Cộng-Hòa rút bỏ yêu-sách đòi các hòn đảo miền duyên-hải (3), và mọi quyết-định của Hội-

(1) Xin nhớ là : Việt-Nam không phải là quốc-gia hội-viên Liên-Hiệp-Quốc; còn Cambodge là quốc-gia hội-viên, đã khởi-tổ Việt-Nam trước Hội-Đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc...

(2) Lẽ dĩ-nhiên các điều-kiện này gây khó khăn cho công cuộc áp-dụng khuyến-cáo.

(3) Xin coi bài : « Biên - giới Việt-Nam / Cambodge », Bách-Khoa số 183, trang từ 3 tới 12 : và chú-giải về các hòn đảo Minquiers và Ecréhous ở đoạn VIII, cuối thiêu lược-khảo này.

đồng về việc gửi phái-đoàn quan-sát-viên phải được đồng-thanh-biêu-quyết.

Tại Phnom-Penh, phản-ứng cũng không kém gay-go phức-tạp.

Tuần-báo Neak Cheat Niyum do các nhân-vật trọng-yếu trong chánh giới Cambodge biên-soạn và điều-khiển, trong số phát hành ngày 26-7-1964, đã không tiếc lời nêu đề-tài cho một bài xã - thuyết quan-trọng : « Phải chăng Hoa - Kỳ mua chuộc Liên-Hiệp-Quốc ? » (1) Những danh - từ quá - khích, những biện-luận mĩa-mai đã được xử - dụng : nào « vận-động vô-sĩ » (2), nào « tên Nam Việt-Nam Vũ-Văn-Mẫu » (3).. Và chúng ta có thể bình - tĩnh thưởng - thức những tế - nhị văn-chương đó :

« Phái-đoàn Hội-đồng Bảo-An đã vượt quyền - hạn của nhiệm - vụ được giao-phó. Sự-kiện càng phi-lý vì không những Nam Việt - Nam không phải là hội-viên Liên-Hiệp-Quốc, mà còn luôn luôn chứng-tỏ thái-độ khinh thường Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc » (4). Hay : « Ba khuyến-cáo của Hội-đồng Bảo-An thật minh bạch : Cambodge vốn dĩ là nạn-nhân, ngày nay trở nên bị cáo! Các quý ông Stevenson, Butler, Vũ-Văn-Mẫu, có thể khui « xâm banh » để ăn khao. Họ đã thắng cuộc trong hiệp đầu, nhưng đó là lần đầu mà cũng là lần cuối !... » (5).

Ngày 27-7-1964, Thái-Tử Quốc-Trường Norodom Sihanouk tuyên-bồ trước Thượng Hạ Nghị-Viện, nhân dịp khai-mạc khóa họp hàng

năm : « Tôi rất tiếc là phái-đoàn đã quan-niệm như có bốn-phần ủng hộ một quốc-gia xâm-lược, không phải là hội-viên Liên-Hiệp-Quốc... » (6)

Ngày 31-7-1964, nhân cuộc kinh-lý tại Kampot, Thái-Tử Norodom Sihanouk ứng-khẩu cũng tuyên-bố với quốc-dân :

« Sau kinh - nghiệm chua-chát vừa qua, chúng ta sẽ không bao giờ còn nhờ Liên-Hiệp-Quốc dàn-xếp điều gì nữa ! Chúng ta sẽ nghiên-cứu khả-năng một liên-minh quân-sự ký-kết với các bạn Trung-Hoa (7), đủ minh-bạch để các kẻ thù của chúng ta suy-ngẫm... »

(1) « Les U.S.A. ont ils corrompu les Nations-Unies ? »

(2) Manoeuvre machiavélique.

(3) Le Sud-Vietnamien Vũ-Văn-Mẫu.

(4) La Commission du Conseil de Sécurité a outrepassé les limites de sa mission, d'autant plus que le Sud-Vietnam n'est pas membre des Nations-Unies et a donné des preuves surabondantes de son mépris pour sa Charte.

(5) Les 3 recommandations de la commission du Conseil de Sécurité sont parfaitement claires : de victime, le Cambodge est devenu accusé. M.M. Stevenson, Butler, Vũ-Văn-Mẫu peuvent sabler le champagne. Ils ont gagné la première manche. Mais ce sera la seule !

(6) « Je regrette que la commission ait cru devoir apporter son soutien à un pays agresseur non - membre des Nations-Unies par surcroît... »

A.K.P. ngày 28-7-1964, trang 6.

(7) Trung-Hoa đây là Trung-Cộng.

Tôi cũng nghĩ tới ký-kết với Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa, với mặt Trận Giải Phóng Miền-Nam, với Néo Lao Haksat... Tôi sẽ tham-khảo ý-kiến chánh-phủ và quốc-dân về các vấn-đề này...» (1)

Ngày 1-8-1964, một bản tuyên-ngôn của chánh - phủ Hoàng - gia Cambodge đả-kích các khuyến-cáo là « do bọn xâm-lãng đưa ra », và cho rằng « những kẻ tự nhận là phục-vụ Liên-Hiệp-Quốc và bảo-vệ hiến-chương của tổ-chức quốc-tế này, trong thực-tế, có thể tỏ ra là tay sai của một trong các chế-độ độc-tài có óc xâm-lược nhất hiện nay trên thế giới ! » (2)

Chưa bao giờ một phái-đoàn quốc-tế được mời tới một quốc-gia, đề nghiên-cứu về một vấn-đề, lại có thể bị công-kích thậm-tệ đến như vậy ! Và lý-do chỉ vì những nhận-xét vô-tư và khuyến-cáo xây-dựng của phái-đoàn, không hợp với ý-nguyện của quốc-gia kia !

Báo « Le Monde » xuất-bản tại Paris ngày 4-8-1964, đã tóm-tắt các ý-kiến phản-ảnh tâm-trạng chánh-giới Cambodge, dưới nhan đề : « Le Cambodge rejette les conclusions de la commission d'enquête des Nations Unies ! », khiến phái-đoàn Maroc tại Liên-Hiệp-Quốc phải lên tiếng phản-đối, Bản Thông-cáo của phái-đoàn Maroc tại Liên-Hiệp-Quốc đề ngày 7-8-1964, kết-luận như sau :

« Sự thực đã bị xuyên-tạc quá đáng.

« Vì vậy, khi nội vụ được đưa ra bàn-luận tại Hội-đồng Bảo-An, phái-đoàn (3) bắt buộc sẽ phải trình bày thêm chi tiết về các cuộc hội-đàm giữa nhân - viên phái-đoàn và các giới hữu-trách Cambodge, cùng là các chi-tiết về những điểm ghi trong bản phúc-trình...» (4)

(1) « Nous ne nous plaindrons désormais plus à l'ONU dont nous venons de faire une expérience concluante... C'est un tout autre moyen que nous devons utiliser pour inciter nos agresseurs à nous respecter... Je réunirai au Palais Royal les membres du Gouvernement et du Parlement pour leur demander leur avis sur l'opportunité de négocier avec nos amis Chinois un Accord d'Entraide Militaire suffisamment explicite pour donner matière à réflexion à ces ennemis... J'envisage également de signer des Accords avec la République Démocratique du Vietnam, le Front National de Libération, et le Néo Lao-Haksat... » A.K.P. ngày 1-8-64, trang 2A và 2B.

(2) « ... des recommandations si manifestement inspirées par nos agresseurs ».

« ... ceux qui se proclament les serviteurs des Nations-Unies et les défenseurs de sa Charte peuvent se révéler, en fait, les complices de l'une des dictatures les plus agressive qui puisse exister actuellement dans le monde ».

A.K.P. 1-8-1964, trang II - C.

(3) Phái đoàn Maroc.

(4) « Cette singulière façon de dénaturer si gravement les faits, oblige les membres de la Mission, lorsque la discussion aura lieu au Conseil de Sécurité, à donner de plus amples précisions sur tous les entretiens qu'elle a eus avec les responsables cambodgiens, et ceci afin d'éclairer fidèlement l'opinion internationale... »

Mặc dầu bản thông-cáo của phái-đoàn Maroc (1), ngày 12 - 8 - 1964, Quốc - trưởng Norodom Sihanouk cũng không ngần ngại trao cho ô. Narashimhan, chánh văn phòng của ông Tổng-Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc, một bức thư đề khi về New-York chuyển lại cho U Thant. Đoạn cuối bức thư đại ý như sau :

« Những khuyến cáo của các nhân viên Hội-đồng Bảo-An không đáp-ứng với nhu cầu của một biện-pháp trong phạm vi vấn đề Cambodge đã nêu ra... Cambodge yêu-cầu Hội-đồng Bảo-An xếp hồ-sơ này lại, và Cambodge sẽ dành quyền tự bảo vệ bằng những phương tiện do các nước cung-cấp, mặc dù vẫn tôn-trọng tinh-thần và nội-dung Hiến chương Liên-Hiệp-Quốc » (2).

VIII.— **T**ỚI đây, chúng ta có thể tạm chấm hết thiên lược-khảo về-vụ tranh-chấp Việt-Nam/Cambodge trước Hội-Đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc, trong lòng không khỏi buồn rầu vì bài toán chưa tìm được lời giải thích-đáng khả-dĩ hài lòng cả đôi bên !

Cách đây mấy năm (3), Cambodge đã khiếu-nại Thái-Lan trước Tòa-án Quốc-tế La Haye (4), về ngôi

(1) Phái-đoàn Maroc và phái đoàn Côte d'Ivoire cùng thảo quyết-nghị ngày 4-6-1964 mà Cambodge đã tán-thành. Phái-đoàn Maroc + Brésil + Côte d'Ivoire, sang viếng Cambodge/Việt-Nam từ 26-6 tới 14-7, là thi hành quyết nghị này.

(2) «... D'autre part, les recommandations des enquêteurs du Conseil de Sécurité ne répondent pas à la situa-

tion et à la nécessité d'une solution au problème posé dans les limites de la plainte cambodgienne.

den Preah-Vihear. Tòa Án xử Thái-lan thua kiện, và Cambodge mở hội ăn mừng, tri-ân các vị thẩm phán công-minh, trong khi Thái-lan tỏ thái-độ bất-bình, nhưng rồi sau cũng tuân hành phán-quyết. Chúng ta trở lại với Cambodge đề tự hỏi: Chẳng lẽ một quốc - gia mang một vấn-đề tranh-chấp ủy cho một cơ-quan quốc-tế phân-xử hay dàn xếp,

tion et à la nécessité d'une solution au problème posé dans les limites de la plainte cambodgienne.

Afin de ne pas compliquer la lourde tâche du Secrétariat Général des Nations-Unies et du Conseil de Sécurité saisis de la très grave affaire du Golfe du Tonkin et de l'attaque contre la RDVN, le Cambodge demande le classement pur et simple du dossier de sa plainte contre les Etats-Unis et le Sud-Vietnam. Le Cambodge se réserve donc le droit de se défendre par ses propres moyens et avec les moyens accordés par ses amis, ce dans le respect de l'esprit et de la lettre de la Charte des Nations-Unies.

Fait à Phnom-Penh, le 10 Août 1964
Norodom Sihanouk

Chef de l'Etat du Cambodge »
A.K.P. ngày 17-8-1964; trang 2 và 2-A.
(3) 1961.

(4) Cour Internationale de Justice à La Haye, đã từng xử các vụ xích-mịch lịch-sử giữa Pháp và Mỹ về Maroc năm 1952, (khi đó Maroc chưa độc-lập), giữa Pháp và Anh về các hòn đảo Minquiers và Ecréhous năm 1953, và giữa Cambodge và Thái-Lan về ngôi đền Preah Vihear năm 1961...

Vụ hai hòn đảo Minquiers và Ecréhous làm ta liên-tưởng tới vụ các hòn-đảo trong vịnh Thái-Lan, đã gây mâu-thuẫn giữa Việt-Nam và Cambodge.

lại chỉ công nhận thẩm-quyền của cơ-quan đó một khi phán-quyết hay khuyến - cáo được đúng với sở-nguyện của chính mình ?

Việt-Nam và Cambodge là hai quốc-gia kế-cận ; các nhà lãnh-đạo hai quốc-gia đa-số là chỗ tâm-giao, quyền lợi của hai quốc-gia lại bổ-túc lẫn nhau : sớm muộn, bài toán phải có một lời giải đáp thích ứng, có lợi cho cả hai dân tộc (1).

Trong khoảng thời-gian 25 năm tiền-bán thế kỷ này, hai nước Pháp và Đức đã hai lần không đội trời chung bằng hai trận huyết-chiến 1914—18 và 1939—45. Ấy thế mà ngày nay, hai dân tộc đứng trước thực-tế còn có thể quên chuyện đã qua, để cùng bắt tay vào đại-sự. Muốn thực-hiện điều đó, mà ai nấy đều khát khao hy-vọng, chỉ cần một chút thiện-chí và lương-trí từ cả đôi bên (2). Mong rằng những tang tóc đã qua sẽ là một kinh - nghiệm cho cả hai quốc-gia, để cùng văn-hồi tình bạn giữa hai nước láng-giềng và giữa hai dân-tộc huynh-đệ.

Chúng tôi mong có dịp sẽ trở lại vấn-đề này.

PHẠM TRỌNG NHÂN

Hai hòn đảo Minquiers và Ecréhous ở biển Manche, thuộc miền duyên-hải Pháp, ở giữa đảo Jersey và bờ Cotentin, gần bến tàu đánh cá Pháp Saint-Malo. Năm 1951, Pháp và Anh ký một thỏa-ước về quyền đánh cá đồng-đều dành cho các công-dân Pháp và Anh. Về phương-diện chủ-quyền hai hòn đảo, hai chánh-phủ đồng lòng nhờ Tòa-án Quốc-tế La Haye xét-xử.

Ngày 18-11-1953, Tòa án đã phán-quyết các hòn đảo đó thuộc chủ-quyền nước Anh, mặc dù ở gần bờ biển Pháp. Và Pháp đã vui vẻ tuân hành.

Trong thỏa-hiệp ngày 29 tháng 12 năm 1950, hai nước đồng ý đưa nội-vụ ra trước Tòa án Quốc tế La Haye, ta nhận thấy đoạn sau đây :

« Désirant que soient définies les questions à soumettre à la Cour Internationale de Justice,

Sont convenus de ce qui suit :

Article Premier. — La Cour est priée de déterminer si la souveraineté sur les Etats et rochers des groupes des Minquiers, d'une part, et des Ecréhous, d'autre part, dans la mesure où ces Etats et rochers sont susceptibles d'appropriation, appartient à la République Française ou au Royaume-Uni... »

(1) xin coi bài « đường lối ngoại giao của đệ nhị Cộng-Hòa », B.K. số 165.

(2). — Ngay những giai - đoạn nền bang-giao căng thẳng giữa hai quốc-gia, tại hành - lang Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc hoặc khi đón tiếp phái đoàn đó tại Việt-Nam, các nhân viên hữu-trách Việt-Nam cũng không hề đả-kích kịch-liệt hoặc dùng những danh-từ quá đáng để nói về Cambodge.

Cuốn Giác-Thư Việt-Nam Cộng-Hòa đáp lời Vương-quốc Cambodge, được chuyển tới Hội-đồng Bảo-An và các quốc-gia bạn làm tài liệu nghiên-cứu. Ngay trong lời tựa cuốn Giác - Thư, nhà bình bút cũng rất ôn-hòa và bình tĩnh trong đoạn sau đây trích nguyên văn :

« ... Le document Vietnamien n'a pour but ni d'accuser le Cambodge, ni d'engager avec ce pays voisin une polémique ennuyeuse et stérile. A la lumière des faits qui — en démontrant la ferme résolution du Peuple Vietnamien qui n'aspire qu'à la Paix — en disent long par là - même sur la tragique situation d'un pays en guerre,

PHỤ-CHÚ

Bài sắp lên khuôn, thì được tin (AFP ngày 30-8-1964) Thái-Tử Norodom Sihanouk, chánh - phủ Hoàng-Gia và Thượng Hạ Nghị-Viện Cambodge đã « long - trọng phản-đối bản phúc-trình của phái-đoàn Hội-Đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc về vụ tranh-chấp Cambodge Nam Việt-Nam. »

Thái-Tử Sihanouk, Chánh-phủ và Quốc-Hội Cambodge « coi những khuyến-cáo của bản phúc-trình như tuyệt-đời bất khả chấp-nhận đối với Cambodge. »

Như thế là vụ tranh-chấp giữa Việt-Nam và Cambodge có thể coi như đã kết-liều (!). Và chúng ta không nên quên những đặc-điểm sau đây của vụ tranh-chấp phức-tạp này :

1) Chính Cambodge đã đưa vụ tranh-chấp ra trước Hội-Đồng Bảo-An.

2) Sau một cuộc kinh-lý và những tiếp-súc tại chỗ, khi phái-đoàn Hội-Đồng Bảo-An đưa các khuyến - cáo thì Cambodge phản-kháng vì : « bản phúc-trình bất khả

ce Memorandum vise à rétablir la vérité et servir la compréhension entre les deux peuples et le rapprochement des deux nations ».

(Memorandum en réponse aux accusations formulées par le Gouvernement Royal du Cambodge contre le Gouvernement de la République du Viet-Nam devant le Conseil de Sécurité des Nations-Unies, Saigon, Mai 1964).

chấp-nhận », « nhân-viên phái-đoàn đã bị mua chuộc » và « các người có sứ-mệnh điều-tra đã là tay sai của đế quốc »!...

Ngoài ra, ngày 31-8, nguồn tin UPI cho biết : Thái-Tử Norodom Sihanouk còn tuyên-bố trong một thông-điệp gửi quốc-dân, đề-nghị sẽ :

1) Thăm-cứu khả - năng biện-pháp yêu-cầu Trung-Cộng, và Việt-Cộng cùng bảo - đảm biên - giới Cambodge, không những giữa Việt-Nam/Cambodge mà *toàn thể biên-giới* địa phận cũng như hải-phận.

2) Công-nhận Việt-Cộng trước pháp-lý, thiết-lập quan-hệ bang-giao với cấp Đại-sứ quán ; và đó là hậu-quả dĩ-nhiên của điều 1 trên đây.

3) Đòi lại các « tỉnh Cambodge », nghĩa là phần lớn « lãnh-thổ » Nam-Kỳ ! ».

Mặt khác, chúng ta cũng không nên quên là Thái-Tử Norodom Sihanouk đã có thái-độ cứng-rắn như vậy, giữa các cuộc công-du liên-tiếp :

— giữa tháng 6 : đã viếng thăm chánh thức nước Pháp ;

— giữa tháng 8 : đã viếng thăm chánh thức Indonesia (1) ;

— đầu tháng 10 : sẽ viếng thăm chánh-thức Trung-Cộng...

(1) Tháng 8 - 1964, Tổng Thống Soekarno cải tổ nội các : Chủ tịch đảng Cộng-Sản Njoto được ủy-nhiệm chức-vụ Bộ-Trưởng tại Phủ Tổng-Thống...

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central distrit : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala lumpur : *14 Ampang Street.*

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nguyên tắc hành đạo của Hồi Giáo

● DOHAMIDE

(xin xem B.K. từ 181)

II.— Cầu nguyện (Sgo-lah)

Cầu nguyện dịch chữ *Sgo-lah* của A-Rập hoặc *Xăm.bah-yăng* của Mã-Lai-Á, không có nghĩa là hướng cao tâm hồn về phía Thượng đế, vì việc đó mọi người Hồi-Giáo đều có thể làm bất cứ lúc nào, qua việc đọc kinh *Cur. n*, do sự suy tưởng hoặc là trong một lúc khó khăn nào đó, người ta hướng về Đấng cao cả để mong tìm một sự cứu giúp. Việc cầu xin này gọi là *đu-a*, thường người ta đưa ngửa hai bàn tay để ngang ngực, rồi đọc những câu kinh và chấm dứt với chữ *A-min*.

Cầu nguyện ở đây là một bổn phận bắt buộc đối với người Hồi-Giáo (*wa-jib*) và phải tuân theo một khuôn khổ lễ thức phức tạp và tế nhị.

Đây là một tác động đặt con người trước Thượng đế, nên điều

kiện tiêu quyết bắt buộc là sự sạch sẽ từ cả thể chất lẫn tinh thần.

Điều kiện kể trên đã tạo nên một tập tục khá đặc biệt trong Hồi-Giáo, đó là tập tục cắt da quy đầu (*circumcision*) áp dụng cho tất cả nam tín đồ, và được liệt vào loại *Wa-jib*, tức là không thể không làm được. Thực ra thì tập tục này (*kho-tanh*) không có quy định trong *Cur-An*, nhưng mọi người Hồi-Giáo đều xem như là một bổn phận thiêng liêng, tiêu biểu cho tinh thần Hồi-Giáo trong con người của mình. Trên nguyên tắc, người ta không có quy định đến tuổi nào mới cắt, có nơi áp dụng ngay khi đứa bé mới sinh được vài ngày, nhưng dù sớm dù muộn thì cũng phải cắt trước 15 tuổi, tức mức tuổi phải *sgo-lah* tức cầu nguyện. Người ta quan niệm rằng chỉ sau khi cắt như vậy rồi, con người mới hoàn toàn sạch sẽ,

để làm công việc do Thượng đế truyền dạy.

Có nhiều địa phương tổ chức lễ *kho-tanh* rất linh đình và họ hàng bà còn đương sự rất lấy làm hãnh diện được chứng kiến một thử thách thực sự đưa con người về với Đạo. Thường người ta không dùng thuốc mê, cho nên ai cũng biết rằng việc đó gây đau đớn, nhưng chính cái đau đớn đó đã làm tăng can đảm, tăng sự quyết tâm của người Hồi-Giáo, dọn mình thần phục Thượng đế.

Hồi-Giáo-Luật xếp sự dơ bẩn của thể xác con người làm 2 loại :

Thứ nhất là loại dơ bẩn hệ trọng như vợ chồng sau khi ăn nằm với nhau, kinh nguyệt...v.v... có hậu quả bị cấm cầu nguyện, đọc kinh *Cur-An*, vào Thánh Đường và ngoài ra, còn phải chịu những điều cấm của loại thứ hai nữa. Muốn tẩy sạch loại dơ bẩn hệ trọng này, phải tắm toàn thân mới được.

Thứ hai là loại dơ bẩn thứ yếu, bị cấm cầu nguyện (*Sgo-lah*), *ta-waf* và động chạm *Cur-An*. Đối với loại này, chỉ cần dùng nước tẩy sạch chỗ dơ là đủ.

Có bảy thứ nước có thể dùng là nước mưa, nước sương, nước mưa đá, nước biển, nước sông, nước suối, nước giếng. Bảy thứ nước này lại phân làm 3 loại :

1) *Mu-tgo-lăk* nước tinh khiết dùng để tẩy thể để cầu nguyện.

2) *Mus-tăk-măl*, nước đã dùng tẩy chất dơ rồi hoặc có pha lẫn chất mủ hoặc nhựa như nước trà, nước

đường, nước dừa... loại nước này uống được nhưng không thể dùng để tẩy sạch được.

3) *Mu-ta-na-djes*, nói chung là nước dơ bẩn, phân làm hai thứ :

a) ít hơn 2 *co-lah* (200 lít) đã bị chất dơ bẩn rơi vào.

b) nhiều hơn 2 *co-lah*, nhưng đã bị chất dơ (*na-djes*) rơi vào làm biến đổi năm sắc và đã có mùi hôi.

Do đó, chỉ có loại nước *Mu-tgo-lăk* mới dùng được. Trong trường hợp nước *Mu-tgo-lăk* này bị nước *Mus-tăk-măl* rơi vào hòa lẫn thì cũng thành vô dụng.

Xa-rod Wo - đưa ấn định những điều kiện tẩy thể trước khi cầu nguyện :

- 1) phải là tín đồ Hồi-giáo.
- 2) trai hoặc gái có năng trí, phân biệt sự tốt xấu, phải quấy.
- 3) nếu là đàn bà thì phải dứt kinh nguyệt (*hêd*) hay huyết hộ sản (*ni-phas*)
- 4) dùng nước *mu-tgo-lăk*
- 5) tẩy sạch chất dơ bẩn (*na-djes*)
- 6) phải hiểu tất cả *Wa-jib* và *xu-nat*.

Ru-kun Wo-đưa định những thể thức tẩy thể :

- phải ý thức việc tẩy thể
- rửa mặt (nước cần thấm từ tóc đến cằm).
- rửa hai cánh tay
- thấm nước trên đầu
- rửa 2 bàn chân.

Thực hiện những động tác theo thứ tự trên con người có thể xem như tinh khiết về vật chất để có thể cầu nguyện.

Tuy nhiên, sự tinh khiết kể trên sẽ kể như mất đi, nếu :

— vật chất xuất hiện nơi đường đại và tiểu tiện như có kinh, xuất tinh, phân v.v...

— nằm ngủ không kín 2 bàn móng.

— nhất trí khôn

— đụng chạm người khác giống có thể cưới hỏi được (nếu chỉ chạm áo quần thì không sao)

— bàn tay chạm phải bộ phận sinh dục hay hậu môn.

Trong các trường hợp này, bắt buộc phải tẩy thề một lần nữa.

Trên nguyên tắc, mọi tín đồ Islam, nam nữ đến tuổi trưởng thành tức 15 tuổi (1) trở lên đều có bổn phận (*wa-jib*) phải cầu nguyện mỗi ngày 5 lần :

1) *Xu-bôh*, Hừng sáng lối 5 giờ.

2) *Zu-hôr*. Trưa lối 13 giờ.

3) *A-xâr*, Xé chiều, lối 16 giờ.

4) *Ma-grêb*, chạng vạng, lối 19 giờ.

5) *Y-sa*, tối vào lối 21 giờ.

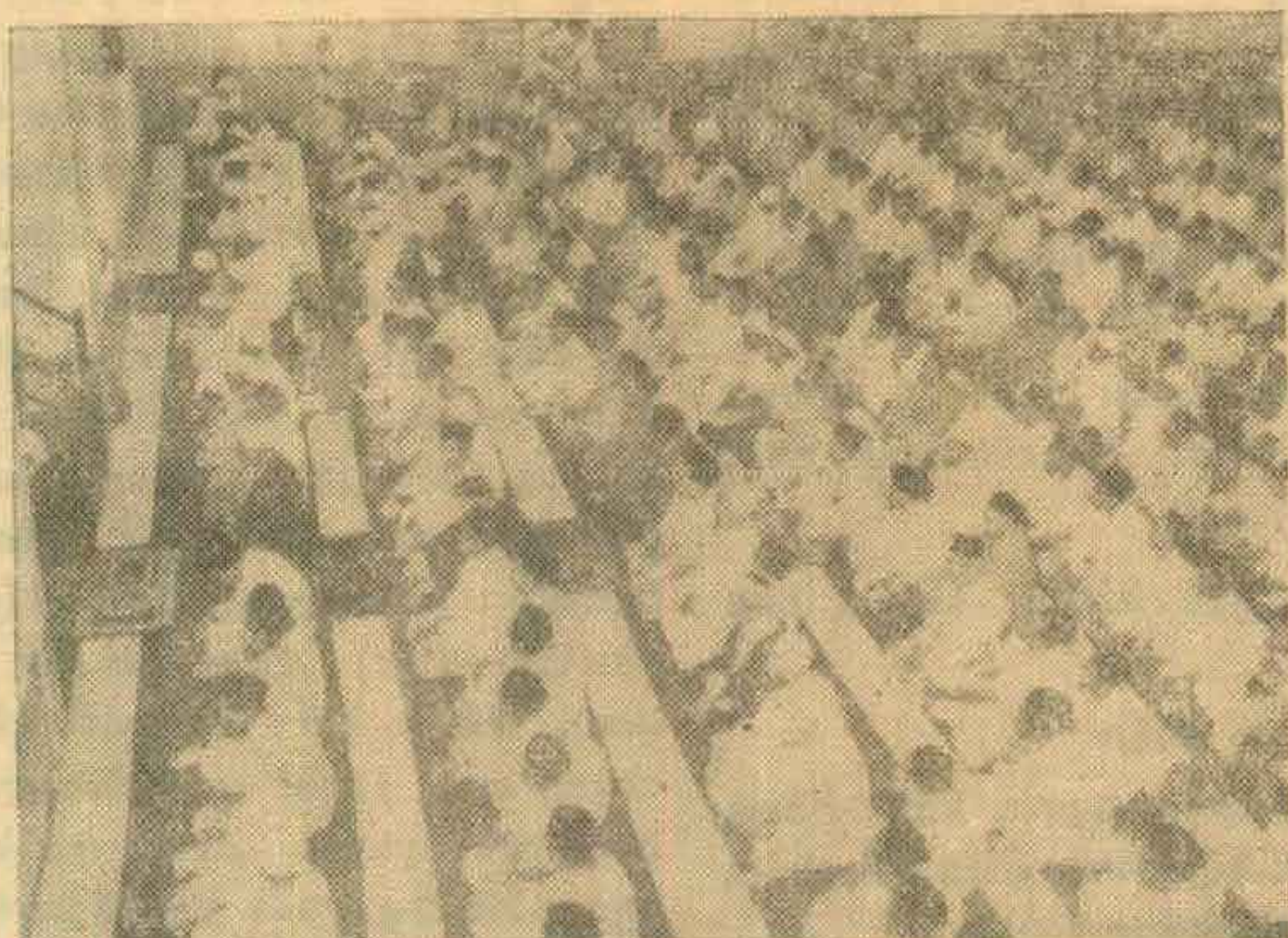
Trong xã-hội Hồi-Giáo cổ xưa, ở A-Rập việc thực hành điều bắt buộc kể trên có lẽ không khó khăn cho lắm. Người ta thử tưởng tượng cuộc sống của một người thợ tiểu

công, một kẻ chăn chiên, một nông dân... hồi thế kỷ VIII, hằng ngày phải sống dưới sức nóng như thiêu, từ sáng sớm đã phải dậy làm việc cho đến mặt trời đứng bóng; sau giấc ngủ trưa, lại tiếp tục làm việc cho đến chập tối mới nghỉ, rồi lại dùng cơm tối, rồi đi ngủ. Năm khoảng thời gian nghỉ ngơi kể trên phù hợp với thời khắc biểu cầu nguyện : Hừng sáng *Xu-bôh* (trước khi làm việc) ; trưa *Zu-Hor* (nghỉ làm), xế *A-Xâr* (bắt đầu làm) ; chạng vạng (nghỉ làm) *Ma-grêb* và buổi cầu nguyện tối trước khi đi ngủ. Những buổi cầu nguyện đó đã tạo nhịp điệu cho cuộc sống và thêm vào một thứ sắc màu thiêng liêng cho tinh thần con người ta hằng ngày.

Suy ra, thời khắc biểu cầu nguyện kể trên có vẻ không phù hợp với hoàn cảnh xã-hội văn minh cơ khí. Cho nên ngày nay, mặc dù trên phương diện hình thức, không có một điều khoản giáo luật nào đặc miễn cho những trường hợp bình thường, những sự việc đã xảy ra như là đã được mặc nhiên chấp nhận cho miễn trách mắc về những điều bó buộc kể trên. Như trường hợp viên tài xế hỏa xa chẳng hạn hoặc một người thợ trong một xí nghiệp, cả hai vì miếng cơm đều không thể vắng mặt một giây phút nào cả, tại chỗ làm. Giáo luật có cho phép kẻ mộ đạo, thực hiện bù lại (*co-đo*) những buổi cầu nguyện khiếm khuyết vì lý do bất khả kháng.

Giáo luật không những đã quy định tỉ mỉ giờ giấc cầu nguyện, mà

(1) Điều kiện tuổi không nhất định, nam nữ chưa đến 15 tuổi mà đã xuất tinh hoặc kinh nguyệt thì cũng gọi là ba-liêk, phải cầu nguyện.



Quang cảnh bên trong Thánh Đường Hồi-Giáo của Trường Đại Học Kuala-Lumpur (Mã-Lai-Á), khi buổi cầu nguyện tập thể vừa chấm dứt, các Hồi-Giáo đồ ngồi tại chỗ, tiếp tục đọc những bản « đă - a » bổ túc

còn định cả từng cử chỉ lúc cầu nguyện nữa.

Một buổi lễ cầu nguyện chia ra nhiều phân đoạn (*rắc-at*) tùy theo giờ giấc mỗi phân đoạn gồm có việc đứng thẳng người, rồi khom lưng xuống hai tay chống đầu gối, rồi quỳ mọp xuống, trán đặt sát với nền gạch, rồi ngồi xếp bằng 2 bàn tay đặt úp trên gối.

Trong buổi lễ cầu nguyện, phải tuyệt đối giữ im lặng, tâm tư chỉ hướng về việc đọc một số kinh bằng tiếng A-Rập, dôi dôi tùy theo phân đoạn. Có một vài chi tiết khác biệt nho nhỏ giữa các Trường phái, trong sự quy-định cử chỉ của người cầu nguyện. Người Hồi-Giáo thuộc Trường phái *Ha-nê-*

phỉ chẳng hạn khi đứng thẳng người thì hai tay buông thẳng xuôi theo thân, trái lại người Hồi Giáo trường phái *Sa-phê-y* thì lại khoanh tay trước ngực.

Mọi người Hồi Giáo khi cầu nguyện đều đứng hướng mặt về phía mặt trời lặn tức hướng Thánh Địa Mecca nơi có đền *Kaa-bah*. Trong các Thánh Đường (*mas-jid*), hướng này được đánh dấu bằng một lỗ hổng vào tường gọi là *mi-h-rap*, thường hình bán nguyệt, cao hơn đầu người. Vị *I-Mâm* đứng trong *mi-h-rap* này để hướng dẫn những buổi lễ cầu nguyện long trọng.

Việc hướng về phía Thánh Địa Mecca kể trên của Hồi Giáo đã giải

thích tại sao khoa học thiên văn rất phát triển nơi người A-Rap hồi thời Trung Cổ.

Mỗi cá nhân khi cầu nguyện đều trải phía trước một tấm thảm hoặc một chiếc chiếu nhỏ, để giữ cho chỗ đứng hoàn toàn sạch sẽ. Trong các Thánh Đường, thì thường nền gạch đều có trải sẵn những tấm thảm dài, do đó, khi vào Thánh Đường Hồi Giáo, mọi người đều phải cởi giày, để trước cửa.

Người Hồi Giáo không thờ một bụt, một hình tượng nào cả, nên trong nhà cũng như tại Thánh Đường đều không có bàn thờ. Cũng do đó, một người Hồi Giáo có thể ở nhà cầu nguyện theo những nghi thức quy định và cũng có thể đến Thánh Đường dự những buổi lễ đạo tập thể theo những giờ giấc kẻ trên. Nhưng việc đến Thánh Đường có tác dụng biểu lộ tinh thần của cộng đồng Hồi Giáo, nên bao giờ cũng được khích lệ hơn. Điều đáng chú ý là dù là trong buổi cầu nguyện tập thể, mọi tín đồ không phân biệt đẳng cấp hoặc chức sắc, đều phải được thực hiện các động tác như nhau cả. Tại Thánh Đường, các tín đồ đứng bên nhau thành hàng ngang, khoảng cách trước sau đủ để có thể đặt trán lên nền gạch khi quỳ xuống, phía trước có một vị *I-Mâm*, thường chỉ là một tín đồ được chỉ định hoặc đứng ra đảm trách việc hướng dẫn buổi lễ cầu nguyện, chứ không phải là một chức sắc riêng biệt nào cả, nên trên nguyên tắc, mọi người Hồi-Giáo đều có

thể đảm trách được công việc hướng dẫn này.

Thường khi trước giờ cầu nguyện tập thể, có một vị gọi là *Bi-lāl* đứng trên tháp cao của Thánh Đường, lên tiếng ngâm nga đọc một số công thức kêu gọi tín đồ. Ngọn tháp này đánh dấu đặc điểm của các Thánh Đường Hồi-Giáo nhưng không phải là một yếu tố cần thiết vì tại các nước Hồi-Giáo, cũng có nhiều Thánh Đường không có xây tháp, nhưng cái *mih-rap* thì bắt buộc Thánh Đường nào cũng phải có cả.

Cách phục sức khi cầu nguyện cũng được ấn định rõ ràng và cốt ở sự nghiêm trang, trong sạch. Đàn ông tối thiểu phải che kín từ khoảng trên rún xuống đến quá đầu gối, còn đàn bà thì phải che phủ toàn thân, chỉ chừa gương mặt và hai bàn tay mà thôi. Cũng do ảnh hưởng của quy định này mà phụ nữ các nước A-Rập, Hồi-Quốc, An-Giê-Ri... còn theo cổ, nay vẫn còn che kín mặt lúc ra đường. Phụ nữ các nước khác bình thường ăn mặc tự do hơn, vẫn phải mặc bộ đồ trắng như trên khi cầu nguyện.

Ngoài 5 buổi cầu nguyện có tính cách thường xuyên hằng ngày kẻ trên, người Hồi - Giáo còn cầu-nguyện (*sgo-lah*), trong nhiều dịp khác :

— cầu nguyện khi hiểm nguy (*el khof*) khi đối diện với quân thù.

— cầu nguyện khi nhứt thực (*cu-xuf*), nguyệt thực (*khu-xuf*).



*Thánh Đường Hồi Giáo
Trường Đại Học Kuala Lumpur (Mã-Lai-Á)*

— cầu nguyện cho người chết, sau khi tàn liệt và trước khi hạ huyết.

— cầu nguyện nhân các ngày Thánh lễ v.v...

Đối với Hồi - Giáo, mỗi tuần ngày thứ sáu là ngày Thánh lễ, cũng như ngày Chúa nhật đối với đạo Gia-Tô vậy. Tuy nhiên, Hồi-Giáo không có khuyến cáo ngưng làm việc ngày thứ sáu.

Tại các Thánh-Đường Hồi-Giáo đều có tổ chức một buổi lễ cầu nguyện long trọng, quy tụ hầu hết các tín đồ của tập thể. Buổi cầu nguyện này xảy ra đúng vào giờ *Zu-hôr* tức lối 1 giờ trưa, nên khi đã tham dự buổi cầu nguyện nào, người Hồi-Giáo khỏi phải hành lễ *Zu-hôr*. Riêng đối với những tín đồ

vì lý do nào đó không đến Thánh Đường được thì vẫn cầu nguyện như các ngày thường khác.

Trường phái Sa-phê-y buộc tối thiểu phải có bốn mươi tín đồ mới có lễ long trọng ngày thứ sáu được. Có Trường phái chỉ đòi hỏi 12 người là đủ.

Buổi cầu nguyện tập thể ngày thứ sáu chỉ gồm 2 *rac-at*, do một *I-mâm* đứng trong *mih-rap* hướng dẫn. Trước buổi cầu nguyện này, có một vị gọi là *kho-tip*, mặc áo dài tu sĩ lên đứng trên bậc tam cấp (*mim bar*), một tay chống gậy, đọc bài giảng *khut-bah*.

Nội dung của *khut-bah* khai triển các vấn đề liên hệ đến đời sống tinh thần của tập thể và thường dựa vào một vài câu kinh *Cur-An*

điền hình, khuyên răn, nhấn nhủ tín đồ về với Đạo, củng cố Đạo, ăn ở hiền lành v.v...

Trong suốt thời gian đọc *khutbah* kể trên, mọi tín đồ đều phải im phăng phắc, mọi sự xê dịch hoặc cử chỉ làm mất tính cách trang nghiêm đều có hậu quả làm cho sự hiện diện của mình tại buổi lễ cầu nguyện không mang lại một lợi ích nào cả, đối với sự bắt buộc của Thượng Đế.

III. — Mùa chay Hồi-Giáo.

Hằng năm, mọi người Hồi-giáo trưởng thành đều bắt buộc (*wa-jib*) phải *ăn chay* một tháng, vào tháng Ra-ma-đan tức tháng 9 Hồi lịch. Thực ra, các tháng của Hồi lịch rất khó mà đối chiếu chính xác với các tháng Tây-lịch vì Hồi lịch dựa vào vận chuyển của mặt trăng, nên tháng Ra-ma-đan thường nằm vào giữa khoảng từ tháng 2 đến tháng 5 Tây lịch.

Ăn chay ở đây không có nghĩa là chỉ kiêng thịt, mà trái lại nhịn ăn, nhịn uống, nhịn hút thuốc, chung chạ với đàn bà v.v., suốt ngày, từ khi hừng sáng cho đến lúc trời sẫm tối.

Theo nguyên tắc, mọi nam nữ tín đồ Hồi-giáo từ 15 tuổi trở lên đều phải *nhịn* như trên (mức tuổi không cố định, vì dù chưa đến 15 tuổi mà đã xuất tinh hoặc có kinh nguyệt thì buộc phải *nhịn*).

Việc *nhịn* kể trên có tác dụng nhắc nhở người giàu biết thương kẻ nghèo, vì có đói có khát, mới

thấu triệt được một cách thấm thía những cơ cực của kẻ khác.

Đó còn là tiêu biểu cho lòng sùng đạo, sự tận tụy của tâm hồn, gần bó Hồi-Giáo đồ với nhân loại để củng cố mối giây thân ái thiêng liêng trong tập thể.

Sự đói khát sẽ tạo ở con người một phản ứng tâm lý, để người Hồi-Giáo tuân mệnh Thượng Đế và hướng các hành động cùng tư tưởng của mình về với sự trung-tín, về với luân lý, với sự chính trực.

Phản ứng tâm lý kể trên còn khiến người Hồi-Giáo hãm mình trong một khuôn khổ, xa lánh mọi tội lỗi bất chính, khả trường.

Người Hồi-Giáo tin tưởng trong suốt tháng Ra-ma-đan tất cả ma quỷ bị xiềng xích ở một nơi, cửa Địa-ngục khép kín lại và cửa Thiên đàng mở rộng ra, sẵn sàng đón tiếp những kẻ có lòng thành. Do đó, *mùa chay Ra-ma-đan* là mùa làm phước, mùa tích thiện; con người ta vứt bỏ mọi thèm muốn vật chất, những dục vọng thấp hèn và chỉ chú trọng đến việc khắc phục bản thân, cho tâm hồn được trong sạch.

Sự đói khát còn tập luyện tinh thần, lôi kéo tâm hồn khỏi trạng thái mê muội, để chuẩn bị những hành vi ngoan đạo bắt buộc.

(1) Theo thứ tự từ tháng 1, các tháng của A-Rập được gọi như sau: Sgo-phar, Mu-har-rom, Ro-bin-ul-wāl Ro-bi-ul a-khīr, Jām-dul a-wāl, Jām-dul a-khīr, Ro-jāp, Saa-ban, Ro-ma-don tức Ramadan, Sāu-wāl Zul-co-i-dha, Zul Had-jah.

Thử thách về thể xác đề cao và củng cố sự tuân mệnh Thượng-Đế, theo gương Muhammad.

Trên nguyên tắc, việc *nhịn* kẻ trên sẽ bị xem như vô giá trị nếu phạm phải những điều sau :

— tự ý đưa vật chất vào cơ thể bởi những kẻ hở, vào đàn tiểu hay đại tiện.

— tự ý làm cho nôn mửa.

— ăn nằm với đàn bà.

— xuất tinh.

— đàn bà có kinh nguyệt (*hêđ*), huyết hộ sản (*ni-phas*).

— mất trí khôn, không tự chủ được.

— tin tưởng ngoài Olloh.

Phạm phải những điều trên, ngoại trừ người đàn bà có kinh được miễn, những người liên hệ được phép nhịn vào ngày khác thuận tiện hơn (*co-đo*).

Tại các nước Hồi-Giáo, đến giờ *xã chay* tức lúc không phân biệt được một sợi chỉ đen và một sợi chỉ trắng, người ta thường báo hiệu cho dân chúng bằng một phát súng đại bác và Giáo Kỳ được kéo lên trên đỉnh tháp cao của Thánh Đường.

Tại Việt-Nam, các thôn ấp Chăm Hồi-Giáo tại Châu-đốc có tục báo hiệu bằng một hồi trống.

Đến giờ *xã chay*, xã hội Hồi-Giáo thường rộn rịp khác thường, người ta mời mọc nhau, quây quần chung quanh miếng bánh chén trà và cũng

nhân dịp này, nhiều vụ xích mích, giận hờn nhau được xóa tan, một cách không ai ngờ.

Đêm xuống, người ta thường tụ họp lại cầu nguyện (*ta-ra-wih*) tại Thánh Đường và sau đó, cùng nhau đọc Thánh Kinh *Cur-An*.

Có điều đáng chú ý là việc *ăn chay* kẻ trên đã thành tập tục trong xã hội Hồi-Giáo nên không một ai thắc mắc hỏi thăm ông A hoặc ông B có theo đúng Giáo luật hay không, vì đến mùa chay, thường cửa nhà đều khép kín ban ngày; mỗi người đều biết rằng mình phải chịu trách nhiệm trước Olloh về những khiếm khuyết trong bốn phận của mình, nên những sự việc xảy ra trong căn nhà đó không làm ai quan tâm cả.

Tuy nhiên, nếu đang ban ngày, trong tháng Ra-ma-đan mà có một người ngang nhiên hút thuốc hay ăn uống ngoài đường phố thì đó là một sự bêu xấu gây phần nộ ghê gớm trong công chúng, vì người ta cho rằng làm như thế, tức là bôi nhọ tinh thần của tập thể Hồi-Giáo.

Có một sự căng thẳng được nhận rõ trong xã hội Hồi-Giáo trong mùa chay Ra - ma - đan. Điều mà mọi người Hồi-Giáo đều xác nhận là việc *ăn chay* hướng cao tâm hồn, nhưng thực tế, người ta thường hay có tính gắt gỏng trong mùa này; một lời nói phật ý rất dễ đưa đến việc sanh sự sôi nổi, nhất là khi mùa chay có năm lại nhằm vào tháng nắng hạn.

Do đó, một số việc công tại các nước Hồi - Giáo đành phải chịu ngưng trệ, trong mùa chay, thường người ta rút ngắn thời gian làm việc tại các công sở để có thể nghỉ ngơi chịu đựng những giờ gay go nhất ở buổi xế chiều.

Trong bài diễn văn đọc tại buổi lễ khai mạc Hội nghị Hồi-Giáo các nước Đông-Nam-Á và Viễn-Đông hồi tháng 2 vừa qua, Thủ Tướng Mã-Lai-Á, Tunku Abdul Rahman có nêu ra một nhận xét về việc ăn chay là làm sao để có thể thống nhất được giờ giấc cho các nước trên thế giới, vì có nước liên tiếp sáu tháng không thấy bóng mặt trời, có nước mặt trời xuất hiện 20 giờ một ngày, có nơi lại chỉ có 5 giờ.

Thời giờ *nhịn* do đó không được thống nhất ở các nơi, nếu cứ căn cứ vào tiêu chuẩn phân biệt sợi chỉ, đen và sợi chỉ trắng Văn đề hiện chưa có một lối thoát tích cực.

Thường khởi điểm cũng như ngày chấm dứt mùa chay đều có

ghi trong Hồi lịch hàng năm, nhưng trên thực tế, các địa phương dựa vào Giáo luật, không căn cứ hoàn toàn vào lịch, mà lại bằng vào sự xuất hiện của mặt trăng và trên nguyên tắc, sự xuất hiện đó phải có 2 người đáng tin cậy chứng thực. Do đó, nếu mặt trăng xuất hiện, mặc dù chưa ăn chay đúng 30 ngày, mùa chay vẫn chấm dứt ngày hôm sau, và ngược lại, nếu trời bura chót u ám, không thấy trăng, người ta phải nhịn thêm một ngày nữa.

Việc chấm dứt mùa chay được đánh dấu bằng một buổi lễ tung bừng như ngày Tết Việt-Nam vậy. Người ta gửi thiệp chúc tụng, đi thăm viếng nhau... thiên hạ vui chơi như ngày hội, mọi người đều tay bắt mặt mừng, xin tha thứ cho nhau về những lỗi lầm của năm cũ. Ngày lễ này Mã-Lai-Á gọi là ngày *Ro-ya phi-trah*, còn A-Rập gọi là *I-dil phit-tri*.

DOHAMIDE

Đã phát hành :

Ngày vui qua mau

tiểu thuyết TUÂN - HUY

Với những khuôn mặt, những tâm-trạng những hoàn-cảnh thật bi-đát, thật sống-động, tiêu-biểu cho một thời-kỳ quê-hương chúng ta bị đắm-chìm trong cảnh lửa bỏng dầu sôi.

Sách dày 300 trang ● Ấn loát phẩm công-phu và mỹ-thuật ● Giá bán 72\$

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm
Téléphone : 21.902 — 3 Lignes
135 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
(Immeuble TAX)
Téléphone: 22.797 — B.P. No 1-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco de Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Ảnh hưởng Nga-Sô bị đe dọa

tại các nước Cộng-Sản Đông Âu ?

Trường hợp

LÔ - MA - NI

VŨ - BẢO

CÓ những đôi vợ chồng hễ cãi nhau là đập phá chửi rủa, dọa nhau sống riêng rẽ không thèm nhìn mặt nhau, thì trái lại cũng có những đôi vợ chồng nằm bên nhau mà lòng xa vắng, thịt da còn gần gũi mà rung động xem chừng đã tắt trong tim. Kẻ láng giềng lo ngại cho những gia đình ồn loạn nói ở trên sẽ đổ vỡ mà không dè những gia đình phẳng lặng nói ở dưới đang rạn bể âm thầm. Đó là những việc đang xảy ra cho gia đình Nga-Hoa và Nga-Lô. Trong khi Nga - Sô và Trung-Cộng vén tay áo lên, ném vào mặt nhau những lời cạm tầu ráo máng, lôi nhau ra ly dị trước tòa án của Hội-Nghị quốc tế các đảng Cộng-Sản họp vào giữa năm tới (1) thì Nga-Sô và Lô-Ma-Ni tuy nằm sát cạnh nhau trên một biên giới chung dài 1328 cây số mà mỗi tình đã có nhiều dấu hiệu lạnh nhạt.

Muốn tìm hiểu sự rạn vỡ giữa Nga-Sô và Lô-Ma-Ni thì phải đi ngược lại thời gian khoảng cách đây chừng hai chục năm.

Một sự phân công bất công

Sự tranh chấp trước khi mang màu sắc chính trị đã có những nguyên nhân kinh tế.

Năm 1949 một tổ chức kinh tế mệnh danh là COMECON (2) được thành lập. Đó cũng như là một Ủy Hội tương trợ kinh tế giữa các nước Cộng-Sản Đông-Âu nhắm hai mục đích :

1. — phát triển nền kinh tế các nước hội viên.

2. — hoạch định một sự phân công trong khối quốc tế Cộng-Sản.

Thực ra tổ chức COMECON chỉ là duy trì một thói quen đã có từ

(1) Cui B.K. số 184 « Một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp Bắc-Kinh — Mạc-Tu-Khoa ».

(2) COMECON viết tắt của những chữ Council for Mutual Economic Assistance, thành lập giữa các nước Cộng-Sản Đông-Âu Nga, Bảo, Hung, Ba-Lan, Lô, Tiệp.

thời Staline. Nó phản ảnh quan niệm của nhà độc tài đó về vấn đề phân công : Theo Staline, Nga-Sô đã là một cường quốc kỹ nghệ, các nước chư hầu lại sản xuất nhiều nguyên liệu thì không có sự phân công nào hợp lý hơn là các nước chư hầu cung cấp nguyên liệu để Nga-Sô sản xuất kỹ nghệ. Theo chủ trương đó Lô-Ma-Ni được phân công cho cung cấp lúa mì và dầu hoả. Lô-Ma-Ni có mấy cái nhà máy thì cũng theo tinh thần phân công trên, Hồng-quân tháo dỡ ra và gửi từng bộ phận rời về Liên-Xô để cho cường quốc kỹ nghệ này lắp lại và sử dụng. Hồi đó không có ai cho thế là bóc lột kinh tế vì theo đúng giáo điều Mác-Lê không có chuyện bóc lột kinh tế trong các nước Cộng-hòa nhân-dân.

Sau khi Staline chết và với phong trào hạ bệ Staline, thì ở Lô-Ma-Ni các chính trị gia cũng nghĩ đến chuyện kéo đổ một bức tượng lớn của nhà độc tài đó tại thủ đô Bucarest, cũng đổi tên lại những con đường trước đây mang tên Staline. Nhưng các kinh tế gia thì thấy cần phải rũ bỏ hết những giới hạn cho việc phát triển kinh tế của Lô-Ma-Ni do chủ trương phân công của Staline tạo ra và nay do tổ chức COMECON áp dụng.

Vì Lô-Ma-Ni là một nước có tiềm lực kỹ nghệ lớn nhất ở Đông-Âu, nhiều dầu hỏa, than đá, sắt, gỗ, muối..., không lý gì cứ chịu để cho COMECON gán mãi cho cái vai trò khiêm nhượng của một anh lái bán lúa mì.

Năm 1958 đánh dấu một chuyển hướng quan trọng cho Lô-Ma-Ni. Năm đó khi phải sửa soạn kế hoạch kinh tế

ngũ niên 1960 - 1965, các kinh tế gia đã đặc biệt lưu tâm đến việc kỹ nghệ hóa xứ sở. Lô-Ma-Ni đã đặt mua nhiều máy móc dụng cụ trang bị để thiết lập các cơ sở kỹ nghệ. Và khi các nước Cộng-Sản Đông-Âu không cung cấp các dụng cụ đó theo đúng tiêu chuẩn hay theo đúng thời hạn giao hàng thì Lô-Ma-Ni không ngần ngại gì mà không đặt mua của các nước tự do. Và khối lượng trao đổi với Tây-Phương mỗi ngày một tăng.

Năm 1959 con số đó là 20,7% tổng khối.

Năm 1960 con số đó là 28% tổng khối.

Năm 1961 con số đó là 33,7% tổng khối.

Năm 1962 con số đó là 38% tổng khối.

Riêng đối với Pháp là nước mà khối Cộng sản cho là chỉ nổi tiếng về sâm banh và nước hoa đàn bà, Lô-Ma-Ni trong thời gian thi hành kế hoạch ngũ niên mới cũng đặt mua một nhà máy lọc dầu, một nhà máy bột giấy, hai nhà máy đường v.v... Lẽ tất nhiên là các nước Cộng-Sản Đông-Âu phản đối. Trong một phiên họp của tổ chức COMECON, Tiệp-Khắc đã mang vấn đề ra chỉ trích nặng nề Lô-Ma-Ni. Và Lô-Ma-Ni lạnh nhạt trả lời : « chúng tôi mua ở ngoài vì hàng Tiệp-Khắc giao cho chúng tôi không tốt bằng ».

Lô-Ma-Ni còn đi xa hơn nữa trong việc tổ chức độc lập của mình với khối COMECON, khi xây một nhà máy đúc thép khổng lồ tại Galati trên sông Danube ngay sát biên thù Nga-Sô.

Nga-Sô coi đó là cả một sự thách thức vì đã có nhiều lần khuyến dụ Lỗ-Ma-Ni không nên làm. Lập luận Nga-Sô đưa ra như sau: Tại sao lại lập thêm một nhà máy đúc thép, khi trong khối COMECON các nhà máy đúc thép đã thừa sức cung cấp thép cho các nước hội viên. Vả lại bây giờ Lỗ-Ma-Ni mới lập nhà máy đúc thép thì kinh phí đầu tư, kinh phí khai thác sẽ rất cao và ảnh hưởng đến giá thành. Như vậy thì cứ mua ngay thép của khối COMECON có phải rẻ hơn không?

Lỗ-Ma-Ni đã bác bỏ luận điệu trên. Nếu cứ phân công hợp lý như vậy, nếu cứ e ngại giá thành cao mà không làm gì thì tình trạng kinh tế các nước trong COMECON không bao giờ thay đổi. Chúng tôi phải chọn giữa hai giải pháp, một là mãi mãi đổi lúa mì lấy thép, hai là tự sản xuất lấy thép chúng tôi cần. Chúng tôi đã chọn giải pháp thứ hai. Vả lại phát triển kỹ nghệ chính là củng cố nền móng cho việc xây dựng xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đâu có sai đường lối.

Và Lỗ-Ma-Ni tiếp tục hoàn thành nhà máy đúc thép, tiếp tục trao đổi thương mại với Tây-Phương, nhất định từ chối không chịu hy sinh những mục tiêu phát triển kinh tế của nước mình cho sự chỉ huy kinh tế của khối COMECON.

Như muốn đổ thêm dầu vào lửa giận của Nga-Sô, Lỗ-Ma-Ni đã cùng hợp sức với Nam-Tư — một nước không có chân trong tổ chức COMECON —, xây dựng chung một hệ thống thủy-điện-lực trị giá 400 triệu Mỹ kim trên sông Danube. Và trong khi các nước chư hầu giảm bớt sự trao đổi

thương mại với Albanie và Trung-Cộng là hai nước bội nghĩa với Nga-Sô, thì Lỗ-Ma-Ni tiếp tục chở lúa mì và dầu hỏa bán cho Albanie và tăng gấp đôi sự trao đổi hàng hóa với Trung-Cộng.

Hết kinh tế đến chính trị.

Khởi đầu bằng những ý kiến mâu thuẫn về vấn đề kỹ nghệ hóa, cuộc tranh chấp đã đi lần từ địa hạt kinh tế sang lãnh vực chính trị.

Phải nhận rằng về phương diện chính trị, Lỗ-Ma-Ni tính toán kỹ từng bước và tỏ ra rất thận trọng.

Nhưng người ta cũng có thể kể ra một bảng kê dài những cử chỉ thiếu thân thiện:

Trước hết trong các buổi họp mặt các lãnh tụ Cộng-Sản Đông Âu tại Mạc-Tư-Khoa người ta thấy mỗi ngày thêm vắng bóng Gheorghiu-Dej chủ tịch Cộng-Hòa nhân dân Lỗ-Ma-Ni và cũng là đệ nhất bí thư đảng Cộng-Sản Lỗ.

Trong khi Nga-Sô triệu hồi đại sứ của mình ở Albanie về thì Lỗ-Ma-Ni tiếp tục trao đổi đại sứ với Albanie.

Tại Liên-Hiệp-Quốc, Lỗ-Ma-Ni đã bỏ thăm chống lại Nga-Sô, trong đề nghị thiết lập một vùng phi-nguyên-tử tại Châu-Mỹ La-Tinh.

Ở trong nước thì Gheorghiu-Dej khéo lợi dụng lòng hiềm kỵ của dân chúng đối với anh láng giềng khổng lồ mà từ một ngàn năm nay họ vẫn ít thiện cảm. Nhiều cán bộ của Đảng đi khắp nước nói cho dân chúng hiểu ý định của Nga-Sô muốn can thiệp vào nội bộ Lỗ-Ma-Ni, và một phong trào

chống lại ảnh hưởng Nga-Sô được khởi xướng : các đường phố, công thự nào trước đây mang tên Nga nay được thay tên, và tiếng Nga cũng như văn chương Nga không được chú trọng trong các trường nữa.

Nhưng khôn khéo nhất là Lô-Ma-Ni đã biết khai thác triệt để sự tranh chấp giữa Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa một cách có lợi cho mình nhất.

Lô-Ma-Ni thấy rằng sự tranh chấp đó càng kéo dài thì các nước Cộng-Sản Đông-Âu càng có thể bắt bớ Nga-Sô được và Lô-Ma-Ni sẽ có nhiều tự do hoạt động hơn. Nếu khối Cộng-Sản quốc tế tách đôi rõ rệt ra làm hai, Nga-Sô sẽ khôn ; còn phải bận tâm với Trung-Cộng như bây giờ thì các nước Đông-Âu không thể nào mà cứng đầu nổi với Nga-Sô nữa.

Vì thế nên một mặt thì ủng hộ đường lối sống chung hòa bình của Nga-Sô, một mặt khác Lô-Ma-Ni lại chống lại việc triệu tập một hội nghị quốc tế các đảng Cộng-Sản để xử án Trung-Cộng. Hơn thế nữa đầu năm 1964, Lô-Ma-Ni còn đứng ra hòa giải giữa Nga-Sô và Trung-Cộng và hai bên đã tạm hưu tranh đến ngày 31 tháng 3. Sau đó cuộc luận chiến lại tiếp tục dữ dội hơn, Krouchtchev tỏ ra quyết liệt muốn giải quyết vấn đề cho xong, nên triệu tập hội nghị sơ bộ vào 15 tháng chạp sắp tới và Đại hội các đảng Cộng-Sản vào giữa năm 1965 để phân xử vụ tranh chấp.

Khi mới bắt hòa giữa Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh đã đi đến chỗ không thể cứu vãn được nữa, Lô-Ma-Ni thấy cần phải tỏ rõ thái độ, và tiến thêm

một bước nữa trong việc xác định lập trường của mình với Nga-Sô. Trung Ương Đảng Cộng-Sản Lô-Ma-Ni họp một phiên khoáng-đại hội-ngập tại Bucarest rồi tung ra bản tuyên ngôn ngày 22 tháng 4 năm 1964 mà người ta có thể gọi là một thứ Tuyên Ngôn Độc-Lập của đảng Cộng-Sản Lô-Ma-Ni.

Về phương diện kinh tế, bản Tuyên ngôn ghi rõ ràng không úp mở chi hết :

« Sự hoạch-định kinh tế là một quyền căn bản, chủ yếu, bất khả phân trong chủ quyền của một nước xã-hội chủ-nghĩa. Sự di-chuyển quyền hoạch định kinh tế sang một cơ quan ở trên các Quốc-gia làm cho chủ quyền mỗi nước mất hết nội dung của nó ».

Như vậy là Lô-Ma-Ni đã gạt bỏ chủ trương của COMECON, không chấp nhận một ràng buộc nào của tổ chức này trong việc ấn định đường lối phát triển kinh tế của mình. Từ nay không một sự phân công quốc tế nào có thể làm thương tổn đến chủ quyền Quốc-Gia được.

Về phương diện chính trị bản tuyên ngôn ngày 22 tháng 4 của Đảng Cộng-Sản Lô-Ma-Ni cũng không kém rõ rệt. Theo bản tuyên ngôn này thì điều kiện căn bản để giải quyết một cách công bằng các sự bất đồng ý kiến là phải tôn trọng triệt để nguyên tắc các đảng Cộng-Sản đều bình đẳng với nhau và không có quyền xen lẫn vào nội bộ của nhau. Mỗi đảng có quyền tuyệt đối tự giải quyết lấy những vấn đề chính trị của mình cũng như quyền chỉ định lấy những người chỉ huy của mình.

Như vậy là từ nay không còn có đảng «cha» và đảng «con» nữa. Với bản tuyên ngôn lịch sử này có thể nói là Lỗ-Ma-Ni đã nêu cao lá cờ «Cộng-Sản Quốc-Gia» hay nói một cách đúng hơn, đã mở lối cho các đảng Cộng-Sản Đông-Âu đi tìm những đường lối Quốc-Gia riêng biệt để xây dựng xã-hội chủ-nghĩa.

Người chồng bị tình phụ.

Người ta đã nói đùa ông Krouchtchev là một người chồng bị vợ san sẻ mối tình cho kẻ khác. Và người ta thường nhắc đến câu tục ngữ của Lỗ-Ma-Ni tạm dịch dưới đây :

*« Làng trên xóm dưới đều hay,
Chỉ riêng một lão chồng ngáy không
ngờ ».*

Nhưng đến khi ông Krouchtchev biết Lỗ-Ma-Ni đã thay lòng đổi dạ, ông ta cũng phản ứng như mọi người chồng khác bị phụ tình. Các cơ quan tình-báo Tây-Phương cho biết ông ta đã đáp phi cơ sang tận Bucarest trong một chuyến công du bí mật để đích thân khuyên bảo ông Gheorghiu-Dej. Nói sáng chán rồi lại nói ngọt, dọa tấy chay kinh tế chán rồi lại hứa cho vay và viện trợ, nhưng hình như ông Krouchtchev cũng không được ông Gheorghiu-Dej cho những đảm bảo gì nhiều hơn là những lời hứa suông.

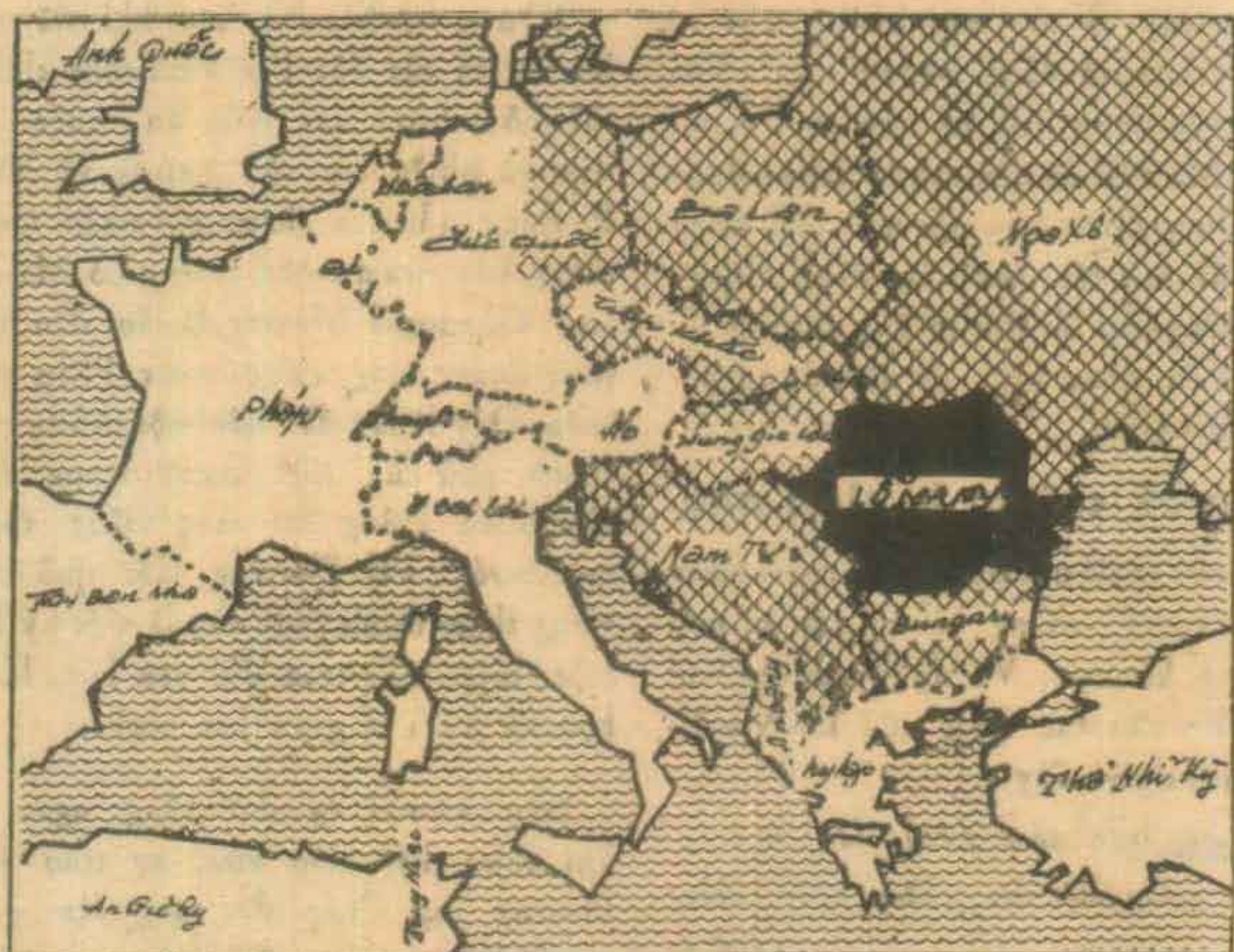
Krouchtchev bảo Lỗ-Ma-Ni không xong nên đã phải nhờ cả Thống-Chế Tito giúp một tay Vào ngày 22 tháng 6 vừa qua, Thống-chế Tito sau khi gặp ông Krouchtchev lúc trở về cũng có khuyên ông Gheorghiu-Dej nên thận trọng hơn trong «đường lối Quốc-Gia» mà Lỗ-Ma-Ni đang theo đuổi.

Nhưng Lỗ-Ma-Ni sau khi đã nếm hương vị của độc lập, hình như không thể bỏ được cái món ăn quên rũ này và nhiều cử chỉ hướng về Tây-Phương vẫn còn được ghi nhận. Cuối tháng bảy vừa qua, thủ tướng Lỗ-Ma-Ni Ion Gheorghe Maurer đã cầm đầu một phái đoàn sang viếng nước Pháp một tuần. Đây là lần đầu tiên một thủ tướng chánh phủ của một nước trong khối Cộng-Sản Đông-Âu sang viếng thăm một nước Tây-Phương. Kết quả cuộc viếng thăm chính thức này là việc ký kết một hiệp ước trao đổi văn hóa, khoa học và kinh tế giữa hai nước.

Nếu người ta nhớ rằng ngay từ khi chưa ký hiệp ước, sự trao đổi thương mại Pháp đã tăng lên gần 12 lần trong 10 năm (từ 22,4 triệu quan năm 1954 lên 271,8 triệu quan năm 1963) và từ khi tiếng Nga không phải là ngoại ngữ bó buộc ở Lỗ-Ma-Ni, 65 phần trăm sinh viên đã chọn tiếng Pháp, người ta thấy ngay rằng hiệp ước mới ký với Pháp này quả là một bước tiến đáng kể đưa Lỗ-Ma-Ni càng gần về phía Tây-Phương, và đủ để cho ông Krouchtchev ăn ngủ không yên.

Cũng trong đường lối đó, khi nhận cho Đại sứ Pháp ở Bucarest trình ủy nhiệm thư, ông Gheorghiu-Dej không phải đã vô tình khi nhắc đến trong bản đáp từ quyền của mỗi dân tộc tự quyết định lấy vận mạng của mình.

Thành ra tuy không có những lời thóa mạ hung hăng, tuy không phơi bày ra trước công chúng, mối rạn nứt âm thầm giữa Nga-Sô và Lỗ-Ma-Ni đã đi đến một giai đoạn trầm trọng có lẽ không kém gì cuộc tranh chấp Nga-Hoa



Vị trí LÔ-Ma-Ni

Những chân trời mới.

Mặc dầu LÔ-Ma-Ni đang gồng vùng ra khỏi cái lưới dày của tổ chức COMECON và bàn tay nắm chặt của Nga-Sô, cũng ít người dân LÔ-Ma-Ni tin rằng nước họ có thể đi đến chỗ dứt đoạn với Nga-Sô được. Vị trí địa dư và chính trị của LÔ-Ma-Ni không cho phép làm việc đó. Không kể một biên giới chung với Nga-Sô dài gấp 6 lần đường Saigon - Phnom-Penh, trên đầu là nước Cộng-Sản Hung-Gia-Lợi, dưới chân là nước Cộng-Sản Bão-Gia-Lợi, LÔ-Ma-Ni chỉ có hai cửa sổ nhỏ để đón ngọn gió từ Tây-Phương thổi tới: đó là một ven biển hẹp trên bờ Bắc-Hải và một quang ngấn biên giới chung với Nam-Tư.

Nhưng sự cố gắng của LÔ-Ma-Ni không phải vì thế mà không mang nặng tính chất một cuộc cách mạng tuy ôn hòa, không súng nổ, không máu chảy, mà vẫn mở ra nhiều chân trời mới cho LÔ-Ma-Ni, cho khối Cộng-Sản Đông-Âu và cho cả thế giới tự do nữa.

Trước hết LÔ-Ma-Ni đã tìm thấy trở lại niềm hân diện dân tộc, không còn chỉ là một vệ tinh quay theo một quỹ đạo đã vạch sẵn, mà trái lại đã dám tìm lấy đường đi riêng biệt của mình.

Tiếng gọi êm ái mà hào hùng của LÔ-Ma-Ni qua bản tuyên ngôn ngày 22 tháng 4 vừa qua chắc chắn sẽ vọng sang các nước Cộng-Sản Đông-Âu và gây cho họ một niềm phấn khởi mới. Dưới sự đòi hỏi của dân chúng, các nước này

sẽ phải thay đổi nhiều quan niệm, nhiều cơ cấu và các ràng buộc với Nga-Sô không thể không chùng lỏng ít nhiều.

Cả bộ mặt của hệ-thống Cộng-Sản Đông-Âu đang được nặn lại. Mỗi nước đang cố tìm sắc thái riêng của mình. Thời gian đòi hỏi chắc chắn còn dài, nhưng điều đáng kể là công việc đó đã bắt đầu.

Thế giới tự do vừa chứng kiến sự tan vỡ giữa Nga-Sô và Trung-Cộng nay lại tìm ra một đường rạn nứt mới trong Phong-Trào Quốc Tế Cộng-

Sản mà đã lâu nay người ta vẫn cho là một nguyên khối thuần nhất. Nhưng tư tưởng tự do của Tây-Phương lại tìm thấy một khung cửa mở để thổi vào những mảnh đất khô khan. Và như Tổng thống Johnson đã nói : « Bây giờ không còn một bức màn sắt nữa, mà có nhiều bức màn sắt. Các bức màn này dày mỏng khác nhau, cứng yếu khác nhau, cho nên ánh sáng xuyên qua mỗi bức màn, và niềm hi-vọng nảy nở sau mỗi bức màn đều khác nhau ».

VŨ BẢO

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẠT LÃNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Exploctions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

≠

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẠT LÃNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

≠

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 8.750.000.000 PHẠT LÃNG
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NÀ NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

đã phát hành :

KHỞI HÀNH

Tập truyện ngắn của LÊ-TẮT-ĐIỀU

«... Tập truyện ngắn đầu tay của LÊ-TẮT-ĐIỀU mang lại nhiều tin tưởng cho những người yêu văn nghệ ở đây...»

(Nhật báo Xây Dựng)

«... Anh có sở trường về truyện ngắn... Anh đã thành công trên lãnh vực truyện ngắn... »

(Tập chí Thời Nay)

«... Theo cô Phương-Thảo, một phê bình gia quen thuộc đây là một quyển sách đáng đọc và nên đọc...»

(Tập chí Văn)

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

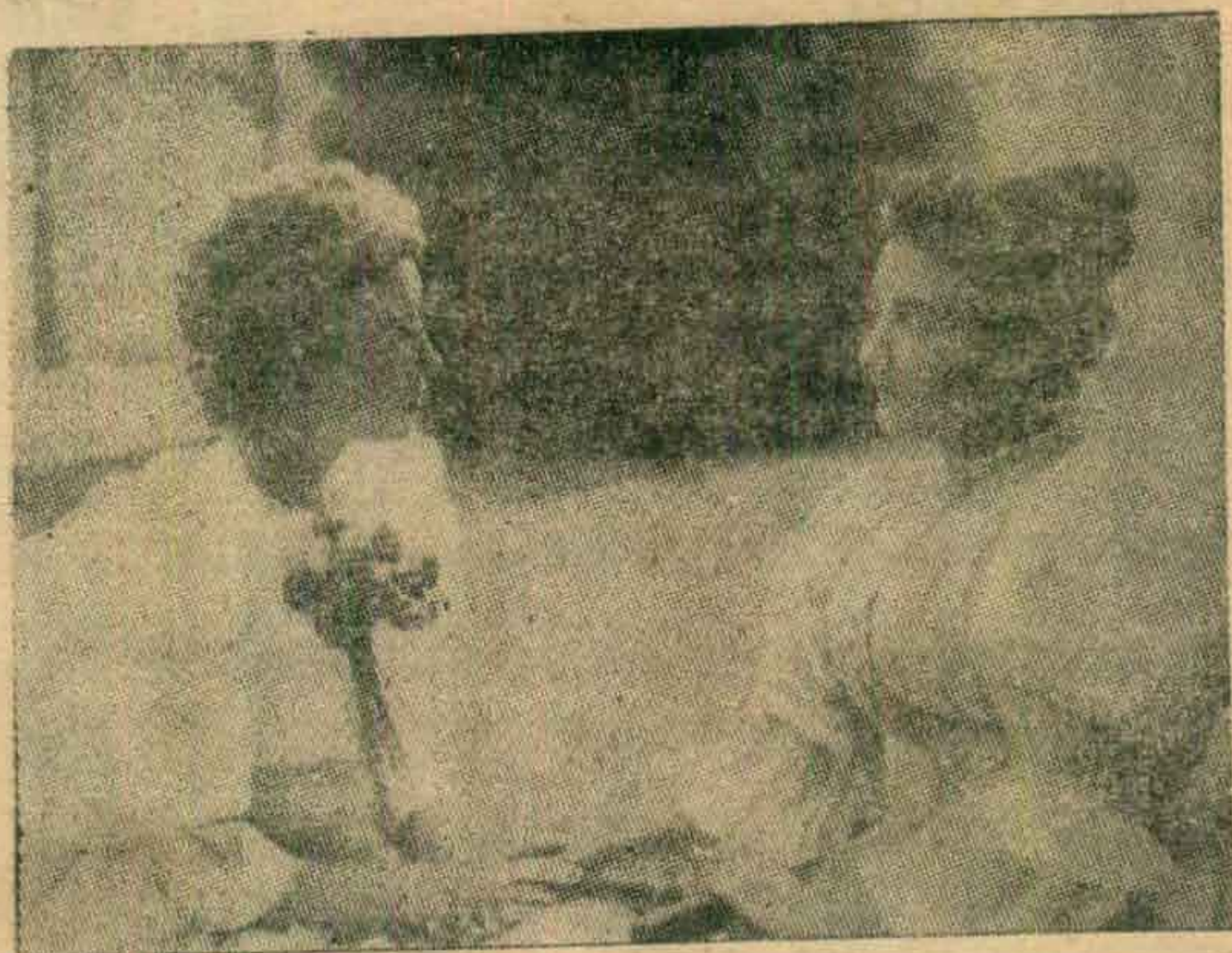


LOẠI XÁCH TAY **LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY**

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1,7 Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON



HELEN KELLER

một tấn thảm kịch và một cuộc chiến
dấu ghê gớm trong cảnh tối tăm mù mịt

MƯỜI năm trước, đọc tiểu-sử Helen Keller trong cuốn *Five minute biographies* của Dale Carnegie (The World's work 1949) tôi lấy làm lạ, sao một người đui, điếc và câm mà lại thông năm sinh ngữ, đậu một bằng cấp đại học, soạn mười cuốn sách, và diễn thuyết khắp thế giới được. Tôi muốn tìm hiểu thêm về con người kỳ dị đó thì gần đây nhờ một bài trong tạp chí *Hương Xa* (số 36 năm 1960) tôi kiếm được lại cuốn tự truyện của bà : cuốn *Histoire de ma vie* (Payot-1950) và cuốn *Ma Libératrice Anne Sullivan Macy* (Payot-1956) (1).

Đời của bà thật là một thảm kịch trong cảnh tối tăm mù mịt. Nhờ một óc thông minh siêu quần, nhất là nhờ một

ng nghị lực ghê gớm — và cũng nhờ công một nhà giáo dục kiên-nhẫn và đại tài tức là Anne Sullivan — Helen Keller đã thắng được những nghịch cảnh khốc liệt và để lại một tấm gương rực rỡ cho hậu thế, một tấm gương can đảm, anh hùng, hy sinh, yêu đời và giản dị. Có nhà phê bình bảo bà là một học sinh kỳ dị nhất cổ kim, một người được khắp thế giới kính mến. Ít người nhớ rằng bà đã lưu lại một sự nghiệp lớn cho nhân loại, có thể so sánh với sự nghiệp của bà Florence Nightingale, người đã hy-sinh tính mạng, tài sản để săn sóc các bệnh nhân trong chiến tranh

(1) Bản tiếng Anh : «Story of my life» và «Teacher Anne Sullivan Macy, a tribute by the fosterchild of her mind».

Crimée, vì Florence Nightingale đã cho nhân loại cái ý thức lập ra hội Hồng-thập-tự, thì Helen Keller cũng đã cho nhân loại cái ý thức lập ra một cơ quan quốc tế để giáo dục và giúp đỡ các người mù, điếc. Mà hoàn cảnh làm việc của Helen Keller khó khăn gấp trăm, gấp nghìn hoàn cảnh của Florence Nightingale.

* *

Ta thử tưởng, một em bé mười chín tháng, mới bập bẹ được vài tiếng, đương vui vẻ khoẻ mạnh thì mắc một bệnh nặng, không ai biết là bệnh gì, — có bác sĩ đoán là bệnh Tinh hồng nhiệt (scarlatine) nhưng không chắc. Người nhà đã tưởng là chết, rồi thỉnh linh nóng lui, bệnh hết nhưng em đó hóa đui, điếc và do điếc mà hóa câm. Thế là định mạng cay nghiệt đã xô em vào trong cảnh tối tăm mênh mông. Em thành một hình ma, sống cũng như chết. Đối với em, gió không còn thì thầm nữa, cảnh yên lặng hoàn toàn bao phủ tinh thần em, lan ra khắp vũ trụ ở chung quanh. Tâm hồn em hóa ra khô khan. Ít tiếng mà em đã học được bây giờ héo lẩn đi. Mỗi em chỉ còn mấp máy được tiếng «water» (nước) mà em đọc là *wah-wah*. Mặt trời đã tắt, em không còn biết phương hướng gì nữa. Mất em mở thao thao trong một cõi hư vô bất biến.

Tên em là Helen Keller. Em sinh ngày 27-6-1880 ở Alabama, tại miền Nam nước Mỹ, trong một gia đình trung lưu, cha là Arthur Keller, làm báo, mẹ là Kate Adams. Tổ tiên em gốc gác Thụy-Sĩ và mĩa mai thay, một ông Tổ là vị giáo sư đầu tiên dạy những người điếc và câm ở Zurich.

Bẩm sinh ra nóng nảy và cương quyết, nên khi bỗng nhiên thấy mình đui và điếc, em phản uất lắm, vùng vằng, đập phá. Nhưng lần lần em quen với cảnh tối tăm và yên lặng, rồi quên hết cả đời trước của mình. Gia đình em chán nản và thương hại em khi thấy em đưa tay ra sờ những vật ở chung quanh mà em không biết là vật gì, vì lúc đó em mới được 19 tháng. Sờ soạng mà đụng vật gì trên đường đi thì em gạt ra hết — nếu có thể được — làm cho đồ vật đổ vỡ lung tung.

Muốn phát biểu ý muốn gì em ra dấu : em chỉ biết gật đầu, lắc đầu, vẫy lại, đẩy đi. Phải một thời gian em mới biết ra dấu đòi ăn : lấy tay làm bộ cắt bánh và phết bơ. Mãi đến năm tuổi, em mới biết nhận quần áo của mình và gấp nó lại để cất đi. Em lơ lơ nhận ra rằng mình khác những người ở chung quanh ; những lần ngồi trên lòng người lớn, em sờ mặt họ, thấy môi mấp máy, đoán rằng họ có cách chuyện trò với nhau. Em bực mình vì không hiểu được họ, rồi cũng bắt chước mấp máy môi, cử động tay một cách hăng hái, nhưng không có kết quả gì cả, nổi giận lên, giậm chân thỉnh thỉnh, la hét đến khi mệt lử mới thôi. Mỗi ngày, gần như mỗi giờ, đều xảy ra những cơn điên như vậy, liên tiếp trong mấy năm.

Sau này, tả lại cái tình cảnh lúc đó, Helen Keller viết :

« Tôi không có ý thức rằng mình biết một chút gì cả, cũng không biết rằng mình sống, mình hoạt động, mình muốn nữa. Không có ý chí, không có

trí óc. Tôi muốn một vật nào đó, hay có một hành vi nào đó là chỉ do cái bản năng thú vật thôi. Tôi có một bộ óc nó cho tôi cảm thấy giận dữ, thỏa mãn hay thèm muốn... Tôi chỉ nhớ được nhờ xúc giác. Tôi không bao giờ tính trước, lựa chọn một cái gì hết. »

Tóm lại, em không được bằng một con vật mà gần hoàn toàn như một cục đất.

..

Năm em sáu tuổi, thân phụ em dắt em lại viện Perkins, một viện nuôi những trẻ đui và điếc, nhờ viện kiếm cho một cô giáo. Năm sau (1887) viện giới thiệu cho cô Anne Sullivan.

Đời cô Anne cũng trẫm cay nghìn đắng. Năm tám tuổi cô mồ côi mẹ, hai năm sau người cha bỏ bê các con, đem cô và một người em trai của cô giao cho viện cứu bần ở Tenksberry (tiểu bang Massachusetts). Viện này chật chội quá, đến nỗi hồi đầu hai chị em cô phải ngủ trong nhà xác. Sáu tháng sau, em hết, cô thành cô độc. Tới năm mười bốn tuổi, cô gần hóa mù, người ta đưa cô tới viện Perkins, tại đó cô được nuôi nấng, dạy dỗ đến năm hai mươi tuổi. Ít năm sau, cô nhận dạy em Helen cho ông bà Keller.

Ngày đầu, cô phải đối phó với một đứa học trò hoàn toàn rùng rú.

Helen từ trước quen ăn bốc. Cô bắt em ăn muống và gấp khăn ăn. Helen không nghe, kháng cự lại kịch-liệt, gào lên như một con quỷ, đập chân đập tay. Hai người vật lộn nhau, đĩa muống bay tứ tung. Cả nhà phải bỏ phòng ăn, đi ra ngoài. Helen vừa la, vừa cắn, ngất cô Anne. Cô giảng ra

được, kéo em về bàn ăn. Một giờ sau, Helen mới chịu thua, chịu dùng muống và gấp khăn ăn.

Rồi tới việc dạy chữ, cũng lại phải chiến đấu liên tiếp hàng tháng. Có lần Helen kháng cự kịch liệt quá, vung tay đập mạnh, làm gãy hai cái răng của cô. Chưa bao giờ một nhà giáo gặp những hoàn cảnh khó khăn đến như vậy.

Một hôm cô đưa cho em một con búp bê, rồi viết vào lòng bàn tay em chữ « búp bê ». Em thấy hay hay, bắt chước, lấy ngón tay viết theo, thấy được thích quá. Nhưng em không biết đó là một chữ, em chỉ thấy một cảm giác trên bàn tay và nhớ cách gọi lại được cảm giác đó, thế thôi. Làm sao cho em hiểu đó là một chữ được ? Cho em thấy liên quan giữa cảm giác đó với con búp bê, thấy rằng cảm giác đó trở con búp-bê ? Mấy tuần sau em viết được chữ *binh* và *nước*, nhưng vẫn không phân biệt được thế nào là cái binh, thế nào là nước.

Sau cùng, đúng một tháng sau khi bắt đầu học, Helen mới quan niệm được thế nào là nước. Hôm đó cô Anne dắt em lại máy bơm ở giếng nước, cho em cầm một cái bình, rồi cô bơm nước vào bình. Khi nước tràn, làm ướt bàn tay Helen, thì cô viết chữ *nước* vào bàn tay kia của em. Và em bỗng hiểu ý nghĩa của tiếng *nước*.

Một nụ cười hiện trên môi em ; cảm động quá, em nắm lấy tay cô, ra dấu đòi biết tên tất cả những vật em sờ thấy. Tình thương giữa hai người bắt đầu nảy nở, và từ đó Helen chỉ dùng mỗi một tiếng *có* để gọi ân nhân

của mình. Đêm đó là đêm đầu tiên em thao thức, mong chóng sáng để học thêm. Em thấy rằng em không cô độc nữa vì em có thể trao đổi ý với người khác, đã có một dây liên lạc giữa em và vạn vật ở chung quanh; đã có vài tia sáng trong thế giới mù-mịt của em. Em cho rằng em sung sướng nhất đời. Em hăng hái học.

Khi đã thuộc được một số danh từ rồi — *thuộc* nghĩa là rờ một vật rồi viết được lên lòng bàn tay cái tiếng chỉ vật đó — em học một số tĩnh-từ và động-từ. Chẳng hạn cô Anne cho em rờ một cái áo khi chưa ủi, viết vào bàn tay chữ *lạnh*; đương lúc ủi, lại cho em rờ và viết vào bàn tay em chữ *nóng*. Cô dắt em đi, viết vào bàn tay em chữ *đi*, đặt em ngồi và viết vào bàn tay em chữ *ngồi*.

Công việc khó nhất là làm cho em hiểu được những tiếng trừu tượng.

Hôm đó cô Anne ôm em Helen, tỏ vẻ âu yếm ngồi viết vào bàn tay: — Cô yêu Helen.

Helen hỏi lại bằng dấu riêag — yêu là thế nào?

Cô kéo em lại gần, đặt tay lên tim em — lần đó là lần đầu tiên em thấy tim em đập — rồi bảo (1):

— Yêu ở đây.

Em lúng túng, không hiểu nổi; đưa một cái bông lên mũi ngửi rồi hỏi:

(1) Từ đây, muốn cho tiện, chúng tôi dùng những tiếng: *bảo, nói, hỏi, nghe,...* nhưng xin độc giả nhớ rằng hai người vẫn dùng dấu hoặc viết trên lòng bàn tay nhau để chuyện trò với nhau.

— Yêu, có phải là hương thơm của bông không?

— Không.

Em lại suy nghĩ... Lúc đó mặt trời rực rỡ chiếu trên đầu. Em chỉ lên trời, hỏi:

— Phải cái đó không?

— Không.

Em rất ngạc nhiên, tại sao cô giáo không chỉ cho em được tình yêu.

Một hai ngày sau, em xỏ hột cườm cho cân đối nhau, cứ hai hột lớn đến ba hột nhỏ. Em lộn hoai và cô Anne kiên nhẫn sửa lại hoai. Thành lĩnh đương xỏ em nhận thấy rằng mình lăm, suy nghĩ, tìm cách sửa lại. Cô Anne rờ trán em rồi viết vào bàn tay em chữ: *suy nghĩ*. Em hiểu ngay rằng chữ đó trở cái gì nó đương xảy ra trong đầu em. Lần đó là lần đầu tiên em quan niệm được một ý trừu tượng. Em nhớ lại chữ *yêu* mà em vẫn chưa hiểu, hỏi thêm cô giáo, và lần này em quan niệm nổi nó là một cái gì không thể rờ được và làm cho con người hóa vui vẻ, muốn gần gũi người khác.

Trước khi đó, Helen đã học viết, lấy ngón tay đưa theo những chữ khắc chìm trên gỗ (lối các cụ ta ngày nay cho trẻ tập viết chữ nho); học đọc bằng cách rờ những chữ nổi, và học đặt câu. Chẳng hạn muốn đặt câu *con búp-bế nằm ở giường*, cô Anne đưa cho em những miếng giấy dày có những chữ nổi: *Con — búp-bế — nằm — ở — giường*. Em lấy hai miếng có chữ *con* và *búp-bế* đặt ở bên cạnh con bút bẽ, rồi đem con búp-bế đặt lên giường

và đặt bên cạnh nó ba miếng giấy có những chữ nằm ở giường.

Như vậy trong mấy năm, Helen mới tạm viết được, đọc được như một học sinh lớp năm của ta. Tồn biết bao công phu cho cả thầy lẫn trò. Riêng Helen thấy vui như một trò chơi hú tim, vì mỗi một bước tiến là khám phá thêm được một bí mật trong cái vũ trụ mù mịt chung quanh em. Nhờ vậy em mới quyết tâm học được, mà cũng nhờ vậy cô Anne không thất vọng trong công việc dạy dỗ, một công việc mà người khác cho là một cực hình.

Những năm sau, cô dạy thêm cho Helen học thơ, thơ của Longfellow, của Shelley, dạy tính bằng hột cườm, dạy sử ký, thực vật học, cả địa lý nữa, vì cô muốn đào tạo học trò cô thành một người có học thức cũng như mọi người khác. Về môn Địa lý, cô phải làm lấy những bản đồ nổi để cho em hiểu thế nào là núi, sông, biết được hình thế trái đất và các nước trên thế giới.

Đã rờ mà biết mẫu tự la-tinh rồi, Helen học thêm mẫu tự cho người câm và điếc, và năm thứ mẫu tự Braille cho người đui. Mỗi các tự điển Pháp hay Anh, bạn sẽ thấy hình những mẫu tự đó. Những người điếc và câm dùng ngón tay để ra dấu thành những chữ a, b, c, ... chẳng hạn nắm bàn tay lại là chữ a; xòe bốn ngón tay ra còn ngón tay cái gấp vào lòng bàn tay là chữ b; chụm năm ngón lại, đầu ngón cái chạm vào đầu ngón trỏ, là chữ o, xòe hai ngón trỏ và giữa thành hình chữ v, còn những ngón kia co lại, là chữ v ...

Muốn «nghe» cứ nói bằng tự mẫu đó, Helen đặt tay nhẹ nhẹ vào bàn tay người «nói», nghĩa là người dùng ngón tay để đánh vần, để làm những dấu chỉ chữ a, b, c. Như vậy lâu thành quen, chỉ cần rờ cử động của bàn tay, vị trí của bàn tay mà đọc được, không phải là đọc từng chữ rồi một dấu, mà đọc được từng tiếng. Nói chuyện với nhau cách đó có thể nhanh bằng một người đánh máy có kinh nghiệm. Lớn lên, nhiều khi cô Helen tự nói với mình bằng những dấu đó, người ngoài không hiểu, trông thấy ngón tay cô cử động liên tiếp rất nhanh lấy làm lạ lắm.

Còn tự mẫu Braille gần những chấm in nổi. Chẳng hạn :

· là chữ I	· là chữ L
· là chữ E	· là chữ T

Không rõ hiện nay lối tự mẫu này đã được thống nhất chưa, chứ hồi đầu thế kỷ, có tới năm lối: lối của Đức, của Anh, của Mỹ ... và cô phải học cả năm lối để có thể đọc được tất cả những sách in cho người đui ở Âu và Mỹ, như vậy kiến thức mới có thể rộng được.

Chỉ trong một thời gian cô thuộc tất cả những lối tự mẫu đó, cô muốn học nói, và công việc này khó khăn nhất, tốn công cho cô Anne nhất.

Ta nên nhớ cô điếc, không nghe được người và mình phát âm, như vậy thì học nói cách nào? Lại phải dùng đến xúc giác và chỉ có thể dùng xúc giác được mà thôi. Chẳng hạn muốn học âm chữ o, cô để tay vào miệng, vào họng bà giáo, rờ nhẹ nhẹ xem mồm và họng của bà ra sao khi đọc âm đó, rồi

cô bắt chước cử động môi và họng cho giống như vậy. Khi phát âm chữ *o* và chữ *ô*, môi thay đổi vị trí, rồi có thể thấy được, phân biệt được, nhưng phát âm chữ *p* và chữ *b*, chữ *ga* và chữ *ka*, chữ *đa* và chữ *ta* thì vị trí môi không thay đổi, làm sao mà dùng xúc giác để phân biệt được? Đó là tôi mới kể qua một khó khăn trong cả trăm cái khó khăn khác. Cho nên công việc sửa giọng cho cô đòi hỏi một sự kiên nhẫn vô biên của bà Anne trong hàng năm trời. Rút cục cô nói được, tất nhiên là lớ lớ, không đúng giọng, nhưng đủ để cho người khác hiểu.

Ngày thành công đầu tiên là ngày sung sướng nhất trong đời cô. Lúc đó cô đương đi du lịch với bà Anne, nóng lòng về nhà để học với song thân. Khi xe lửa ngừng ở ga Tuseumlia, cả gia đình cô ra đón. Cô thốt lên được mấy tiếng chào cha mẹ, thì bà cụ ôm chầm lấy cô rồi cả hai rung rung nước mắt, còn ông cụ mừng quá đứng trân trân không nói được một lời. Một phép mầu đã hiện từ nay cô mới thật là con người. Đời cô đã biến đổi hẳn. Bà Anne đã tái tạo ra cô nhờ một nghị lực siêu quần. Suốt đời bà, ngày nào bà cũng sửa giọng cho cô. Bà muốn cho cô thành một người như mọi người, hơn nữa phải thành một người hữu ích để sau này giúp đỡ những kẻ xấu số như bà, như cô, những kẻ cùng thuyền cùng hội, điếc, đui, câm.

Sau khi học mười một buổi, cô nói được câu: «tôi không câm nữa», và suốt ngày đó cô lặp đi lặp lại hoài câu đó, như một người điên. Nhờ để tay lên môi, lên họng để «nghe» nói

như vậy mà sau cô «đọc» được trên môi của bất kỳ một người nào, lại nghe được âm-nhạc, nghe được máy thâu thanh bằng cách đặt tay lên nhạc-khí và máy. Tất nhiên cô không thể nghe như chúng ta nghe, nhưng cô có thể cảm được điệu du dương-diệu dòn dập của khúc nhạc.

..

Nhưng muốn cho thành một người hữu dụng thì sự học không thể ngưng ở cái lực sơ-đẳng đó. Năm 1893, Helen được 13, Bà Anne và một vài giáo-sư tận tâm khác bầy cô học lịch sử Mỹ-Quốc, lịch sử Hi-Lạp, La-Mã, và học tiếng Pháp. Cô dùng một cuốn ngữ-pháp Pháp in chữ nổi, trong đó có chỉ cách đọc. Rồi cô học thêm nhiều dụng ngữ, học cách đặt câu, nhờ có khiếu về sinh-ngữ, một năm sau cô đã tạm thông tiếng Pháp, đọc được thơ ngụ ngôn của La Fontaine, kịch *Le médecin malgré lui* của Molière và nhiều đoạn trong kịch *Athalie* của Racine.

Qua năm sau, cô lên Nũu-Uớc để học tiếng Đức. Cô thích văn học Đức hơn văn học của Pháp vì tình cảm trong văn thơ Đức rất phong phú, tế nhị. Chỉ trong ít tháng cô đọc được cuốn *Guillelme Tell*, một bi-kịch của Schiller. Cô cũng rất yêu thi hào Goethe của Đức. Đồng thời cô cũng học tất cả những môn cổ trong chương trình trung-học. Khó nhất là môn toán, một phần vì cô không thích nó, một phần vì không trông thấy hình, thấy con số. Một người đui mà muốn chứng minh một định lý hình học, bặt thử tưởng tượng khó nhọc gấp mấy chục lần một người sáng. Cô phải lấy que, lấy

dây chì bẻ thành hình, bày lên bàn rồi mò mò trong đêm tối. Nhiều khi bà Anne phải đọc sách cho cô — mắt bà còn trông được mờ mờ, chưa đui hẳn — rồi «nói» lại bằng ngón tay để cô «nghe». Vì làm gì có sách hình học in chữ nổi cho người đui, có người đui nào học môn đó đâu !

Hai năm sau cô vô học trường Cambridge để dự bị thi vô trường đại học Radcliffe, vì cô nhất định rằng người khác học cái gì, cô phải học được cái đó.

Trường Cambridge là một trường trung-học dạy tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng La-tinh và các môn toán, sử ký cho những học sinh bình thường. Không thể mở riêng một lớp cho cô được ; cô phải học chung với những bạn sáng. Không trông thấy bảng, thấy sách, không nghe được lời giảng của giáo-sư, mà cũng phải làm bài, trả bài và thi như mọi người. Bà Anne phải hy sinh triệt để cho cô, theo cô tới lớp, ngồi bên cạnh cô, nghe giáo sư giảng được câu nào thì «nói» lại ngay ở trên ngón tay rồi cô sờ bàn tay bà mà «đọc». Có khi cô để tay lên môi, lên họng giáo-sư hoặc bạn học để nghe. Cô trả lời bằng miệng được vì giáo-sư, sau một thời gian, quen với giọng nói của cô ; còn làm bài thì mang máy đánh chữ lại lớp học mà đánh. Quả thực cô là một học sinh kỳ-dị nhất cổ-kim.

Năm sau cô thi vô trường đại học Radcliffe. Người ta cho cô ngồi một phòng riêng, sợ máy đánh chữ của cô ồn quá, bất tiện cho những thí sinh khác.

Một giám khảo «đọc» đầu bài trên ngón tay, nghĩa là dùng tự mẫu cho những người điếc và câm. Đọc từng câu một, cô nhắc lại từng câu một xem có hiểu rõ không, rồi cô đánh máy trả lời. Cô không đọc được lại bài cô làm, vì cô đui, như vậy khi làm xong, nếu còn dư thì giờ, thì ngồi nhớ lại xem đã trả lời ra sao, muốn sửa chỗ nào phải ghi lại ở cuối bài. Vậy mà cô đậu chứ !

Lên trường đại-học Radcliffe sự khó nhọc của cô và của bà Anne tăng lên gấp bội. Bà cũng phải theo cô vô lớp để nghe hộ cô. Hồi trước, mới hai mươi tuổi, bà Anne đã thôi học có hiểu gì về những môn dạy ở đại học đâu. Bây giờ muốn giúp cô, bà phải học hết thấy những môn ở trường để giảng lại cho cô. Giáo sư giảng rất nhanh, có khi bà nghe không kịp ; vậy mà bà còn phải «nói» lại trên ngón tay cho cô, tất nhiên là không sao lặp lại được hết những lời của giáo sư. Tay cô mãi «đọc» trên ngón tay của bà, thành thử không ghi chép được chút gì. Về nhà bà lại lại phải kiểm sách đọc rồi lặp lại trên ngón tay cho cô sờ. Công phu biết bao nhiêu mà kể ! Theo không kịp, nhiều khi cô bực mình quá, đâm nản chí ; bà lại an ủi, khuyến khích cô. Y như một người leo một ngọn núi đứng dựng : lên được vài thước, trượt chân, tuột, ngừng một chút lại leo nữa ; lên lên xuống xuống không biết bao nhiêu lần.

Nhưng cô nói : «được biết là sung sướng rồi» vì được biết là hiểu được cái phải, cái trái, cái thiện, cái ác, cảm được những rung động của tâm hồn nhận loại qua cái thời đại, thấu được

những khó khăn của nhân loại trong khi tìm kiếm cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ.

Năm hai mươi một tuổi, cô đậu bằng cấp đại-học. Một nửa cái mộng của bà Anne đã thực hiện được sau 19 năm gắng sức : học trò quý của bà đã thành một người có học thức, có tâm hồn cao hơn đa số những người thường. Theo Thánh-Kinh, Trời lấy một cục đất, nặn

thành hình rồi hà hơi vào, và cục đất thành người. Lòng hy-sinh, tình yêu mến và đức kiên nhẫn của bà Anne cũng đã làm cho một em bé Helen trở trở gần như cục đất, chỉ có những thú tính, thành một con người văn minh của đầu thế kỷ XX.

(còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN HIẾN-LE

TIN SÁCH số 27 tháng 9-1964

★ NGÔ-BÁ-LÍ nhận xét về Tình hình sách nhi đồng năm 1963 — VŨ-HẠNH đọc Hồn của Minh-Đức Hoài-Trình — CÔ MINH-KHIẾT đọc Những hạt cát của Thế-Uyên — THU-THỦY đọc Giờ thứ 25 do Lê-Ngọc-Trụ và Võ-Thị-Hay dịch — LÊ-PHƯƠNG-CHI đọc Loạn của Chu-Tử — NGUYỄN-NGU-Í phỏng vấn Hồ-Hữu-Tường về quyền Phi-Lạc sang Tàu (tiếp theo).

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Vũ - Hạnh

ĐẠO ĐỨC HỌC ĐƯỜNG TRONG VẤN ĐỀ PHỤC HƯNG GIÁO DỤC

VẤN-ĐỀ khá lớn và khá quan trọng trên đây đã được thuyết trình trong khóa tu-nghiệp thứ 4, thời gian từ 18-6-64 đến 15-7-64, mà học viên là 106 vị Ty-Trưởng, Thanh Tra, Hiệu Trưởng, ở tại trung tâm tu-nghiệp giáo-chức bậc tiểu-học Sài-gòn.

Thuyết-trình-viên — ông Nguyễn-Gia-Tường, giáo sư dạy môn luân-lý chức-nghiệp tại trường sư-phạm Sài-gòn — là người có đủ uy-tín cũng như thẩm-quyền để đề-cập tới vấn-đề một cách thấu-đáo, dù phải bận-chở trong những cái nhìn tổng-quát.

Mở đầu bài thuyết trình này, ông viết : « Ngày 24-6-1964, trên mặt báo Tự Do, mục Trắng Đen, độc giả được xem lá thư ngỏ gửi cho Tổng Trưởng Giáo-Dục, của một nhóm giáo chức kiểm việc giám-thị trong kỳ thi Tú Tài I vừa qua tại Định Tường. Nội dung thư ngỏ nêu lên những đe-dọa của thí-sinh đối với

Giám-thị và đề nghị một số biện-pháp an-ninh trong các kỳ thi». Quả thị sự thiếu giáo-dục ở học-đường đã đem lại quả báo khá trầm trọng.

Sự thực, tình trạng chẳng lành đó đã ngấm ngấm xuất hiện từ lâu. Nhưng ai phải chịu trách-nhiệm; ? Nhà trường, gia-đình, hay chánh-quyền ? Có người cho rằng đó là tình-trạng chung cho cả thế giới hậu quả của những cuộc thế-chiến để lại, chẳng riêng gì ở xứ ta. Phải chăng đó là một luận-điện cốt để tự an-ủi mình ? Chúng ta có thể để buông xuôi được chăng?

Thiết tưởng muốn tìm hiểu vấn-đề nên nhớ lại câu nói của người xưa : Con mà đi tới chỗ giết cha, tôi mà đi tới chỗ giết vua, đó chẳng phải là việc một sớm một chiều có thể xảy ra được.»

Cách đặt vấn đề, như trên, của giáo-sư Nguyễn-Gia-Tường thật là hợp-lý. Ông đã đi từ sự-kiện cụ-thể

nóng hổi để cho vấn-đề ngay từ buổi đầu không có tính cách trừu-tượng chán nản thường thấy trong những thuyết trình về những đề tài tương tự. Ông lại gặt phất ngay từ buổi đầu lập luận «đổ thừa hoàn cảnh» của những hạng vô-trách-nhiệm luôn luôn muốn «quốc-tế-hóa» mọi sự sai lầm trước mắt để tránh cho mình một sự can thiệp giải quyết, mà họ luôn luôn sợ phải thiệt thòi. Thiệt thòi đến sự yên-ngỉ hằng ngày của họ, thiệt thòi đến cái trật-tự cổ hủ, mà họ thụ hưởng lâu nay, thiệt thòi hơi sức, bạc-tiền mà họ chỉ muốn giữ gìn bằng mọi phương-thế, bằng mọi thủ-đoạn. Nhưng điều quan trọng là thuyết-trình-viên đã nhận-định đúng vấn-đề trên một quá trình biến-động, và những dấu-hiệu phá sản của nền đạo-đức học đường hiện-tại không phải là chuyện ngẫu-nhiên, bất chợt mà chỉ là cái thành-quả tất-nhiên của một quá trình suy bại, một sự bộc-phát sau kỳ tiệm-tiến.

Chúng ta thông cảm thời-gian có hạn của một thuyết-trình bổ túc cho khóa tu nghiệp, trong đó tác giả không thể đi vào chi tiết mà phải bằng lòng với nét đại cương. Vì vậy tác giả không thể dẫn chứng khá nhiều sự-kiện khác nữa cũng rất gần gũi và rất cụ thể để minh chứng thêm hùng hồn cho sự sa đọa trên đây. Nếu thuyết-trình-viên có dịp nhắc lại câu chuyện một số học trò đã đề thầy xuống để đổ cả chai dầu Nhị-Thiên-Đường vào miệng độ nào, và ngay khóa thi Tú Tài năm nay đã có thí-sinh mang cả «chó lửa» vào trường và đặt trên bàn để cho những vị giám thị, giám khảo...

mềm gan có thể... xanh mặt, hầu tạo cho mình một thứ uy-quyền để mà «cóp» bài của bạn được dễ-dàng hơn, thì chắc vấn-đề thêm phần .. hấp-dẫn. Và nếu có đủ thì giờ, chắc thuyết-trình - viên sẽ liệt-kê được khá nhiều lập luận phổ hiển hiện tại để chối bỏ hẳn trách nhiệm của một số người hữu trách. Bởi vì không thiếu gì người vẫn thường cho rằng cái nạn trẻ con hư hỏng làm cho bại hoại đạo-đức học đường là một «tai trời, ách nước» không sao cứu chữa, và tốt hơn hết cứ nên lắc đầu thờ dài một cách áo nã là mọi việc sẽ tự thu xếp lấy. Lại có những người không bi-quan đến như vậy, nhưng cứ đổ thừa theo lối vòng tròn : nếu họ đại diện nhà trường thì họ một hai bảo rằng đó là lỗi tại gia-đình, không có cách gì can nỏi. Và nếu họ ở gia-đình thì lại trách cứ nhà trường, hoặc là xã-hội. Rốt cuộc, ai cũng tỏ ra thấy được vấn-đề tận gốc, tận ngọn để mà không... thấy gì hết. Nhưng phổ biến nhất là khá nhiều người vẫn cứ một hai cho rằng nhà trường xuống dốc như vậy là tại xã hội, là tại xã hội ! Nói được điều ấy, họ đều tỏ ra có một căn-bản chính-trị rõ ràng... ở trên giấy trắng mực đen. Khốn nỗi, nhưng họ có chịu làm gì để góp phần sửa đổi cho cái xã hội ấy đâu ? Hầu như tìm ra cho được nguyên nhân «xã-hội» là đã mệt nhọc lắm rồi, còn sức lực đâu mà góp phần thay đổi nữa ! Theo lập luận ấy, người ta đến phải kết-luận : sự hiểu biết quá, nhiều khi có nghĩa là không hiểu biết gì ráo.

Nhận định được cái quá trình biến động của sự suy bại, ông Nguyễn-Gia-

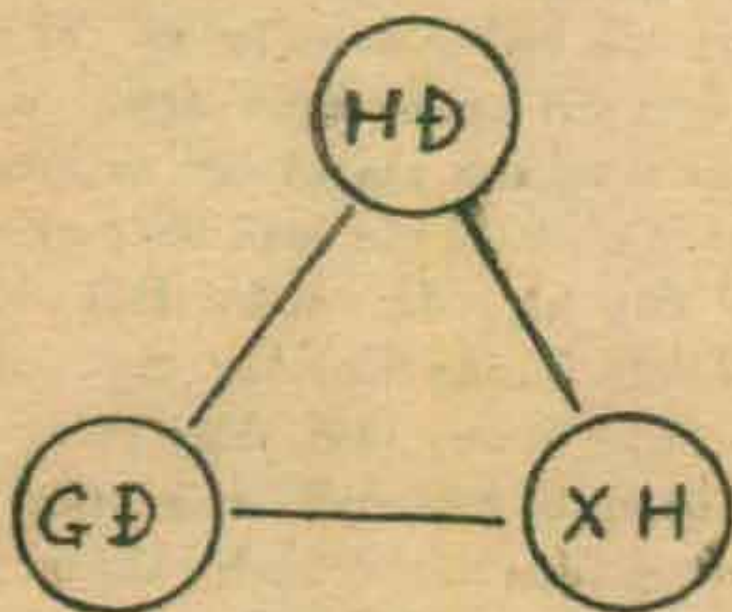
Tường còn nhìn thấy được những mối tương quan thực-tế giữa các sự việc trong cái quá-trình diễn-tiến lâu dài, phức tạp và rất kỳ-diệu của nó. Ông viết: « Trong sự sinh hoạt hàng ngày, nhiều lúc ta tưởng như có thể sống biệt-lập ra ngoài đời sống xã hội chung quanh. Kỳ thực vẫn có sự liên hệ mật thiết giữa cá-nhân với gia-đình và giữa gia-đình với học-đường và xã-hội đại-chúng, chẳng những trong không-gian mà cả trong thời gian nữa. Không một biến cố nào xảy ra đâu đó lại không ảnh hưởng đến ta và ngược lại không một hành động nào của ta lại không có chút đỉnh ảnh-hưởng đến toàn thể xã-hội, chẳng sớm thì muộn.

Do đó ông đã xác lập một sự tương quan mật thiết giữa ba yếu tố: gia đình, xã hội và học đường như sau: Gia-đình là nguồn gốc của dân-tộc, về phương-diện tâm hồn cũng như về thể-chất. Trong một tiểu gia-đình còn nhỏ bé, chỉ nhờ cái truyền-thống tình-cảm cũng có thể gìn giữ được hòa khí, hạnh phúc và liên đới giữa các thành-phần.

Nhưng khi tiểu gia-đình phải tập-hợp thành gia-tộc, thành xã hội quốc-gia thì tình-cảm không còn bảo-đảm nối liên đới chung, vì hay thiên lệch. Cho nên phải có một ý-thức hệ (về luân-lý, tạo-đức, văn hóa...) để hướng dẫn mọi người.

Ý thức hệ đó chẳng phải một ngày mà nên lên được và bất di bất dịch. Nó là kết quả những kinh nghiệm đời này qua đời khác thành tựu bởi những cố gắng thường xuyên của cả dân-tộc đã phải đối phó với hoàn cảnh thực-tế để sinh-tồn. Nhờ vậy, với những thăng-trầm trong quá khứ, dân-tộc tự tạo được một

nền nếp sinh-hoạt truyền thống, do các nhà chuyên-tâm nghiên cứu, duy-trì và phổ-biến trong dân gian với những cơ-sở mỗi ngày mỗi thêm hoàn bị, gọi là tu viện, đạo tràng, học-đường». Và để cụ thể hóa mối tương quan ấy, ông Nguyễn-Gia-Tường đã ghi lại bằng sơ-đồ như sau:



Theo các ý đã trình bày trên đây, tác giả hầu như cho rằng bước đường tiến hóa khởi từ hình thức tiểu gia đình tiến lên gia tộc rồi lên xã-hội quốc-gia, nhưng nhiều nhà xã-hội học hiện nay không đồng với nhận định ấy. Hơn nữa, nếu nghi tình cảm không còn bảo đảm sự liên đới chung cho một xã-hội, chẳng phải là vì nó « hay thiên-lệch, » mà vì quyền lợi của những từng lớp xã-hội không còn hòa-đồng. Do đó mỗi một chế-độ xã-hội lại xây-dựng một hệ-thống ý-thức phù-hợp với những yêu cầu phát triển của từng-lớp thống-trị, kết-hợp hoặc nhiều hoặc ít — theo từng giai đoạn, — với những yêu cầu dân-chúng. Tất nhiên qua những thăng trầm lịch-sử, thăng trầm chế-độ, mỗi một dân tộc đã gây dựng được một cái vốn-liếng vật chất cũng như tinh-thần để mà tồn tại, phát triển. Chẳng hạn người Việt đã tự giữ gìn và tự tuyển lọc để có một cái thực-tế hình vóc, thực tế huyết thống, như là ngày

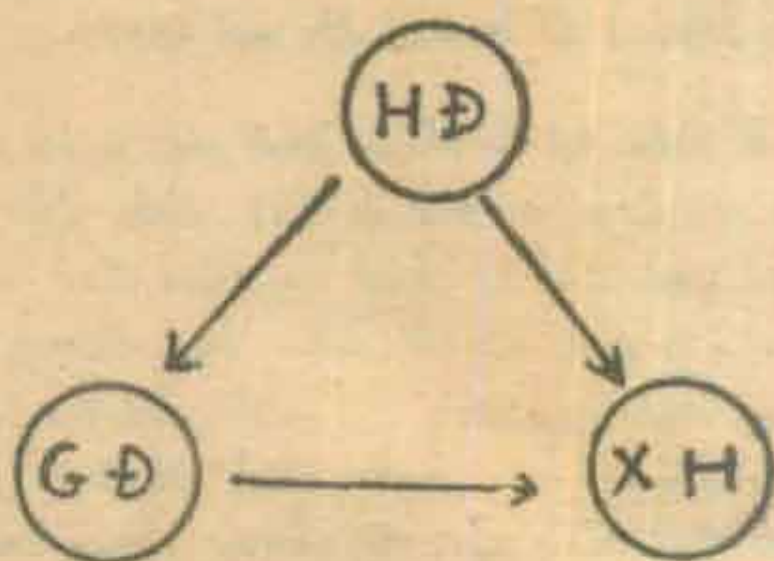
nay. Cái thực tế ấy tùy thuộc ở sự ăn mặc, ở sự chung đụng với giống người khác. Để tự vệ, người Việt đã có một cách ăn uống khác hẳn những giống người khác dựa vào điều kiện thiên nhiên thích ứng, kể cả ăn trâu là sự vay mượn tập tục của người, hoàn toàn có một tính cách y-dược tự vệ. Về sự phối hợp với người nước ngoài, dân tộc của ta từ xưa vẫn có một sự kiêng kỵ đặc biệt cốt để bảo toàn dòng giống và sự độc lập đất nước. Đối với phong kiến Trung-Hoa hay thực dân Pháp là kẻ đương thời chiến thắng có một địa vị ăn trên ngồi trước, tiền bạc rủng, dân ta (cố nhiên không kể những bọn vong bản) đều có một sự khinh thị đặc biệt và coi những kẻ lấy Tàu lấy Tây là phường đi-điểm, vô-lương. Trong những điều kiện cụ thể và trong những mối tương quan như thế sự khinh miệt ấy không thể gọi là hẹp hòi mà phải nhận rằng chính đáng. Đồng thời luân-lý của ta cũng rất nghiêm khắc trong sự hôn phối giữa những người trong tộc họ, cho đến những kẻ không có bà con gì cả nhưng mà đồng-tính nhiều khi cũng không được phép lấy nhau.. Tất cả những luật lệ này phải được chúng ta nhìn nhận với sự thông cảm sâu xa về một thực trạng tự vệ, tự tồn của một dân-tộc trải qua khá nhiều gian khổ mà vẫn không ngừng đòi hỏi được sống, và sống vinh quang...

Tất nhiên về mặt vốn liếng không chỉ có mỗi vài sự kiện đơn giản trên đây mà còn phải xét bao nhiêu tài nguyên vật chất nằm trong lãnh thổ, bao nhiêu giá trị tinh thần biểu hiện ở trong ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật của ta

trải qua bao đời ! Tìm hiểu những vấn đề ấy không phải ở trong phạm vi bài này, và cũng không thể là phần việc của một vài cá nhân. Tuy vậy, chúng ta vẫn phải nhìn nhận điều này là cái truyền thống dân tộc của ta chưa được những nhà xã hội, những nhà văn hóa của ta chứng tỏ một cách đủ đầy, cụ thể. Đồng thời ta cũng phải nhìn nhận rằng cái truyền thống ấy không phải là những tập quán cổ hủ không chịu biến đổi mà là những cái sắc thái riêng biệt của giống nòi ta về mặt vật chất cũng như tinh thần luôn luôn chuyển biến thích ứng với sự tiến hóa mà vẫn giữ được đặc tính, cá tính của mình.

Dựa vào các mối tương quan đã được trình bày bằng cái sơ đồ trên đây, ông Nguyễn-Gia-Tường đã nhận thấy sự biến đổi trong ba trường hợp tiêu biểu như sau, hình dung bằng ba sơ đồ cụ thể :

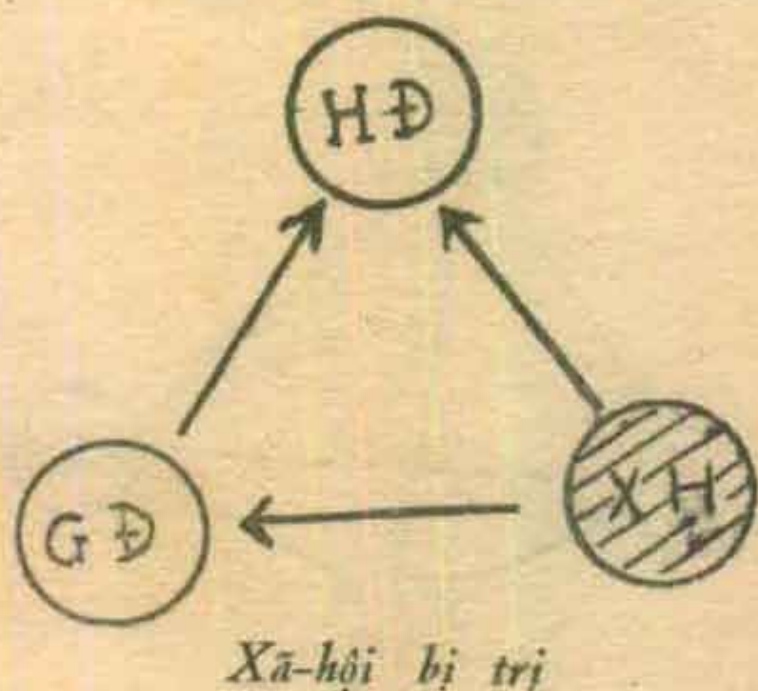
1. — Trường hợp xã hội bình trị, cụ thể là ở các thời khang an thịnh trị Đinh, Lê, Lý, Trần, học đường có cái trách nhiệm và cái khả năng bồi dưỡng tinh thần cho gia-đình và đào tạo con người cho xã-hội. Ông viết : « Trong một xã-hội bình trị, học đường là cái cơ sở được thọ hưởng dồi dào và



Xã-hội bình-trị

sâu đậm hơn cả nền văn hóa truyền thống của dân tộc từ quá khứ để lại. Nó có nhiệm vụ, trong hiện tại, và tương lai, gìn giữ và truyền bá nền văn hóa đó vào gia đình, và đào tạo cho xã-hội quốc-gia những cá-nhân đủ tài, đủ đức để lãnh đạo dân chúng. Đồng thời gia-đình có văn hóa sẽ giữ được gia đạo, mưu được hạnh phúc cho cá nhân và cung cấp cho xã-hội những công-dân sáng suốt, biết bổn-phận cũng như biết quyền lợi của mình. Bởi vậy ta có thể coi một xã-hội, dân tộc có văn hóa là cái công trình đóng góp của học đường và của gia-đình. Cái công trình xây dựng văn hóa đó là do học-đường lãnh-đạo, gia đình có công phụ họa mà thôi. Cho nên Tây-Phương cũng có câu nói : « Xây được một nhà trường là giảm bớt một trại giam ».

2.— Trường hợp xã-hội bị trị, cụ thể là khi chúng ta bị sự đô hộ của thực dân Pháp tiếp xúc với nền văn minh vật chất, vụ lợi của Tây Phương, học đường trở thành một cái cơ sở phụ thuộc gia-đình, xã-hội, phải có nhiệm-vụ thỏa mãn khuynh hướng xu thời của hai cơ sở trên đây. Ông viết :



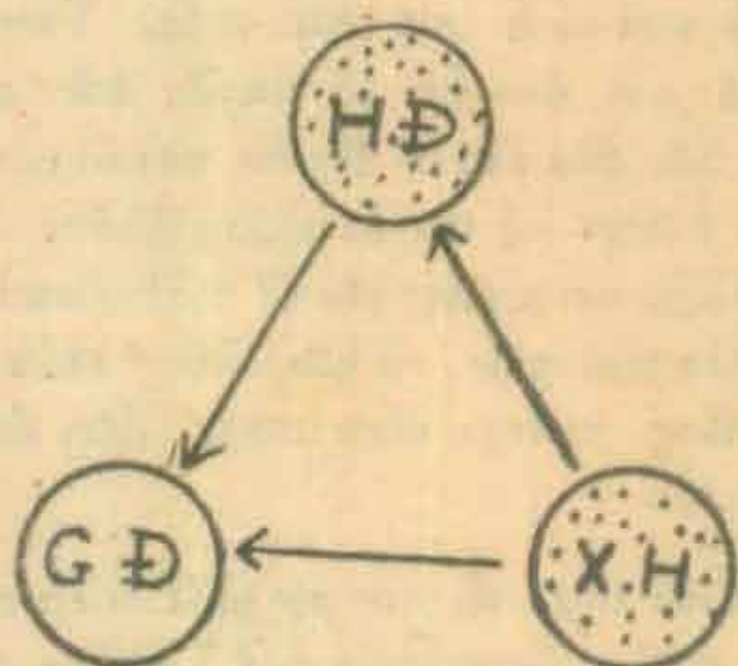
« Một nền học mới được gây nên, với những tiêu chuẩn rõ rệt : mưu lợi cầu

danh một cách rất chắc chắn. Tương phản cái đạo lý cổ truyền trở nên mơ hồ, dần dần bị đẩy lùi vào dĩ vãng. Cái ý thức hệ truyền thống không đối phó kịp với những yếu tố mới mãnh liệt nó tàn phá như vũ bão. Cái ý thức hệ đó lắng xuống, chìm trong tiềm thức dân tộc.

Trên thực tế, với sự phát triển nền học mới ta được thấy gì ? Từ thôn quê đến thành thị những trường đương học được thay thế bằng trường Pháp-Việt. Rồi bắt đầu từ các đô thị, những trường theo chương trình Pháp đã cạnh tranh thắng lợi với những trường Pháp Việt. Là vì cả gia đình lẫn xã-hội đại chúng (cùng với quyền cai trị dân đã sang tay ngoại bang), chúng không chịu sự hướng dẫn của nhà trường nữa mà đòi hỏi nhà trường phải thỏa mãn cái khuynh hướng xu thời của chúng.

Rút cuộc, Học đường xưa kia ở địa vị « Tôn sư » giáo huấn cho cả gia-đình lẫn xã-hội, với nền học ngoại thuộc, học đường trở thành một cơ sở dưới quyền chi phối của cả gia-đình lẫn xã-hội. Nhà giáo làm sao còn giữ được uy thế của Ông thầy như xưa ? Cái gương mẫu đạo đức Thánh hiền không còn đặc dụng nữa. Đó là nguồn gốc sự rối loạn ở nhà trường ».

3.— Trường hợp dân tộc bị sự đe dọa, học đường và xã hội bị văn hóa ngoại lai tràn ngập chẳng hạn như hoàn cảnh hiện tại, ông viết : « Con người hoang mang vì thiếu tiêu chuẩn vững vàng khả dĩ điều khiển được danh và lợi. Giáo chức phải hành nghề để mưu sinh, đành sống với những chủ trương tạm bợ : coi trường học như một cửa



Dân tộc bị đe dọa: học đường và xã hội bị văn hóa ngoại lai tràn ngập

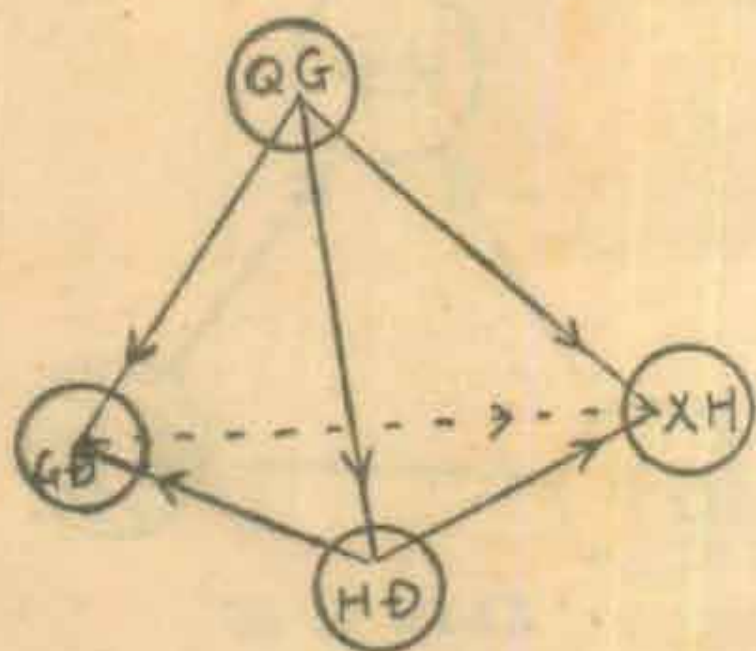
tiệm buôn, một xưởng kỹ thuật luyện thi cử, một cơ quan chuyên đào tạo công chức. Với những chủ trương như thế sự tranh giành quyền lợi càng gây hoang mang cho thanh thiếu niên. Nhưng tai hại hơn nữa là khi nhà trường muốn tự gây lấy uy thế văn hóa, lại dựa ngay vào một thứ văn hóa ngoại lai xét thấy có triển vọng chiếm được ưu thế trong một tương lai nào đó. Làm như vậy có khác nào đồng tình với ngoại bang mà giúp cho họ đồng hóa dân tộc mình đặc lực hơn? Trong trường hợp này, gia đình bị tấn công cả về mặt xã hội và mặt học đường, chẳng sao giữ vững tinh thần dân tộc; mỗi cố gắng của dân tộc để giành lại quyền tự chủ là một cuộc dang xé cho tâm hồn của nạn nhân».

Sau khi phân-họa ba trường hợp trên đây, ông Nguyễn-Gia-Tường nhận thấy cần phải kết luận bằng sự bổ cứu như sau:

« Xét như thế ta thấy rằng vấn-đề văn hồi trật tự trong giới thanh thiếu niên, hay rộng hơn là vấn đề phục hưng giáo dục, trước hết là phải tìm

ra một chủ trương chính đáng cho Học đường. Chủ trương đó phải thuận dòng tiến hóa của dân tộc, nghĩa là phải lấy truyền thống quốc gia dân tộc làm căn bản mà bồi bổ thế nào cho nó mỗi ngày thêm sáng suốt vững bền để trường tồn với đất nước. Những yếu tố ngoại lai, cần cho sự dinh dưỡng, phải được thấu triệt thế nào để truyền thống có thể đồng hóa dễ dàng, chứ không vor vét quàng xiên đến độ có thể đầu độc mà sinh bệnh tật nguy nan.

« Chủ trương quốc gia dân tộc một khi được nêu lên rõ ràng, tất không ai dám công khai phủ nhận được, vì nó có chính nghĩa là sự sinh tồn của dân tộc. Nó sẽ giúp cho những ai mà lập trường còn chưa vững hay còn thiên lệch sửa chữa lại và với thời gian và thiện chí toàn dân sẽ có một đường lối cộng tác để củng cố nền tự chủ. Trong sự cộng tác đó dĩ nhiên học đường phải đứng vào hàng tiền phong để, theo truyền thống, cùng với gia đình xây dựng một xã hội dân tộc mỗi ngày thêm một phong phú thịnh trị ».



Chủ trương phục hồi văn hóa quốc gia dân tộc

« Như vậy đạo đức học đường phải là đạo đức truyền thống dân tộc được bồi bổ cho thêm vững mạnh và sáng suốt để thích ứng với hoàn cảnh của thời đại. Nó phải giúp cho thanh thiếu niên đối phó thắng lợi với những thử thách của cuộc đời mà duy trì lấy những giá trị truyền thống, chứ không để cho ảnh hưởng ngoại lai xô đẩy đến chỗ xa ngã. Chính là để duy trì lấy những giá trị truyền thống đó mà tại các cường quốc tiền tiến Tây phương người ta cũng phải lo bảo vệ cái căn bản giáo dục của họ bằng sự tự trị của nền Đại-học, chứ không để cho đảng phái chính-trị lung lạc được.

« Xin đừng tưởng lầm rằng ở bậc Trung-học và nhất là Tiểu-học chúng ta chưa cần lưu tâm đến vấn đề cao xa đó. Chỉ trong mười mười lăm năm lớp học sinh tiểu học sẽ là những sinh viên đại học, những thanh niên sắp ra gánh vác việc đời. Chúng có được huấn luyện đúng đường lối từ thuở nhỏ khi trưởng thành mới, đỡ sai lầm. Chúng ta phải mong những thế hệ hậu tiến có đầy đủ tài năng đức hạnh hơn những thế hệ tiền tiến để hoàn thành và tăng tiến những gì mà đàn anh còn chưa làm nổi. Thiết tưởng trong nghề làm thầy, chỉ có được thấy, trò tiến mãi, tiến hơn cả thầy, miễn cho đúng hướng chính nghĩa là đáng quý hơn cả».

Qua những lập-luận trên đây, chúng ta nhận thấy ông Nguyễn-Gia-Tường đã quan tâm đến vấn đề một cách sáng suốt, với một thái độ thẳng thắn, chân thành. Ý kiến của ông luôn luôn đứng vững trên sự bảo tồn độc-lập quốc gia, trên sự bảo vệ truyền thống

cũng như cá tính dân tộc. Trong những xu hướng vong bản hiện tại cơ hồ tràn ngập ở trên thị-trường chữ nghĩa gặp được một nhà giáo dục có sự thành tâm, thiện-ý như vậy, thực là một niềm an-ủi lớn lao đối với chúng ta.

Thiết tưởng lập trường quốc gia dân-tộc là cái lập trường duy nhất có đủ hiệu-lực giúp ta nghĩ lại mọi mặt vấn-đề văn - hóa hiện - tại. Có thắm nhuần lập trường ấy mới thấy những mối đe dọa của những ảnh hưởng ngoại lai và biết phản ứng kịp thời để cố chặn đứng một sự phá hoại âm thầm nhưng mà cực kỳ sâu-hiểm về mặt sinh hoạt tinh-thần.

Ông lại nhìn thấy vấn-đề đạo-đức học đường một cách toàn-diện, tích cực. Toàn diện vì nó phải được quan tâm từ thấp đến cao, ở bậc Tiểu học tiến lên Đại Học, ở trong nhà trường kết hợp với lại gia-đình cùng với xã hội.

Tích cực vì ông quan niệm vấn-đề một cách biến-động và có chiến đấu để mà thích-ứng tự-lớn. Người ta khó lòng nhận thức đạo đức là một giá trị chỉ có trao gởi, tiếp nhận mà không khắc phục thâm đạt bằng những nỗ-lực trường-kỳ.

Tuy vậy chúng ta không khỏi trở lại với sự tiếc rẻ ban đầu là cái khuôn khổ giới hạn của bài thuyết trình đã khiến ông Nguyễn-Gia-Tường không sao vượt khỏi tính chất trừu tượng của một vấn đề chỉ được phác họa trên nét đại cương và cứu xét trên bình diện thuần-túy lý-thuyết.

Vì thế, nếu đặt vấn-đề phục hồi đạo đức một cách trực-tiếp, cụ-thể — nghĩa là cần phải quan niệm ra sao và phải làm gì trước mắt — thì chúng ta lại lâm vào tình-trạng lúng túng ban đầu.

Thiết tưởng chúng ta nên giới hạn vấn-đề trong những tiêu-chuẩn đơn giản như sau : Thế nào là đạo-đức học-đường ? Thực trạng của đạo ấy hiện nay ra sao ? Nguyên-nhân của thực trạng ấy là gì ? Bổ-cứu cho thực trạng ấy thế nào ?

Ông Nguyễn-Gia-Tường đã giúp chúng ta thấy rõ một cách khái quát, rằng nền đạo-đức học-đường, xét trên căn bản, là một với nền đạo-đức xã-hội. Nhưng cái danh từ đạo-đức vẫn cứ gọi ra khá nhiều ý-niệm loạng-choạng, mơ-hồ, và thường chúng ta vẫn cảm đạo-đức hơn là hiểu nó. Thiết nghĩ đạo-đức là tiếng chỉ định tổng quát một nhận thức đúng — và thực hiện đúng — về mối tương quan giữa người và người trong một xã hội. Mối tương quan ấy vừa có tính cách hạn định vừa có tính cách lâu dài. Gọi rằng hạn định là cái tương quan giữa người và người trong một xã hội, và xã hội có thể thay đổi, nên cái tương quan cũng đổi thay theo. Gọi rằng lâu dài vì ngoài những mối tương quan riêng rẽ còn có những sự liên hệ tương đối vĩnh viễn giữa những con người trong một quốc gia, trong một nhân-loại, giữa kẻ yếu và người mạnh, kẻ lớn và người nhỏ. Những tương quan có hạn định ấy, thuộc về phạm vi luân-lý, còn những tương quan tương đối lâu dài thuộc về phạm vi đạo-đức.

Ngoài ra, danh từ luân-lý còn dùng để chỉ một sự áp-dụng đạo đức vào

trong thực-tế, do đó đạo đức cùng với luân-lý tuy gặp gỡ nhau trên một tinh thần căn bản là sự duy trì trật tự xã-hội, nhưng đạo-đức khác luân-lý ở điểm lâu dài và tổng quát hơn. Vì vậy có những con người tuy rất bảo-thủ — nghĩa là vẫn muốn duy trì những tương quan bất bình-đẳng của chế-độ cũ ở trên phương-diện luân-lý — nhưng nếu họ là nhà ái-quốc nhiệt-thành, hay là có lòng nhân-đạo, có một hành-động nghĩa hiệp thì họ vẫn đáng cho ta quý mến, dù ta đứng trên lập-trường dân-chủ, tiến-bộ để định giá-trị.

Khi nói về cách đối xử giữa thầy và trò, giữa những học sinh, giữa các giáo-chức đáng lẽ người ta nên gọi là nền luân-lý học-đường. Nhưng có lẽ muốn đề cao những tương-quan ấy trong một sinh-hoạt thiên về tinh-thần và muốn liên hệ những tương quan ấy trong một bình diện xã-hội rộng-rãi, nên người ta dùng danh-từ đạo-đức học-đường.

Thực ra, nền đạo-đức ấy ngày nay quả có sa-đọa như nhiều người vẫn la-hoảng đấy chăng ? Đi vào cụ thể người ta quả có thấy rằng học-sinh có những phần tử cao-bồi, lưu manh, hủ hóa rất sớm, nhưng xét trên toàn thể thì những kẻ sa-đọa vẫn chỉ chiếm một tỉ-lệ nhỏ nhoi. Mặt khác, trong những trẻ em tưởng như lười biếng, ngỗ nghịch lại có một số tham-gia tích-cực vào các phong trào đấu tranh chống bọn độc tài hơn là những em có vẻ nề-nếp, con nhà, và không một ai có thể phủ nhận giá trị của việc họ làm xét trên bình-diện quốc-gia dân-tộc. (Tất nhiên, những em vừa có tư cách, vừa học siêng năng, lại biết tham gia đấu tranh tự do dân chủ thì

đáng cho ta quý trọng hơn nhiều nữa). Ngoài ra, có một số người ở trong giáo chức tỏ ra bất bình rõ rệt khi thấy sau khi lật đổ Ngô Triều có những học sinh đã đào giáo sư, tấn công giám khảo, đòi thay hiệu-trưởng, đòi đổi tên trường. Tất nhiên trong khi phê phán, ngoài một cái nhìn tổng quát, chúng ta lại phải xét riêng từng trường hợp một, bởi lẽ trong những phong trào tiến bộ vẫn có ít phần tử cơ hội lạm dụng tình hình, và trong những phong trào phản tiến bộ vẫn sẵn những phần tử tốt có những phản-ứng hợp lý, hợp tình.

Tuy vậy không ai có thể phủ nhận rằng chính sinh-viên, học sinh đã gặp một phần lớn lao vào trong công cuộc tranh thủ tự do, dân chủ hiện tại. Không những không thể phủ-nhận mà người ta phải tự bắt buộc mình hưởng-ứng nếu không phải bị phong trào lôi kéo theo sau hay loại hẳn ra ngoài lề sinh-hoạt. Những nhà tôn giáo có một quan-điểm thích thời đều đã tuyên-bố ủng hộ, tán thành những sự vận-động, kêu gọi của họ.

Như vậy, bây giờ còn đặt vấn-đề đạo-đức học-đường, có phải là lỗi-thời chăng ?

Thiết tưởng đây là vấn-đề hợp thời hơn hết, dù người đặt vấn đề ra có thể bị cái vấn đề lật ngược.

Vì sao gọi là hợp thời ? Bởi lẽ còn khá nhiều người chưa có nhận định dứt khoát đối với đạo đức học đường hiện tại, hoặc chưa đánh giá đúng mức đối với phong trào học sinh, sinh-viên trước mắt.

Vì sao mà chưa nhận-định dứt khoát?

Một là vì bởi chúng ta chưa thật dứt khoát về một quan niệm luân-lý đạo đức ở trong bản thân, hai là vì không phân biệt cá nhân với tập thể, trường hợp cá biệt và phong trào chung, luân-lý với đạo-đức trong mỗi con người. Vì không dứt khoát, nên ta vẫn đứng trên cái quan điểm luân-lý cổ thời, đòi hỏi một sự phục tòng tuyệt đối đối với bề trên, theo cái luân lý một chiều từ trên xuống dưới mà không chấp nhận mọi sự phản kháng ngược lại, bởi lẽ dân chủ chính là tranh thủ cái chiều ngược lại. Có người vẫn thích nói chuyện dân chủ một cách chân thành nhưng khi quần chúng phát-động phong trào sôi nổi thì họ bỗng thấy nản lòng, sợ hãi, khó chịu và có nhiều cách phản ứng buồn cười. Họ chỉ tán thành dân chủ ở trên lý-thuyết, hoặc ở trên bình diện khách quan, chứ chưa quan niệm dân chủ như một yêu cầu nội tại sâu xa của bản thân mình.

Quan niệm «tôn sư trọng đạo» thuần túy của ngày xưa xưa không còn đặt đứng ở trên hiện tại. Ngày xưa, các bậc thầy dạy đều là lớp người truyền bá đạo-lý thánh-hiền và ngay đời sống của họ phần lớn cũng là một kiểu mẫu về đạo-đức, cho nên học-sinh tôn trọng ông thầy là tôn trọng cả một nền giáo-lý, một thứ giá trị tinh thần cụ thể. Từ khi người Pháp xâm lăng, xã hội Việt-Nam đã bị phân hóa. Kẻ sĩ có lớp quyết liệt đứng lên chiến đấu diệt kẻ thù chung, có lớp đầu hàng quân giặc, có lớp lưng chừng cầu-an. Chưa nói đến thời bọn Pháp đã hoàn thành cuộc xâm lăng và có chế độ giáo dục đô hộ riêng biệt, ngay trong thời chống Pháp

kẻ sĩ, trong khi thoả hiệp hay là cầu an, đã tự² trước bỏ uy thế của mình đối với quần chúng. Ở một kẻ sĩ đạo đức tốt đẹp, yêu nước nhiệt thành, thì được quần chúng tôn thờ đã đành, mà ngay đến cả kẻ sĩ có những khuyết điểm cá nhân mà biết hi sinh cho nước, quần chúng cũng vẫn ủng hộ. Nhưng giữa cái đạo đức bản thân và cái đạo đức xã-hội, tất nhiên đạo đức xã-hội vẫn có giá trị hơn nhiều. Cho nên dù có « độc thiện kỳ thân » bao nhiêu thì kẻ sĩ phu hiếu-đế vẫn không bằng kẻ thất phu hữu-trách trong lúc đất nước hưng vong.

Nếu những kẻ sĩ cầu an hoặc thoả- hiệp ấy ra dạy học trò thì họ làm sao buộc đám học trò của họ tôn thờ, bái vọng được nữa? Người ta có thể mến họ vì « nết », yêu họ vì tài và do tình cảm cá nhân mà trọng³ đái họ chứ, làm thế nào mà thờ phụng họ như thờ phụng các danh nhân, liệt sĩ, anh hùng xả thân cho nước? Đến khi người Pháp mở trường dạy học thì cái tư tưởng « tôn-sư trọng đạo » khi xưa lại càng sa-sút hơn nữa, do hai nguyên nhân : một là ông thầy bấy giờ chỉ là một lớp đã chịu thừa nhận chế độ bảo hộ, và họ may lắm mới có chừng nào giá trị đạo đức cá nhân chứ không có một giá trị xã-hội tích cực. Họ không truyền bá đạo nào hơn là các đạo suy đồi như cụ Tây Hồ đã nói :

Thần thánh liêu nhiên tung diệc sĩ.

Và không tiêu biểu cho lý tưởng nào hơn là chính sách văn hóa thực dân, và lễ cơm ăn áo mặc hàng ngày. Trong điều kiện ấy, học-sinh cũng chỉ đến trường « kiểm năm ba chữ » chứ mong

gì hơn ở các bài học tiếng Pháp và các tổ quốc la Gaule » của mình? Và chính vì vậy mà lớp học trò đã bị sắp hạng sau hàng ma-quỉ một cách oan uổng. Trong số các vị dạy-dỗ thời ấy, cũng có những vị không thể chống đối kẻ thù một cách quyết liệt nhưng ý thức được sự bất lực ấy của mình nên tìm mọi cách phổ-thiện bằng một tấm gương đạo đức cá-nhân và họ vẫn được học trò quý mến. Nhưng lòng cảm phục, tôn thờ của lớp học sinh vẫn hướng về những nhà giáo chiến-sĩ, nhà giáo anh hùng ; hay những liệt-sĩ, những nhà cách mạng đã hi-sinh cho dân-tộc. Phong trào bãi khóa để xin ân-xá cụ Phan-Bội-Châu, đưa đám cụ Phan-Châu-Trinh, đã từng sôi nổi một thời, xác-nhận ý thức tiến bộ của những phong-trào học-sinh trong những điều-kiện xã-hội như thế. Biết bao học-sinh đã bị đuổi ra khỏi trường, đã bị dở-dang việc học, nhưng cũng do đây mà có nhiều người đã có sự nghiệp xúng đáng và vẻ-vang hơn, là theo con đường khoa-cử.

Tất nhiên trong những phong-trào học-sinh thời ấy có rất nhiều nam-nữ giáo-sư cùng chia chung nỗi gian khổ, — cũng như vẻ vang — với học trò mình, nhưng họ vẫn chưa đủ gây thành một phong trào riêng biệt có những sắc thái của họ.

Ngày nay, trong những điều kiện trường như đối mới của dân-tộc ta, bấy nhiêu vấn-đề vẫn còn y nguyên ở trên căn bản. Chương trình học-tập vẫn xa thực-tế, vẫn cốt nhồi sọ, người dạy vẫn thiếu trách nhiệm, thì cử vẫn còn là một lễ sống quan trọng bậc nhất. Trong lúc nhân dân trên đà phát triển

dân chủ thế giới, càng ngày càng ý thức về quyền lợi của mình, thì kẻ cầm đầu quốc gia vẫn muốn trói voi bỏ rọ, thi-hành đường lối chuyên quyền mù quáng, đưa đến khủng - bố đàn áp dã man. Các bậc « tôn sư » đã từng dạy về công-bằng, bác ái, dân chủ tự-do qua những bài học chứa đầy sách vở, đã nói những gì, đã làm những gì giữa lúc dầu sôi lửa bỏng ? Đa số các ngài cũng đều lấy câu « im lặng là vàng » làm một châm ngôn. Tồi tệ hơn nữa, lại có những vị mang danh ông thầy mà lại cúi luồn « bà Cố », cam tâm làm bọn chỉ điểm cho bọn mật vụ, tiếp tay cho bầy ác-quỉ sát hại đồng bào. Sau những bậc tăng-ni tự hủy để mà chống đối, là những sinh viên, học sinh rồi cuối cùng quân đội đã vùng lên tiếp sức đấu tranh. Sau khi kẻ ác bị tiêu diệt rồi, đáng lẽ bè lũ của chúng vẫn còn ẩn núp trong ngành giáo dục lên lút dưới mái học đường phải được thanh trừng xứng đáng. Đáng lẽ đoàn thể giáo-giới phải đứng ra làm việc ấy để mà góp phần củng cố đạo đức học đường, vì đó là tự kiểm-thảo, tự gạn lọc mình, tự làm cho mình lành-mạnh.

Nhưng mà những bậc trưởng-thượng đáng lẽ phải ra đứng mũi chịu sào, thì đã bị tổ-cáo mình bằng sự vắng mặt đầy ý lân trốn. Thành thử sau khi lật đổ độc-tài, họ vẫn không chịu mạnh-dạn góp sức để làm bật tung cũi rế, chém đứt nanh vuốt của chế-độ cũ, và đến cuối cùng, cũng lại học trò của họ đảm đương lấy nhiệm vụ ấy. Thêm một lần nữa, những lớp trẻ tuổi đã bị một số nhân vật xem như là nguyên nhân chính của sự suy sụp đạo-

đức học-đường hiện-tại, những lớp trẻ ấy đã không thay thế hẳn bề trên của họ mà lao mình vào công cuộc tranh đòi dân chủ, tự do. Họ có thể thiếu kinh-nghiệm, họ có thể kém tổ-chức, họ có thể non thủ đoạn — vì lớp trưởng-thượng không hỗ-trợ họ, không hướng dẫn họ — nhưng với nhiệt-tình tiến-bộ họ đạt được những kết quả vẻ-vang.

Như thế, đạo-đức học-đường nếu có suy kém, bây giờ đã rõ nguyên nhân ở đâu, lớp trẻ nếu có lệch-lạc, đã biết trách nhiệm về ai. Nhận-định về mối tương quan giữa nhà và nước với lại học-đường không còn thành một vấn-đề thiết-thực. Và trong phong trào tranh đấu hiện nay, qui hết tội lỗi cho những ảnh-hưởng ngoại-lai cũng không còn hợp lý nữa. Bởi vì, dù thuộc vào tình-trạng khó khăn nào đi nữa, thì quần chúng phải quyết định lấy vận-mạng mình. Và trong quần chúng, kẻ có học-thức, kinh-nghiệm, kẻ có bốn phen dấn dặt phải chịu trách nhiệm trước hết.

Trước cái thảm trạng đất nước bị bọn độc-tài thao túng, bị sức ngoại-lai chế-ngự không lẽ cứ giao-phó mặc tiền đồ dân-tộc cho bậc tu-hành vốn muốn xa lánh trần tục và cho lớp trẻ đang còn « thụ-giáo » chúng ta ! Không khéo thời đại hiện nay lại tạo cho một số người lớn tuổi một cái mặc cảm phạm-tội hết sức đáng-thương ! Và nhiều người lớn sẽ ăn sẽ nói làm sao trước mặt lịch sử và, khiêm tốn hơn, trước con em mình ? Chẳng trách, cái thành-ngữ « mặc đồ lớn » hiện nay đã ngụ một ý mỉa mai, một vẻ khôi hài đặc-biệt, tương tự cách

đây không lâu người ta nói « áo dài đen » hoặ « áo thụng xanh » chẳng hạn.

Tất nhiên, vấn-đề trước mắt của nền đạo-đức học đường không phải là lớp trưởng-thượng phải lo cứu vãn thế-giá áo... lớn của mình. Vấn-đề là nhìn cho rõ sự thực về một sự thực đã quá rõ rồi. Vấn-đề còn là chấp nhận, và đồng hóa hẳn với sự thực ấy.

Đành rằng trong số học sinh có nhiều em còn chứa đầy khuyết-điểm — vì thế họ mới cần sự dạy dỗ — nhưng cái bản chất tuổi trẻ luôn luôn ham sự đổi mới và thích lý tưởng, cùng giàu nhiệt tình, khiến họ là kẻ tiên-phong trong nhiều phong trào tiến bộ. Họ cần có sự giúp đỡ của những đàn anh, của những bậc thầy, vì căn bản họ vẫn thích dìu dắt, hướng dẫn. Nếu họ đi sai, các thầy các anh điều chỉnh cho họ, nếu họ đi đúng, phải cổ vũ họ, phát huy họ lên và đáng lẽ ra các thầy phải hước tiên phong cho học sinh họ theo sau. Tất nhiên không khỏi có những phần tử lợi - dụng phong trào, có kẻ manh tâm thao-túng phong trào. Nhưng nếu có người dồi dào sáng kiến, vững mạnh lập trường tham gia, hướng dẫn, thì sẽ vận dụng sức mạnh phong trào mà đập tan nát những bọn cơ-hội, manh tâm.

Chính bởi có những ông thầy bê-bối cho nên học sinh mới đổ dầu Nhị Thiên vào họng. (May mà chỉ đổ có dầu, mới biết học-sinh không phải là ác) có những giám khảo non gan, thí sinh mới dám mang súng vào thi. Kẻ trên không chính, người dưới ất loạn, đó cũng là lời của bậc thánh hiền.

Tóm lại, chúng ta nhận rằng với lối

trường học cạnh tranh theo kiểu gian thương hiện tại, với lối giáo dục thiếu sót ngày nay, với những sơ hở trong nền giáo dục gia-đình, với những ảnh hưởng sa-đọa ở trong nếp sống xã hội, con trẻ bị nhiễm độc nhiều và có một phần nhiều hư hỏng rõ rệt. Nhưng lớp trẻ ấy vẫn còn căn bản hướng thiện của mình, do đó gặp lúc phong trào đấu tranh dân chủ lên cao, lớp trẻ đã thay người lớn mà làm những việc lớn lao. Trong nỗ-lực ấy, lớp trẻ tự quên đi những sai lầm vụn vặt ở trong cá tính, và xóa bỏ được bao nhiêu bực dọc chán chường đầu mỗi của những đam-mê có hại, để hướng thẳng về chính nghĩa.

Chúng ta đã thấy, từ trước đến nay vấn-đề chính-yếu của nền đạo-đức học đường vẫn do tầng lớp trưởng thượng quyết định. Chỉ những thời nào tầng lớp ấy mất giá trị gương mẫu, hướng dẫn của mình thì đạo-đức ấy mới thật sa sút, và quần chúng họ mới phải tự-động kêu gào lẽ-phải.

Nếu muốn xây dựng đạo đức ấy cho vững mạnh, cao quý, thì trong hiện tình đất nước, chúng ta có sẵn cơ-hội ngàn năm một thuở. Tầng lớp trưởng thượng ở chốn học đường phải tiếp lực với phong trào mà con em mình khởi xướng và góp phần vào hướng dẫn phong trào đạt đến thắng lợi lâu dài, đó là tự do thực sự, dân chủ thực sự. Đạt được mục đích ấy rồi, thì mọi vấn đề đều được giải quyết, bởi vì chương trình học vấn, tư cách trẻ em ảnh hưởng ngoại lai và bao nhiêu là chuyện khác, thầy đều phụ thuộc lý tưởng dân chủ, tự do.

VŨ-HẠNH

Đại Nam Văn Hiến Xuất Bản Cục sắp phát hành :

LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT-NAM

Nhà Văn Tiền-Chiến 1930-45 của Thế-Phong

Một cuốn phê bình đầy đủ nhất từ sau thế chiến, được nhiều văn nhân, ký giả, báo chí Việt Pháp nói đến. Sách tái bản in lại rất trang nhã, có ảnh các tác giả. Bìa do Lữ-Hồ trình bày, 500 trang, giá bán 100 đồng. Riêng bản đặc biệt 150 đồng, bạn nào thích sưu tập sách đẹp và muốn có chữ ký người viết phê bình, xin gửi bưu phiếu cho ông Đỗ-Mạnh-Tường, hộp thư 1.123 Saigon.

LOẠI SÁCH BẢN THẢO THÁNG 9 VÀ 10, 1964 :

sẽ gửi tới quý vị có tên trong bản danh sách dài hạn của xuất bản cục, hai cuốn sách của :

TRIỀU-ĐẦU : MEN RƯỢU ĐẾ, truyện dài.

THẠCH-TRUNG-GIẢ : CHẶN GIẢ LUẬN, triết.

SÁCH THỜI MỚI

Guồng máy (hết)	của J. P. Sartre do Trần-Phong Giao dịch	
Những hạt cát (hết)		của Thế-Uyên
Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà		
	của Stefan Zweig do Tràng-Thiên dịch	28đ
Người tù		của Võ-Phiến 36đ
Thư nhà		của Võ-Phiến 38đ
Tiểu thuyết hiện đại		của Tràng-Thiên 42đ
Cái chết của Ivăng Ilích	của Léon Tolstoi	Vũ-Đình-Lưu dịch 32đ
Lá vắn xanh		của Võ Hồng 42đ
Thơ trắng		của Đỗ-Tấn 30đ
Người cuồng Mã-Lai	của Stefan Zweig do Trần-Đình-Khải dịch	50đ
Thở dài		của Túy-Hồng 44đ

Thư từ, giao dịch : **VÕ-PHIẾN** 160, Phấn-Đình-Phùng — Saigon

**TRIỂN LÃM HỘI HỌA ESSO 1964
ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

Công-Ty Esso đang chuẩn bị tổ chức triển lãm hội họa Esso lần thứ sáu nhằm mục đích góp phần vào việc phát triển nghệ thuật tại Việt-Nam.

Esso kính mời các họa sĩ tham dự.

Quý vị có thể lấy thẻ lệ tham dự tại : ● Phòng Giao-Tế Esso, 8, Đại lộ Thống-Nhứt — Saigon ● Ban Tổ Chức Triển-Lãm Hội Họa Esso 1964, 20, đường Nguyễn-Cur-Trinh — Saigon

Người con gái miền Trung ấy đã thức « trắng đêm » vì bao thứ tình rộn rã : tình nhớ cha, nhớ anh, tình thương đất nước chia đôi, tình người Phật tử trong thời pháp nạn... Tâm tình nằng, các bạn sẽ được thấy ghi lại trong :

Trắng Đêm

tập thơ đầu của THU-NHI

do Y-NHI vừa xuất bản

Bản đặc biệt : 45 đ — Bản thường 25 đ

Xin liên lạc với tác giả : 132, Huyền-Trân Công Chúa — Phan-Thiết

Độc giả Bách-Khoa nên đọc :

Những người đang tới

Để cảm thông những khắc khoải và tranh đấu của một lớp người tìm hướng đi xây dựng nếp sống mới cho dân tộc

tiểu thuyết của ĐỖ-THỨC-VỊNH

220 TRANG — GIÁ 55 đ

Mọi giao dịch xin liên lạc với :

Địa chỉ 48, TỰ-ĐỨC — Saigon

hoặc : Nhà sách DÂN-TRÍ 64, Lê-Lợi — Saigon

Lá thư Hambourg

★ MỘNG-TRUNG

Bạn,

Ở Balê có khi suốt mùa hè không tìm ra được mấy ngày trời xanh nắng đẹp vì vậy dân cư bên này bao giờ cũng khao khát ẩm tươi. Thế mà năm nay nắng bắt đầu hăm người ta trong sức nóng tàn nhẫn của nó từ cuối xuân tức tháng Năm dương lịch đến mức độ ai cũng rên siết thở ra thở vào.

Thiên hạ khổ sở vì phải gói mình trong nhà trong sở mà lúc xây cất người ta chỉ lưu ý dùng nó để phòng lạnh. Quen sống như thế nên khi gặp nắng dữ người bản xứ mau bị mỗi mết và khi phơi nắng họ thường thoa dầu giữ cho da khỏi bị cháy. Ngược lại, sung sướng nhất là chúng tôi, người Việt-Nam. Gặp nắng cháy, chúng tôi như tìm lại được một sức sống trường cửu và quen thuộc, nó đi đôi cùng với nhịp thở của mình từ lúc ấu thơ.

Sáng nay, 20-6-1964 hai cô Phùng-Há và Kim-Cương không phải bức bối với y phục ngự hàn dày cộm mà thoải mái dịu dàng trong chiếc áo dài lụa mỏng nhẹ phơ, hai cô hăng hái lên phi trường Orly lấy chiếc máy bay mười giờ rưỡi để lướt gió mây đi Hambourg tìm đến vùng ánh sáng của viên ảnh huy hoàng trong mộng-tưởng.

Đường đi không xa nhưng khi hậu thay đổi nhanh chóng quá, càng đi càng thấy lạnh. Trong người đã khó chịu mà còn gặp bão to. Cô Phùng-Há mãi cầm cái bao giấy để trước miệng

chờ trả phứt cho . . . đời tất cả các thứ cô đã cất kỹ tận ruột gan từ buổi sáng. Nhưng cô cứ trạo trọc mãi chứ không như cô Kim-Cương : dễ dàng dốc ra một mạch trống rỗng cả bao tử.

Bị gió bão dẫn qua nhồi lại, đói và mệt là vì say sóng, đường đi xa lạ mà nhớ việc phải dời máy bay tại Dusseldorf mới đến Hambourg được ai nấy đều ngao ngán; đã vậy không ai biết một tiếng Đức nào cả. Nhưng bạn biết không, việc đi đứng đều êm xuôi nhờ có «cầm nang» của anh Trần từ Đức gửi về ghi sẵn đường đi nước bước.

Đúng 12 giờ 50 phút, máy bay đáp xuống phi trường Hambourg như sở hàng không đã định trước. Vừa xuống thang lần đến nơi lãnh hành lý thì đã có anh Trần đứng chờ tại đấy. Gặp nhau đúng hẹn mừng đã có người đỡ đạn cho mình ngay từ phút đầu tiên trên vùng đất lạ tiếng lạ người, vậy mà ai cũng chỉ có thể gật nổi cái đầu để tỏ dấu cảm ơn anh Trần, không mở miệng được vì bạn cũng biết hơi sức những cây liễu yếu xù mình có được là bao, chỉ một buổi trống lòng vài giờ giống bão là đủ héo xào cả cành lá.

Lấy taxi từ ngoại ô vào thành phố. Một cái gì ngọt ngào là lạ hiện ra trước mắt mình, đó là những nhà cửa xây toàn bằng gạch nung màu vàng và đó sẫm đen trần mộc lên khắp vùng, không có bức tường nào tô xi-măng hoặc quét vôi như nhà cửa chúng ta thường thấy. Mọi người chưa thôi trầm trồ thì nếp trái của trang đời cũng được lật qua ; một xóm nhà khá đông đúc thuộc loại nhà Bidonville ngồn ngang chào khách viễn phương. Nó giống như những nắp quan tài khổng lồ chờ ngày nuốt chửng những cuộc đời nửa sống nửa chết đang dừng đứng thường nhật ra vào cái «cửa tử» quen thuộc buồn thảm của nó. Ông tài xế bảo người bản xứ cho xóm nhà này là vết đen của thành phố. Riêng tôi, mỗi khi gặp nó trên một nước nào, cái hình dáng trơn tru, giản dị nhưng lại chương chương kia nổi bật lên giữa sự thật bất công, chỉ là một hiện tượng dĩ nhiên trên quả đất này. Bạn có nghĩ như tôi chẳng ? Khi nước Đức bị chia đôi như nước Việt chúng ta, chánh phủ Tây Đức cho cất gấp rút những nhà này để cho dân Đông Đức qua di cư. Tuy thiếu tiện nghi nhưng so sánh với xóm bình dân bên mình nhà này vẫn còn hơn thập bội. Vì bạn xem mỗi nhà đều có bếp sưởi mùa đông và hầu hết trên các nóc nhà đều có «antenne» vô tuyến truyền hình. Trong cảnh xa cách nhưng không đến đối tượng tàn, họ còn sung sướng hơn dân mình nhiều bạn nhỉ ; người ta còn có thể chờ

rút trên sân khấu mới, đề được yên trí nghỉ ngơi hầu có thể đem hết năng lực ra diễn xuất ngày mai.

Đứng trước khách sạn đã nhìn thấy phòng họp thể mà không đi đến đó được. Y phục sân khấu nặng nề, mũ, giày, roi ngựa, máy nhiếp ảnh, máy ghi âm kèn cồng mà trời vụt mưa như trút nước. Chạy một « cuốc » xe quá gần chẳng có taxi nào chịu đi. Bồi khách sạn cho mượn một cây dù to, mừng chưa kịp cười thì cô Kim-Cương đã làm gãy một kèo; không biết vì cô dương dù quá mạnh hay vì kèo dù đã gãy sẵn. Sợ phải bồi thường oan, cô lật đật sập dù trả lại bồi phòng rồi anh Trần kêu một chiếc taxi. Không ai dám cho biết trước là đi đâu, mọi người lên xong là xe cứ chạy, máy xe chưa kịp nóng thì tài xế được lệnh khách bảo ngừng! Thấy mặt ông ta lộ vẻ bất mãn, anh Trần trả tiền nước rất hậu và an ủi vài câu. Quả có khó khăn, cực khổ nhưng chẳng ai mất mát gì, tổn phí toàn của thiên hạ, mình dùng nó làm nấc thang phương tiện đúng chỗ để cho nhạc kịch Việt được góp mặt với nhạc kịch thế giới thì ngần ngại chi bạn nhỉ.

Thì giờ vụt qua như chớp mà khi đến nơi, công việc tập dượt không tiến hành được trơn tru như ý mình muốn. Đề được ra vào phòng họp và xem hát, mọi người phải đến ghi tên tại Musik-Halle tương đối như quốc gia âm nhạc viện bên nhà, (trước kia là Philharmonique) nơi ban tổ chức dùng làm văn phòng ghi tên cho những người đến Hambourg dự hội nghị. Tại đây mọi người đều có một bản hồ sơ chứa tất cả giấy tờ về hội nghị mà ngoài bìa cũng có ghi sẵn tên họ của mình. Hồ sơ mọi người đủ cả chỉ có tên Kim-Cương là biến đâu mất người ta tìm mãi không ra.

Người giữ cửa đã nhìn thấy màu da và lỗ mũi của các nhân viên nước Việt, ít nhất họ cũng nghĩ rằng nếu mình không được mời thì chẳng ai chịu tốn tiền sang đây đề rồi không được vào dự hội nghị. Nhưng bạn xem, nếu mình không có đủ giấy tờ hợp lệ thì biết đâu họ cũng dám bỏ mình đứng ngoài cửa? Luật lệ giấy tờ lắm khi làm mình tức đến tận cổ trong nhiều trường hợp nhưng nghĩ cũng buồn cười mà không trách giận vì lẽ người Âu-Châu không quen đọc tên người Việt. Bị rối mắt, lộn, hay vô ý họ viết tên mình bất chấp thứ tự. Hoặc tên đứng trước họ như tên người Âu-Châu, hoặc chữ lót đứng trước tên và họ. Có nhiều bạn đã gặp khó khăn trong việc lãnh tiền nong vì người nhà viết tên thiếu dấu. Một người bạn mở « compte » khi tập ngân phiếu đến tay, anh không dùng được và mãi đến lần thứ 3 nhân viên nhà « băng » mới viết thật đúng tên anh! Một bạn khác được thư bảo đảm bên

đội nhau trong sanh ly còn mình thì tàn lụn đã rồi trong từ biệt.

Vào sâu trong thành phố nhà cửa không cao đều đều như ở Balê mà chỉ có vài ba tầng lầu thôi. Xa xa thỉnh thoảng ngất ngheo một cây nhà chọc trời những hai mươi mấy tầng, nơi đó là những phòng làm việc của các ngành thương mại và kỹ nghệ lớn lao.

Như bạn đã biết, việc anh Trần và các học giả sang Ham-bourg dự hội nghị đã được định trước, nơi ăn ở của các ông đại diện cho U.N.E.S.C.O. cùng các nhân viên ủy ban chấp hành cũng được dành sẵn tại khách sạn Parkoch Haus từ lâu. Khách ở đây được dùng cơm tại chỗ và tiện nhất là khách sạn chỉ cách phòng họp và đại nhạc kịch viện độ vài trăm thước mà thôi. Hai cô Phùng-Há và Kim-Cương sang đây do quyết định giờ chót của ban tổ chức nên nơi ăn ở của hai cô chỉ tìm được ở gần bờ biển. Phòng tuy đủ tiện nghi nhưng cách phòng họp rất xa và nhân viên giúp việc trong khách sạn lại nói toàn tiếng Đức. Qua nhiều khó khăn vẫn không thuê được nơi nào tiện lợi hơn, nhưng rất may, vào giờ chót có hai đại biểu không đến dự hội nghị, nhờ vậy hai cô Phùng-Há và Kim-Cương lại ở tại Parkoch Haus gần các nhân viên ban chấp hành và đại biểu các nước, mà nhất là gần anh Trần, rất tiện cho các cô trong tất cả mọi việc. Có điều đáng tiếc là người ta thì thiếu chỗ ở mà trong 6 tầng lầu của khách sạn này chỉ có một tầng dành cho khách còn 5 tầng kia để cho xe hơi đậu !

Hơn một giờ rưỡi mọi người mới về đến khách sạn. Cô Kim-Cương vừa mệt vừa đói, cô đòi thức ăn trước nhất và ước được nghỉ ngơi. Cô Phùng-Há thì cứ băn khoăn mãi về việc diễn xuất nên sau khi dùng cơm và nghỉ độ nửa giờ, cô lại dậy đi ghi tên với mọi người để dự hội nghị và việc cần thiết đối với cô là tập tuồng. Cô lo nhiều về việc này, vì ở Balê các cô chỉ tập tuồng trong một phòng nhỏ mà các anh thủ đàn trống lại theo bước đi và điệu bộ của các cô một phần nào. Qua bên này, sân khấu rộng hơn mà giàn nhạc chỉ là một cuộn băng vô tri, nếu không tập duyệt các cô đi sai một bước sẽ không ăn khớp với nhịp đàn trống đã ghi sẵn trong cuộn băng e khi ra mắt khán giả các cô không được toàn hảo trong cách trình bày và diễn xuất.

Muốn được trọn lòng tin cậy của mọi người đã đặt nơi mình, cô Phùng-Há nhất định kéo cô Kim-Cương tập duyệt gấp



Cô Phùng-Há và ông André Poll, nhà phê bình âm nhạc kịch nghệ tại Ba Lê

nhà gửi sang, trên bao thư có chữ « Kính gửi ông... », người phát thư nhất định trả thư về Việt - Nam vì trong thẻ thông hành của bạn này chỉ có tên và họ mà thiếu chữ « Kính gửi ông » ! Còn nói gì đến những chữ Hồ họ viết ra « Oh ! », Trần-Văn-Khê ra Van-Kê-Tan hoặc Mộng-Trung ra Mưòng - Thúng chẳng hạn. Mình gặp một ngân phiếu như vậy thì

bực tức cả tuần về việc tiền và đòi phiếu. Còn gặp tên Việt nào gồm có 3 chữ dài nhằng họ lác đầu bảo đó là một chứng bệnh chứ không phải tên !

Bà giữ việc soạn hồ sơ khổ công tìm mãi cũng chưa gặp tên Kim-Cương, đến khi anh Trần cho ý kiến nên lật ngay trang có chữ « C » để tìm chữ Cương thì quả thật, trên hồ sơ một hàng chữ « Cương Mademoiselle Kim » nằm nhan nhản ! Việc tên tuổi xong thì buổi nhóm cũng tàn, đồng hồ gõ năm tiếng mĩa mai ! Cô Phùng-Há mồ hôi đổ hột vì mỗi một từ sáng đến giờ, mọi người bàn nên bỏ tập tuồng về khách sạn nghỉ ngơi kéo cô đau thì ngày mai sẽ nguy. Nhưng cô nhất quyết tập tuồng, thấy nhiều phái đoàn các nước Á-đông đến dự hội nghị, hơn lúc nào hết, cô lo mình bị thua kém người. Đúng như vậy bạn ạ, vì nếu quả nghệ thuật kịch trường Việt-Nam còn kém kịch trường nước người thì mình đành chịu vậy, nhưng nếu vì sơ sót mà gặt lấy thất bại thì thật là điều đáng tiếc, vì đây là cơ hội duy nhất cho kịch sĩ Việt thi thố tài năng cùng kịch sĩ nước người dưới mắt những nhân vật quan trọng trong lãnh vực âm nhạc trên thế giới. Rủi thất bại thì không còn cơ hội nào khác để các cô lấy lại tiếng tăm cho nước Việt và chính bản thân mình nữa.

Từ Musik-Halle đi đến Unilever-Haus để vào phòng họp và sân khấu phải đi độ vài trăm thước. Đây là một giải nhà kiến trúc tối tân, cao hơn hai mươi tầng lầu, chung quanh đều có cửa kiếng như nhà U.N.E.S.C.O ở Pháp. Bên trong trang trí rất mới lạ và đẹp đẽ. Có những cái ghế bành hình dáng xấu xí nhưng công dụng rất hấp cho những người mỗi một muốn nghỉ lưng. Hẳn bạn cũng biết chỉ có một số người mỗi một

được ngồi trong cái dựa ôm sát tấm lưng đến tận óc này để xây qua xây lại «rờ lắc» (relaxe) mà thôi. Mình nhìn nó mà e-dè, ngao ngán vắn vớ, nhưng không làm gì hơn và khác được, mình lại phải ngồi vào đó để mà xây xây như thiên hạ để tự hỏi mình thuộc vào số người được ngồi, muốn ngồi hay bị ngồi lên đó ? Trong trường hợp này làm gì có chuyện bắt buộc bạn nhỉ ; chỉ có những người khó tánh như tôi, đi đến đâu, hưởng vật gì cũng thường thấy toàn gai đau vị đắng.

Nhà Unilever-Haus này là của hãng làm Margarine cất ra cho các nhà thương mãi mượn làm văn phòng. Đặc biệt từng dưới là những phòng họp thật lớn mà từ khi cất đến giờ hãng này chưa cho ai mượn cả. Đây là lần đầu tiên H.Đ.Q.T.A.N. và ủy-ban quốc-gia âm-nhạc Đức thuê làm nơi nhóm họp cho hội nghị kỳ này. Phòng có hơn 400 chỗ ngồi, mỗi ghế có một cái máy đề thính giả nghe thông dịch ra nhiều thứ tiếng.

Cuối phòng có một sân khấu nhỏ xinh xắn với bức màn gấm óng ánh rủ xuống những nếp sóng vàng lá lướt. Mỗi khi cho hạ hay kéo màn lên, người ta không dùng tay rút dây mà chỉ nhận nút điện. Phía trong màn có « écran » cho phim chớp bóng hay vô tuyến truyền hình, hai bên sân khấu có hai máy phóng thanh đề thính giả nghe đĩa hát. Trong hậu trường là văn phòng và nơi dành cho kịch sĩ sắm tuồng, thay áo. Có những bốn năm kỹ thuật viên lo về các thứ máy móc cho buổi họp này.

Chỉ có chuyện ghi tên dự hội nghị mà lay quay mất mấy tiếng đồng hồ, trễ một buổi họp. Hiện giờ ai cũng nghĩ rằng tập tuồng từ 5 đến 6 giờ sẽ xong, sắp đặt mọi việc cho buổi trình diễn ngày mai đến 7g30 dùng cơm rồi nghỉ ngơi thì vừa. Vậy mà vào giờ chót vận không may vẫn còn gặp gút. Khi hai cô Phùng-Há và Kim-Cương lên sân khấu chờ nhạc đề biểu diễn thì mới hay cái máy ghi âm của phòng họp bị hỏng. Ngồi chờ sửa chữa mãi đến 6 giờ rưỡi máy mới chạy được. Gặp toàn việc bất tường ai cũng rầu rĩ đâm ra lo sợ vắn vớ. Tập tuồng xong đã hơn 7 giờ tối, về đến khách sạn mỗi người được giấy ban tổ chức mời đi xem đại nhạc kịch nhưng không ai đi nổi vì đã mệt như. Mỗi người chỉ mong dùng cơm xong rồi nghỉ ngơi lấy sức lo việc trình diễn ngày mai cho được toàn hảo. Kết quả buổi diễn xuất nầy xin hẹn với bạn trong bức thư sau.

Balê Hè 1964

MỘNG-TRUNG

Á - P H I

sao chúng tôi phải mãi mãi làm thân bò-sát
trườn mình trong vũng tối tương-lai
sao chúng tôi phải ngày tháng làm loài lạc-đà
mệt mỏi niềm đau nhọc-tiêu.

sao chúng tôi chỉ là những quân bài
trong trò chơi cao thấp của các anh
sao máu chúng tôi không thấm vì ruộng đất
mà bấp-bênh theo những dòng hiệp-ước buông trôi.

sao chúng tôi chết đi
không biết mình chết cho ai
đôi mắt còn thêm tiếng ca tình-ái
thân-thể còn thêm liệm lá cỏ tươi.

hãy để chúng tôi ra đi một mình
con đường quê hương phủ đầy lá cỏ
đã đến lúc chúng tôi khởi-hành
hai chữ tự-do dù bằng máu lửa

không thể nhuộm hồng chúng tôi màu đỏ
không thể nhuộm bầm chúng tôi màu xanh.

chúng tôi không còn mong tiếng hát thiên-thần
làm bởi trái tim cầm thú
chúng tôi đã chán chê rồi những lời ru ngủ
hai chữ hòa bình rớm máu văn-minh

Á Phi Á Phi nghìn năm gió cát
Á Phi Á Phi nghìn năm sa-mạc
chúng xé xác ta cày lên hồn ta
hãy thức dậy đi, ghép tiếng làm loa
và làm nhịp thở.

cùng với rừng xanh mặt trời đỏ lửa
ta đi dựng lại loài người
cho tôi gửi đến tiếng cười
góp thành khí giới

cho tôi gửi đến niềm đau
dựng thành quật-khởi
xin hãy cùng nhau chúng ta tiến tới
niềm tin phương đông rực-rỡ lên đường

Á Phi Á Phi lời lời réo gọi
Á Phi Á Phi nguồn sinh-lực mới
hơi thở loài người đang còn hấp hối

T.T.

Huế 64

t
h
a
n
h
-
t
h
u
y
ề
n

con
nước
phù
sa
dựng
hậu
giang

Từ thuở khai nguyên trời cho nước,
về sông giao hợp chuyện luân lưu.
trường ca châu thổ từng bừng dậy,
vũ trụ thời gian dựng sức người.

Trăng chênh trên hàng sao cõ miếu,
gà khuya eo óc điểm canh sang.
lòng sông con nước phù sa lớn,
thuyền nhỏ sào đi tiếp nổi đàng.

Đường nước ngược xuôi dòng Bassac,
ghe thương hồ nổi chuyển trên sông.
gái trai hát đối quên đường nước,
chèo đong trong lòng vũng sáng trắng.

Văng vẳng hơi người vô vọng cõ,
vào sương vất vưởng hai bên sông.
len vào khóm trúc bờ tre xóm,
đong mái nhà tranh thấm tận lòng.

Tiếng vạc ăn sương sâu khoắc khoải,
hàng cau thu bóng đứng băng khuâng.
sao băng tắt giữa khung trời thắm,
văng vẳng đường khuya chó sủa trắng.

Thủy liễu âu sầu thương gót nằng,
mơ màng nhớ mãi dấu chân chim.
đèn đom đóm sáng soi thân lá,
mây đắp cho nghìn sao ngủ yên.

Bằng lăng nở rộ mùa trăng Hạ,
tím cả bờ sông, tím bãi bồi.
nước chở dài hoa ra biển cả,
hồn trắng sâu mộng dãi ra khơi.

Tháng bảy mưa dầm con nước lớn,
xuồng theo ven ruộng thả câu đêm.
mưa lay phay đổ trên mình lúa,
buồn thiết tha hơn tiếng đò em.

Hoa điền nở vàng trên ruộng lúa,
mây trời chìm đáy nước trong xanh.
mười cô hàng xóm cười nghiêng ngửa,
vui với màu hoa với mái tranh.

Hậu giang cấy sạ mùa mưa xuống,
lúa xõa màu xanh tóc dưới trăng.
tháng chạp hạt trời thơm sắc nắng,
đường trâu sáng rực ánh sao băng.

Chày tư rồi nhịp trên thân cối,
gạo trắng phơi mình dưới vũng trăng.
vật áo bà ba vương bụi cám,
tiếng cười vang ánh sáng trắng tan.

Châu đốc tương tư than Cái Nước,
Cần Thơ thương lá miền Baxuyên.
ngủ canh bả lúa nhờ thân nóp,
nhớ cộng bàng xanh miệt Thất Sơn.

Đồng Tháp nhớ đường sông Cailớn,
còn thương rừng cũ dấu chân chim.
Cà mau giữ mãi tình châu thổ,
dòng nước phù sa mát đất liền.

Con nước phù sa luôn chuyển tiếp,
mặc đời giao động chuyện buồn thương,
Cà mau thêm rộng vui lòng biển,
sông nước lồng gương mây viễn phương.

Đất cát phù nhiều bao khúc hát,
miền Tây nô nức tiếng cười vang.
muôn đời vẫn tạc lòng ghi nhớ,
con nước phù sa dựng HẬU GIANG.

HUỲNH THẠNH TÔNG
(Long - Xuyên)

quê hương
một
loài chim

cổ bia vàng như nước da em
anh bắt đầu gặp lại
đôi mắt ngôi nhà lòng cha mẹ chúng ta
sáng biếc trời cao
cùng nỗi thiết tha ôm vòng mặt đất
chín trái nhớ rồi cảnh xanh bên lộc
điệu thơ buồn thoang-thoảng ăm như sương
ào vai nghiêng tay khăn lụa lên đường . . .

ôi từ đó
anh bắt đầu sống lại
ngọn mía ngọt con chuồn-chuồn xưa trở lại
thẹn hay buồn không xuống vũng thân yêu
cánh sương bay thăm thăm mắt trong chiều
thôi vẫy mãi một bàn tay nuôi tiếc
thôi hát mãi một bài ca từ biệt
cúc chớm vàng thêm nhớ gót chân anh
nói làm sao
ôi nói sao đành
em hỏi mãi một dòng sông nước lũ

ừ thì đó
cỏ hai bờ xanh tươi lắm
quê hương em có tiếng vọng bên trời
thế đủ rồi
anh không nói nữa đâu
ôi số phận của một loài nhược-tiểu
vẫn có đó
một cảnh hoa tiêu-biểu
cho [tự] do, no ăm yên, vui
lời rơi sương em bay nỗi ngậm-ngùi . . .

LUÂN-HOÁN

(về trời)

QUÊ NHÀ

— CHÚ NGHĨA chết rồi cậu ạ.

Lâm nhòm người trên chiếc giường nệm xanh nhàu nát. Hai khuỷu tay chống trên mặt giường. Cặp chân duỗi dài đập đập trên mặt nệm, cổ ngồng lên nhìn Nghinh đẩy cửa bước vào. Khuôn mặt nửa như chờ thái-độ của Nghinh, nửa như thoải-mái vì vừa có một truyện mới để nói. Nghinh chắc bạn đã ngóng mình như một đứa bé ngóng mẹ về để phở một chuyện ở nhà tự-nhiên hẳn thân-nhiên nói:

— Tớ biết truyện đó rồi.

Mặt Lâm ngậy ra, ngạc-nhiên một cách không phải lỗi. Trên vòng mở rộng chạy dài ra hai mép, mơn hờ một nét cười thật nhạt. Nghinh nhìn anh ta thêm một lần thấy anh ta quá đáng trong mọi thái-độ. Nghinh không nghĩ mình đã tàn nhẫn với bạn, chỉ thấy mỗi người là một ngao-ngán đáng giận. Nhưng như một thói quen, hẳn lại cười xòa, nói chừa :

— Nói chơi đó bồ. Tớ có biết gì đâu.

— O'... có thể chứ. Mình đoán cậu chưa biết, quả nhiên cậu chưa biết thật. Lâm lại nhòm lên một lần nữa nhưng vẫn không ngồi dậy.

— Chú ấy chết ở Châu Đốc, chết đêm.

— Chết đêm ?

Giọng Nghinh lơ lửng.

— Bị phục-kích. Nhe đâu chú ấy với một người bạn mò ra một cái quán ở ngoài đồn uống nước. Lúc trở về bị phục-kích. Người bạn chết ngay tại chỗ, còn chú ấy mạnh hơn, ôm vết thương chạy về tới gần đồn mới ngã.

Sau những lời tóm tắt, Lâm ngồi hẳn dậy, tựa cái lưng trần vào thành giường, bắt đầu kể các chi-tiết. Bàn tay anh luôn luôn đưa lên xoa nắn cặp vú đầy của mình. Nhiều lúc anh như quên hẳn mình tối ngày nằm dài ở căn nhà ọp ẹp này, quên hẳn mình chỉ là người được nghe thuật lại, anh hăm hở mô-tả, thêu dệt hoặc xén cắt những mẫu truyện trong báo để ghép vào những giờ phút cuối cùng của chú Nghĩa. Dường như Lâm thấy đối với những người dư giả thời-giờ như mình và bạn, dù có trộn vào câu truyện một mớ những chi tiết tưởng-tượng, lếu lảo cũng vô-hại.

Càng nghe Lâm, Nghinh càng dời xa câu truyện. Hắn lắng tai nghe tiếng máy bay xè xè xịch xịch ở khoảng trời sau nhà, tiếng máy bay trực-thăng con sâu, những chiếc máy bay nhiều buổi chiều đi học về, Nghinh đã tưởng từ trong khối mặt trời chói vàng ở trước mặt bay ra.

— Ghê gớm thật.

— Đúng, ghê gớm thật. Ông già đó thấy chú ấy ngã sắp trước cửa nhà mình, chạy vội ra vực vào, xé hết cả cái màn trắng tinh để bó vết thương nhưng máu vẫn tuôn ra xối xả. Nhưng mà, cuối cùng thì như cậu đã biết đấy...

Nghinh tần-mẩn mân mê những hộp thuốc bổ, những lưỡi dao cạo, những cuốn sách trên bàn. Hắn nhìn chăm chăm vào tấm hình của mẹ Lâm đặt ở giữa bàn. Bà cụ vẫn khăn, đôi mắt lèm nhèm ngó ra phía Lâm. Chỉ có bức ảnh đó, chỉ có bà cụ kiên-nhẫn nghe Lâm được thôi. Hiện giờ, bà cụ có một cửa hàng tạp-hóa ở ngoài lộ nơi mà Lâm chê là ớn-ào, không học hành gì được. Chiều chiều khi vào đây lấy rượu của một ông láng giềng Lâm, bà cụ đến ghé qua thăm con. Lâm thường ngồi trần, mân mê bộ ngực, thao thao nói cho mẹ nghe những truyện dân-chủ, tự-do : truyện Mỹ, Tàu, Cộng-Sản, truyện hỏa-tiến liên lục-địa v. v... Trước khuôn mặt bí xị có đôi mắt nhập nhèm của bà cụ, Lâm không hề thoáng qua một ý nghĩ nao-núng, vẫn thản-nhiên xông-xáo vào những truyện thời-sự như xông xáo vào chỗ không người.

Nếu lúc bán hàng, bà thường ngồi yên sau quầy hàng, thỉnh-thoảng lại giật mình ngừng lên vì một chiếc xe buýt thẳng «kít» một tiếng dài trước cửa, lúc nghe con nói, bà cũng có một biểu-lộ duy-nhất là giật-mình, nhấp nháy đôi mắt, ngó vào mặt con khi anh ta chợt cất tiếng cười lớn và hỏi thật to «Bu có thấy người ta tài không?» hoặc «Bu có thấy như vậy là nguy-hiểm không?». Bà cụ thường đứng dậy ra về khi Lâm chợt như tỉnh ngủ, choàng người lên một cái, vươn vai, vắn mình, ngáy lớn và chìa tay bảo mẹ : «Bu còn đồng nào đấy hông ? Cho con mấy đồng đi uống nước đá. Khát quá.» Rồi sau đó, trên con đường hẹp vòng vèo dẫn ra phố, mẹ cầm cúi đi trước, con vung vẩy hai tay theo sau với một sự nhịp-nhàng đặc-biệt.

Ngày nọ qua ngày kia bằng những câu truyện thời-sự, những cái giật-mình của bà cụ và những đồng bạc mua nước đá. Lâm như không muốn ngó ngang tới thời-giờ. Nhưng lại hay phàn-nàn vì số tuổi tăng lên vùn vụt của mình.

Thần hoặc, có ngó lại thời-gian đã qua, ngó tới thời-gian sắp đến, Lâm lại kêu mình đã lỡ dở. Anh đổ lỗi cho thời-sự và xỉ vả nó không tiếc lời. Đối với Nghinh thời-sự lại là một thứ ân-nhân của Lâm. Ngoài những câu truyện nói với mẹ cho tiêu bớt thời-giờ, thỉnh-thoảng thời-cuộc còn đưa đẩy đến nhà Lâm một người bạn kêu chán nọ, chán kia, kéo anh ra một quán nước tâm-sự. Lúc đó, anh thực là một mẫu người dễ thông-cảm nỗi-niềm kẻ khác. Anh buồn được ngay nỗi buồn của họ, chán được ngay cái chán của họ, cho nên anh cũng phải tìm cách quên lãng như họ. Anh lớn tiếng gọi La-ve, tôm khô, củ kiệu, nem chua, gọi thuốc hút vân vân... Và thường thường lúc ra khỏi quán, trong lúc người bạn vẫn tỉnh-táo với nỗi buồn còn nguyên, Lâm thấy chóng mặt, thấy quên được lắm thứ và chỉ nhớ có một điều duy-nhất. Đó là con đường dẫn về căn nhà lá có cái giường nệm nhàu nát của mình.

Riêng Nghinh chẳng bao giờ chịu để nỗi buồn kéo mình và bạn ra khỏi căn nhà. Dường như ra khỏi căn nhà, Nghinh hết chịu nỗi bạn. Giữa hấn và Lâm ít có điểm hợp nhau. Nhưng từ ngày bị đuổi học, hấn thấy căn Lâm vì thấy giữa hấn và căn nhà có một sự hợp nhau hết mực.

Chiều nay, lúc ra khỏi nhà Lâm, Nghinh định vào nhà chú Thời, chia buồn nhưng thấy công việc ấy có vẻ quan-trọng quá, hấn lại thôi, cái chết của chú Nghĩa chẳng là gì với mọi người. Nhưng không hiểu sao, sau khi biết tin chú mất, Nghinh tự-nhiên muốn đạp xe đi không ngừng. Hấn ngạc nhiên nghĩ thầm :

— Chẳng lẽ bây giờ mình mới buồn vì bị đuổi học, bị đuổi khỏi một trường tư ?

Đến tối, Nghinh chờ trăng lên, quay về định kiểm người cảnh binh già — người bạn của gia-đình hấn — đi ra quán rượu giữa đồng uống la-de chơi. Tới tiệm nước ở gần ngã tư, thấy lão đang ngồi với cha mình, hấn lại đạp xe đi.

..

Trong đám người làng tới đây, ông Thành — cha Nghinh — là kẻ có mặt muộn màng nhất. Trước kia ông ở với người con trưởng làm Trung-Úy huấn-huyện-viên trường Sĩ-Quan Đà-Lạt. Trong thời gian này, nhiều lúc ông đã ngỏ ý muốn về với đám người làng. Ông thường bảo con :

— Ít tuổi như chúng mày còn ham bay bổng đó đây, chứ như tao với ông, một đảng đã có tuổi, một đảng đã già khom, chỉ mong được về ở với bà con, sớm tới được nghe đăm ba câu truyện của những người đã từng gần gũi mình ở ngoài Bắc là mãn-nguyện rồi.

Từ lập luận này, càng ngày ông càng bành-trướng ý tưởng đòi về với đám bà con. Trước những lời lẽ gần như than thở của cha, bao giờ người con cũng gạt đi bằng một câu rất gọn :

— Đã bao giờ ông từ xứ Sài-Gòn «đi» tới đây mà ông cứ nặng-nặc đòi «về» ?

Ít lâu sau, người con bướng-bỉnh này trở về một đơn-vị tác-chiến và bị tử-trận. Ông Thành thấy không còn lý-do gì để ở lại miền cao-nguyên nữa. Hai vợ chồng ông cùng người cha già và Nghinh «trở về» Sài-Gòn, tìm đến đám người làng. Đám người này đã đón tiếp gia-đình ông bằng những bữa cơm có rượu đế, lòng lợn, tiết canh, dưa chua... Trong lúc ăn uống, người ta tỏ ý ngậm-ngùi về cái chết của người con trưởng ông Thành và có những lời an- ủi chứa đựng một tương-lai sáng-lạn. Trong cái tương-lai đó, Nghinh rất khổ-tâm vì thấy mình cũng có mặt. Trong vài ngày hần đã nằm lòng những câu ca-tụng xứ này. Nào là «thôi thì, bây giờ về đây dù cơm dưa, cơm muối, sớm tối trông thấy nhau là đủ vui rồi», nào «vả lại cái đất này chưa hề bạc-đãi người đã đến sửa sang, chăm sóc nó bao giờ. Hơn nữa, ở đây, chú Nghinh chú ấy học-hành cũng tiện». Nghinh thấy mình như cái đuôi trong câu truyện của mọi người.

Hắn bực mình, nhiều khi và cơm lia lịa để khỏi phải nghe. Nhưng chỉ lát sau hắn lại dăng-trí, ngơ ngẩn lắng tai đếm xem có bao nhiêu chữ «thôi thì» «vả lại» «hơn nữa» để biết người ta muốn liệt-kê bao nhiêu điều ích-lợi của xứ này.

Bên cạnh những mâm cơm thiết đãi, những lời chia buồn, những an- ủi phác họa một tương-lai sáng-lạn, có tính cách công-khai, người ta âm thầm làm một cuộc điều-tra về gia-tài của gia-đình ông Thành. Ngoài chiếc ra-dô Phi-líp, cái bình pha-lê cắm hoa hình con sò bể, chiếc đồng hồ hình tháp chuông bằng vàng tây có con gà sống tới ngày gặt gù trên nóc, người ta còn thấy một chiếc mũ kết, một chiếc mũ sắt và bộ lễ-phục của người con trưởng ông Thành. Những thứ này tuy hấp-dẫn mọi người nhưng không làm họ thỏa-mãn. Sau khi một vài người đàn bà lấy tình thân, tỉ tê trò chuyện với bà Thành, không được bà nói rõ đáp-số món tiền gia-đình bà hiện có, người ta bắt đầu làm một cuộc phân-tích công-phu. Họ tính tiền lương của người con trưởng ông Thành lĩnh được trước kia, tiền bà thành kiếm được một tháng rồi cộng, trừ, nhơn, chia để đến kết-luận «ít ra mỗi tháng gia-đình ông Thành cũng dành dụm được một món tiền kha khá». Và những cái «kha khá» đó tới ngày về đây, thêm 12 tháng lương của một ông Trung Úy, đã thành một cái khá có thể làm nặng va-li của ông Thành. Cuộc điều-tra tài-sản chưa hẳn đã kết-thúc ở đây. Mọi người còn nhớ tới những món tiền của hai người con gái ông Thành ở ngoài Tân-Đảo gửi về. Tuy biết rất rõ truyện gửi tiền này, nhưng họ lại rất mù mờ về nơi cơ ngụ của hai người con gái. Có người nói đó là một thứ Tân-Thế-Giới như Tân-Thế-Giới Nam-Kỳ trước kia. Có người thành thạo hơn, bảo đó là một xứ xa xôi ngoài bể Đông. Vì vậy món tiền ông Thành nhận được, họ bảo đó là tiền ở bể Đông gửi về. Căn cứ vào các món tiền kha khá này, họ hình-dung những miền đất vùng bể Đông đều là những miền đẹp-đẽ thơ-mộng, trời đất gần gũi, người, vật vui tươi. Đến ngày nghe ông Thành nói đã mấy năm bắt tin hai người con gái vùng bể Đông, thì tự-nhiên có người kể chuyện về những hòn đảo chơ vơ ngoài bể bồng dương bị sa mù bao kín hàng ba bốn tháng liền, ngăn cách người trên đảo với bên ngoài. Dứt lời, người đó kết-luận một cách phân-vân:

— Biết đâu nơi các cô ấy ở chẳng bị sương phủ bất ngờ như vậy. Biết đâu thời gian sương phủ ở đây lại không gấp năm, gấp sáu thời gian ở các đảo khác . . .

Là người ít ưa sự khôi-hài, nghe nói, ông Thành bật cười thành tiếng. Nhưng sau này, mỗi lần nhớ đến hai người con gái xinh đẹp của mình không hiểu bây giờ ra sao, tự nhiên trong trí ông Thành lại thấy thấp thoáng bóng họ ẩn hiện trong đám sa mù ngoài bể Đông, mờ hồ và xa cách.

..

Vừa sẵn tiền, vừa gặp dịp may, về đây đúng ba ngày, ông Thành mua lại được mảnh đất của anh Tám-Chức. Đó là một mảnh đất vá vào khu vườn của một người Tàu, sát kề với cái ngã tư đầy phân heo, phân ngựa. Khi mới mua, ông Thành đã cho sửa sang ngay trong vòng tuần lễ. Ông dựng lại nhà, xây lại tường và tráng xi-măng miếng sân rộng bằng bốn chiếc chiếu. Ông thường phàn nàn mình không được may mắn như đám anh em chú Thời, mỗi người đều có vườn trước, vườn sau tha hồ nuôi gà nuôi vịt. Nhưng ngày đầu ở đây, ông có ý tìm một khu đất khác rộng-rãi hơn. Nhưng tới hôm người Tàu bỗng đem sự dọa nạt để mong ông phải dọn đi chỗ khác, tự-nhiên ông thấy không thể nào bỏ mảnh đất này được. Hắn ta thuê một bọn trẻ, tối tối chờ mọi người trong nhà ông ngủ yên ả, chọi đá rầm rầm lên mái nhà ông. Đã nhiều tối ông và Nghinh thay phiên nhau thức để rình đưa phá rồi nhưng chẳng bao giờ bắt được đứa nào. Ông đi cớ bót nhưng cảnh-bình cũng bắt lực trước bọn trẻ biến hiện như ma. Người Tàu có vẻ đắc ý về kế-hoạch phá rồi của mình. Thấy ông Thành có vẻ hoàn toàn thất-vọng trong việc đối phó với bọn trẻ, hắn chắc không sớm thì muộn ông sẽ phải bán rẻ mảnh đất này mà đi. Nhưng một hôm hắn vô cùng ngạc-nhiên thấy ông Thành thuê xe ba bánh chở mấy cây thừu lựu về trồng ở đầu hời. Ông Thành đã nhất quyết tạo cho miếng đất của mình một hình-ảnh ở quê nhà. Mấy cây thừu-lựu như một lời thách đố những kẻ phá rồi gia-đình ông.

Và người Tàu vẫn tiếp-tục công việc của hắn. Hết tháng này đến tháng khác, hết năm nọ đến năm kia, lâu hắn lại cho bọn trẻ dùng những cục đá nhắc nhở cho ông Thành biết khu vườn của hắn vẫn còn phải mang một miếng vá bẩn mất. Còn ông Thành, trước những lời hỏi han của mọi người, vẫn cười kiêu-hãnh :

— Bao giờ nước mình hết còn là mảnh vá của bản-đồ nước Tàu, tôi mới bỏ cái đất này. Tôi ngán những cục đá của nó à ? Những cục đá đó có nặng bằng một ngàn năm đô-hộ trước kia không ?

Vào những lúc này, ông Thành thấy không vạch cho mọi người biết cái nguy-hiểm của người Tàu là một tội khó tha thứ. Ông bảo :

— Đám con cháu Mā-Viện này, thay vì dựng lên ở nước ta một cột đồng trụ khác, đã dựng lên những nhà máy, những ống khói đen ngòm. Vậy cái chiến lược chống trả của ta cũng vì đó mà phải cải-cách. Ta không ném đá cho kín cột đồng trụ nữa mà phải ném tiền vào việc kinh-doanh.

Trước những lời lẽ này, có người đã nghĩ ông Thành là một kẻ bài-ngoại kịch-liệt. Nhưng thực ra, có lúc ông lại thấy ở người Tàu một khuôn-mẫu đáng bắt-chước. Và lúc đó, ông cũng thấy mình có bổn-phận phải nói rõ cho mọi người hay. Theo ông, người Tàu đã biết xếp đặt đời sống cũng như cái chết một cách qui củ. Lúc sống họ quây quần bên nhau — như vùng Chợ-Lớn — khi chết, họ cũng dặt dít nhau tới nằm cùng một nơi — như nghĩa-địa vùng Ngã ba chú Ía. Nhiều lúc trông họ màu mè đưa nhau tới nơi an-nghỉ cuối cùng, ông tưởng như họ đưa nhau tới cư-ngụ ở một địa-chỉ mới. Trước những đám ma người Tàu, ông vẫn có cái cảm-tưởng bình-yên của những người biết mình được chết ở quê nhà, và của người đi đưa biết mình còn được gần-gũi phần mộ người quá cố.

Là người quá tha thiết với quê-hương, ông Thành không mong gì hơn nhóm người làng gần gũi nhau lúc sống cũng như khi chết. Ông quý họ như quý bộ lễ-phục của người con trưởng mình. Bộ lễ-phục cũng như đám người làng, nhiều lúc như đã giúp ông đối thoại được với những năm tháng đã qua. Nếu ông Thâm có lúc phải nhắm lại xem mình có bao nhiêu đứa con sống, con chết, ông Thành lúc nào cũng sẵn sàng nói rõ ngay số đàn ông, đàn bà, con nít, của làng mình mà không sợ nhầm lẫn. Mỗi khi có một đứa bé ra đời, thêm cho làng ông một người, vợ chồng ông là người đầu tiên mang quà tới thăm hỏi. Vào các ngày đầu năm, chuyện ông nói với người làng bao giờ cũng là chuyện tính xem từ năm vào đây, nhà chú Thời, ông Thâm, anh Tâm, anh Chí... đã thêm được mấy đứa. Và trong một viễn-tượng huy-hoàng, ông hình-dung những đứa bé thò lò mũi xanh, những đứa bé còn đỏ hỏn trong lớp tã lót là những thanh-niên, thiếu-nữ trở về quê nhà gây-dựng lại mọi đồ vỡ.

Tấm lòng tha-thiết của ông một ngày kia hiện thành hình-dạng bằng khu nghĩa-địa Dục-Đức. Đó là một khu đất của một người Miên, đã bán lại cho ông và đám anh em chú Thời bằng một giá rẻ mạt. Ilôm tấm bảng «Nghĩa-trang Dục-Đức» được đóng tạm lên trên thân cây bông gòn ở ngoài cổng khu đất, ông Thành đã dẫn vợ và cha già ra thăm. Trong lúc cụ Cựu vừa ôm ngực ho, vừa cố nheo mắt nhìn những gò đồng nổi trên vùng đất lầy trước mặt, ông Thành hoan hỉ trở tấm bảng bảo vợ :

— Từ ngày bà ngồi bệt xuống cổng làng mà khóc tới giờ, tôi mới lại trông thấy tên làng mình lớn thế kia.

Từ khi khu nghĩa-địa được chính-thức thành-lập, ông Thành thấy cụ Cựu là người có nhiều hứa hẹn sẽ là người đầu tiên đến nằm vĩnh-viễn ở đây. Cụ đã được con cháu mang đi theo như chiếc đồng hồ cổ, như bộ lễ-phục. Cụ là một di-vật. Trên bước-đường hầu như phiêu-lưu của ông Thành,

trước những miền đất gia-đình vừa đặt chân tới, lộn-xộn và xa-lạ, nếu có lúc ông Thành đã dựng ngay một cái cổng tre, lập ngay một bàn thờ để thấy mình vẫn gần gũi quê nhà, thì cụ Cự, chiếc đồng hồ cổ... cũng khiến mọi người có cảm-tưởng vẫn luôn luôn ở bên những cái quen thuộc. Từ ngày về với nhóm người làng, vai trò làm bình yên tâm hồn mọi người của cụ bị giảm sút. Ông bà Thành cũng như Nghinh đều hướng cả ra cái hoạt-động nhộn-nhip của đám đông ở bên ngoài gia-đình. Cụ chỉ còn được nhắc nhiều tới khi mọi người nói đến cái chết. Sự sống của cụ không làm ông Thành bận tâm bằng cái chết của cụ. Ông thường bảo :

— Thôi, bây giờ ông có chết cũng không còn gì đáng phàn-nàn nữa. Ông chết bên người làng, người nước là tôi được yên lòng rồi.

Ông Thành như cảm thấy khi cụ Cự nằm xuống là khi mình đã bắt đầu gởi gắm một chút gì thân-thiết trong lòng đất lạnh-lẻo, xa lạ này. Và đời sống mọi người ở đây dần dần sẽ có một dĩ-vãng tạo bằng những ngôi mộ trong nghĩa-địa Dục-Đức. Cái dĩ-vãng này phải chăng là một phần nào cái quê nhà ông Thành muốn tìm lại ?

Trong lúc mọi người trong nhà đều có những bận rộn riêng rẽ, cụ Cự thường ngồi trước cái đồng hồ có con gà gật gù trên tháp chuông. Cụ ngồi thương con thương cháu. Như con gà gật gù trên tháp chuông, cụ thường cất cả hai chân trên mặt ghế, im-lặng trong một tư-thế bấp-bênh. Mỗi khi có người bước qua bậc cửa, cụ Cự hơi ngêng mặt nhìn lên một lát rồi lại nghiêm-chỉnh trong cái thế bấp bênh của mình. Đôi mắt cụ đã quá mờ, nhiều lúc nhìn người đi ra, đi vào một cách vội-vã, cụ chẳng rõ đó là ông Thành hay bà Thành. Điều này không làm cụ quan-tâm. Ông Thành hay bà Thành mà vội-vã như vậy, cụ đều thương như nhau. Có khi, bên tiếng tí-tách của đồng hồ, thỉnh thoảng cụ lại cất lên vài lời bâng quơ :

— Làm gì mà hấp-tấp thế hả con ?

Nếu giọng cụ lớn hơn một chút, tiếng cụ mau hơn một chút, người ta đã tưởng đó là lời người cha mắng một đứa con-nít mãi chơi, hấp-tấp bước qua bậc cửa. Cũng có khi cụ chợt đưa bàn tay nhăn nheo, có móng sắc ra cào cào hai ống quần, miệng lẩm-bẩm một câu sấm cụ thường ngâm nga cách đây mười năm :

« Chó vầy đuổi mừng thánh-chủ,

Lợn ăn no ngủ tối ngày. . . »

Những lời này đã giảm giá dần dần trước mở tuổi già càng ngày càng tăng của cụ. Trước kia, trong lúc long đong đây đó với đám con cháu, đọc một câu sấm, cụ thấy một sự hứa hẹn trở về của cái nề-nếp, trật-tự thời niên-thiếu. Bây giờ khoảng đường trở về ấy quá xa xôi mà khoảng đường trở về với ông bà chỉ còn gang tấc, cái kim chỉ sự hứa hẹn ấy chẳng còn một ly chính-xác.

nào. Cụ đem những câu sấm ra lẩm-bẩm cho đỡ buồn, chẳng khác gì một thanh-niên đem lý-tưởng của mình ra khôi-hải trong đám bạn bè.

Ngoài mấy câu sấm quen thuộc, chỉ khi nào gần Nghinh cụ mới lại dùng một số từ-ngữ đáng kể. Lúc đó cụ trở nên tỉnh táo hơn. Những lời bâng quơ, lẩm-bẩm chợt biến thành những lời thủ-thỉ vui tai. Cụ thường bảo Nghinh :

— Bây giờ các con lười biếng lắm. Trước kia ông mới cao tới nách con, ông đã có vợ rồi.

Và Nghinh thường tủm tỉm cười lại :

— Con cao lớn thế này đâu có phải vì con nhiều tuổi há hỏ già ?

Cụ Cụu hơi nghinh mặt suy nghĩ rồi lắc đầu :

— Hồi Ông lấy vợ không những Ông mới cao tới nách con, ông còn hay mặc quần trái nữa. Có bữa ông đã ra tới ngoài đường, bà mày còn chạy theo bắt về mặc lại quần. Như vậy, ông chẳng nhỏ hơn mày bây giờ, ông chẳng là trẻ con là gì ?

Nghinh vẫn bướng-bỉnh không chịu :

— Quần của các cụ, nhiều khi người lớn mặc trái cũng không biết. Như vậy, mặc quần trái, chưa chắc đã là trẻ con.

Lại sau một hồi ngẫm-nghĩ, cụ Cụu nhất định chứng tỏ rằng hồi cụ lấy vợ cụ còn bé lắm :

— Đâu có phải Ông chỉ cao tới nách con và hay mặc quần trái thôi đâu. Đạo lấy bà mày, ông còn hay đánh đáo nữa.

— Đánh đáo chưa hẳn là con nít. Bây giờ nếu có ai đánh đáo, con đánh liền, Đánh đáo cũng là cò bạc như tổ tôm, sóc đĩa. Mà những người đánh tổ-tôm, sóc đĩa có là con nít bao giờ đâu ?

Trước những lời cãi lẫu tả của Nghinh, cụ Cụu lại tiếp-tục lôi thêm những chi-tiết để bắt hẳn phải chịu rằng như hẳn bây giờ, là người lớn, còn như cụ hồi lấy vợ, là con nít. Cuối cùng, bao giờ cụ cũng vừa thở vừa nói :

— Hồi ông lấy bà mày, không những ông cao tới nách con, ông hay mặc quần trái, hay đánh đáo, hay thả diều, bắt ve, hay để đồng xu đồng vào đường sắt cho xe lửa cán mỏng ra, hay cỡi trường từ ao chạy không không về nhà, hay hờn hay dỗi vân vân mà lại còn hay... vân vân nữa.

Tới lúc đó, dù muốn dù không, Nghinh cũng phải làm bộ gật gù:

— Vâng-vâng. Hồi ông lấy bà cháu, quả thực ông còn bé lắm.

Những mẩu chuyện giữa hai ông cháu thường làm Nghinh thấy vui-vui. Hẳn thấy gần cụ Cụu hơn cha mình. Không bao giờ hẳn nghĩ ông Thành là một người biết săn sóc đến gia-đình, con cái. Nếu ông có bàn đến cái chết của cụ Cụu, là vì ông muốn nói tới khu nghĩa-địa Dục-Đức, ông tính chuyện cưới vợ cho

Nghinh, vì nghĩ đến những đứa bé thò lò mũi xanh sẽ trở về quê nhà sau này, ông trách vợ không biết giữ gìn sức khỏe, vì muốn vợ nghỉ chợ, đi thăm đám bà con người làng. Nếu không có những điều liên quan đến cái quê-hương của ông, chắc mọi người trong nhà đã bị ông bỏ quên. Lúc nào ông cũng bận bịu, lao-đao trong việc tìm kiếm một bóng dáng xa xưa. Ông quay lưng vào mọi người. Nghinh bất-mãn. Hôm thấy ông Thành lật-đật đến từng nhà, vất-vả thuyết-phục họ lập khu nghĩa-địa, Nghinh bảo cha :

— Mỗi năm thầy cứ bỏ ra 120\$ cho hội Bắc-Việt tương-tế, ông con khác đất chôn. Việc gì phải nói khó với họ ?

Nghe giọng nói bức tức của con, ông Thành giận dữ :

— Nói khó cái mả cha chúng mày. Đừng có tưởng mãng cao hơn tre, chúng mày muốn nói gì thì nói đâu. Ông ngần này tuổi đầu, ông còn phải để chúng mày dạy khôn hay sao ?

Trông khuôn mặt nhỏ bé bị giận-dữ làm xa lạ hẳn đi của cha, nghe hai tiếng « chúng mày » nhắc đi nhắc lại, Nghinh không nén được bình-tĩnh nữa. Hắn nói thực mạng :

— Thầy muốn làm gì thì làm nhưng đừng để cả nhà, nhất là mẹ con phải cực vì thầy. Mẹ con vất vả đã nhiều...

Nghinh chưa dứt lời, ông Thành đã vớ ngay chiếc guốc bổ vào ngực hắn. Hắn thoáng một vẻ sửng sốt, đẩy mạnh cái bàn nước lấy lối chạy. Mấy chiếc cốc rơi xuống vỡ tan. Cụ Cựu ngồi ở trong nhà giật mình, nghênh mặt ra nghe ngóng rồi cất tiếng hỏi bằng quơ :

— Nghinh, mày đi đâu mà hấp-tấp thế hả con ?

Nghinh chạy ra khỏi nhà, bỏ đi luôn một mạch. Hắn vừa giận cha, vừa hối-hận. Từ trước tới giờ, trước những đám giỗ linh-đình chồng bất làm để mời từ thằng bé con đến ông cụ già trong đám người làng, trước những món quà đất tiền mang đi tặng một người đàn bà để, đã từng nói xấu mình, mẹ hắn vẫn vẫn chịu đựng được. Nhiều khi hắn tưởng bà chẳng rõ việc làm của chồng cũng như việc làm của mình. Bà đáp ứng lại mọi đòi hỏi tiền bạc như một thói quen hết ráo ý-thức. Bây giờ bỗng dưng làm cha nổi giận, hắn thấy tội-nghiệp mẹ vô cùng. Hắn tưởng đến lúc mẹ đi chợ về, ngạc-nhiên đến sượng-sùng trước sự giận-dữ tốt độ của cha. Hắn không tài nào hiểu nổi cha. Những việc ông làm, không mang một hứa hẹn tương-lai đáng phấn-khởi. Mà chỉ những gì có hứa hẹn tương-lai mới xứng cái hy-sinh hiện-tại. Sao ông lại bắt mọi người giúp ông đắp lại những ngôi mộ đã bị những trận gió thời-gian thổi bằng mặt đất ? Sao ông lại định mặc cho những đứa trẻ nít những manh áo lụng-thụng khi xưa ? Sao ông không như cụ Cựu dùng những giờ phút còn lại ngồi khiêm nhường trước cái thời-gian vô-tận xoay tròn mãi trên mặt chiếc đồng hồ có con gà gật gù trên tháp chuông ? ...

Càng đặt những câu hỏi, Nghinh càng buồn, nhận mình vô-lý.

— Thà mình đem những lời ấu tả ra cãi với ông còn hơn đem những oán trách quí vào cha mình.

Hắn nghĩ thầm.

Từ trước tới giờ đã bao nhiêu lần hắn ngỏ lời oán trách. Hắn như một đứa đầy lòng hờn giận. Thủa mười một, mười hai tuổi, hắn thường nghe mẹ bảo : «Người ta ai cũng thích nhà cao, cửa rộng, vợ đẹp, bạn hiền. Những thứ đó nằm cả ở trong sách. Con cứ chịu khó học-hành, sớm muộn cũng có ngày thỏa được ước-nguyện. » Hắn tin theo và suốt tuổi học trò chẳng hề sao lãng. Như một đứa bé lấy tay bắt bướm, hắn lấy sách vở bắt lấy tương-lai. Hắn học-hành như một người vượt con đường hiểm trở để về tới quê nhà, nơi có nhà cao, cửa rộng, vợ đẹp, bạn hiền. Càng lớn lên càng nhiều bằng cấp, hắn càng thấy mình tới gần cái quê-hương êm đẹp đó. Nhưng hơn một năm nay, bỗng dưng hắn lơ là việc học, có khi cả tuần lễ mới đến trường một lần. Ở trong lớp, hắn thường cặm cụi viết thư hoặc ngủ gục cả giờ đồng hồ. Về nhà, hắn thường bỏ đi chơi cả buổi. Hắn nói biết rõ thi cử rồi, học chơi cũng được. Có đêm hắn đi chơi đến khuya mới về. Ông Thành tỉnh giấc, thấy hắn nằm lăn ra ngủ trên tấm phản kê đầu hiên. Ánh trăng soi rõ những đường viền đỏ thẫm, những hình rồng phượng màu tím trên chiếc chiếu hắn nằm. Hai chân thủ bụng, hai tay ôm vòng lấy đầu, hắn co quắp trên đám màu đỏ, màu tím đó. Tấm màn treo trên giường bị gió thổi bạt vào tường. Cành thừ-lựu ở đầu hồi đổ vào chân giường những bóng lá lăn-tăn, xao động. Ông Thành bảo hắn là một cuồng sĩ.

Tết ra, Nghinh bị đuổi học vì «vô lễ với giáo-sư» Những ngày trước đó hắn tăng số thì giờ viết thư lên gấp ba, gấp bốn. Trong túi hắn lúc nào cũng có sẵn một bản địa chỉ của các bạn, nhưng phong bì nhàu nát của họ và một gói tem 1\$50. Hầu hết các lá thư hắn gửi đi đều mang ba chữ K.B.C ở ngoài bao thư. Hắn viết như để bù đắp niềm ân-hận đối với một người bạn vừa chết. Người đó đã hơn hai năm hắn không nhận được thư. Thỉnh thoảng gặp một bạn cũ, hỏi tin tức người đó, Nghinh thường nghe những tiếng cười vang lẫn những câu hỏi :

— Thành Nhiệm đá ra lớp đó à ? Bây giờ nó ngang lăm. Đi hành quân lu bù. Nhưng đừng có viết thư cho nó, nó không trả lời đâu. Nó đã tuyên bố trắng trợn là chỉ cần thư của mèo thôi.

Nhưng đến ngày cuối năm, Nghinh bỗng nhận được thư Nhiệm. Nhiệm hỏi hắn còn nhớ việc hắn đá ra lớp vì không được ra khỏi phòng trong kỳ thi Trung-học. Nhiệm cũng nói lý-do đã khiến anh ta viết cho Nghinh «...Tao dựa gốc cây nhìn một thằng vác súng đi đi lại lại ở ngoài cửa rừng. Nó cao lớn, đầu hớt cao, đi như hổ về phía trước. Nó giống mày quá. Tao chợt nghĩ đến mày muốn nghe mày nói dộc cho tao nghe chơi. Vậy nhớ viết ngay để tao có thư đọc tết, không thì ... bỏ mẹ với tao đó Nghinh ạ ...» Không ngờ Nghinh chưa kịp viết trả lời, đã nghe tin Nhiệm chết. Nghinh bỗng dưng mang một

sự ân-hận vu-vơ. Lúc biết Nhiệm chết. Nghinh mới chợt nhớ lại lời Nhiệm, nghĩ thầm :

— Thế là bỏ mẹ mày rồi đấy Nhiệm ạ .

Hắn nhớ mình đã cười một nụ cười buồn và lạ.

Mấy hôm đầu năm Nghinh vào lớp học với một sự ảm-ức không đâu. Không khí lớp học coi rời-rạc, co-xèo. Nửa trên lớp thấy phấn, thấy bảng, thấy thầy rõ hơn, nín lặng, nghe ngóng. Nửa dưới lớp cho những kẻ buồn bĩnh còn thấy mùa xuân rơi rớt đâu đây. Vài ba đứa họp lại thì thút thút thưởng xuân. Một tay để trên vở, một tay để trên cây bài, một mắt ngó thầy, một mắt ngó cô, rô, chuồn, bích. Vài đứa khác thì thầm nói chuyện chiến-sự trong mấy ngày tết. Đụng độ lớn ở chiến-khu D. Địch chết nhiều, ta chết ít. Một phi cơ mất tích chưa rõ lý-do. Còn Nghinh thì ngủ hoặc cặm cụi viết thư. Đôi lúc hắn chợt choàng giậy vì tiếng chuông « reng reng » tan giờ. Hắn dụi mắt, giờ tay cào tóc cho suôi, ngó xung quanh. Cũng có lúc hắn giật mình choàng giậy vì đột nhiên có cảm-tưởng đang có một sự chuyển-động dữ-dội quanh mình. Sự chuyển-động của xe cứu-hỏa. Năm nào cũng thế. Ngày nào cũng thế. Giờ học thường trôi êm êm trên này, còn xe chữa lửa ầm ầm rúc còi « cháy to, cháy to » chạy ở dưới. « Cháy to, cháy to » xô về phía Chí-Hòa, « cháy to, cháy to » về phía Chợ-Lớn, « cháy to, cháy to » ... Học-sinh thường nhồm lên, chân vướng phải bàn phải ghế, mắt vướng phải tường, phải đôi khuôn mặt của thầy. Chúng lại yên-lặng ngồi xuống, lòng vang lên những tiếng « cháy to ».

Một lần Nghinh đang viết thư, giáo-sư X xuống bàn hắn, bắt quả tang. Vị giáo-sư này, theo lời Nghinh thường nói, là một nhà văn-hóa đã từng trốn quân-dịch.

— Ông đó đã chạy thoát ra khỏi trường Thủ-Đức để về nhà tiếp-tục sứ-mạng đào-luyện những công dân gương mẫu tương-lai, để đi diễn-thuyết về tình-trạng đi xuống của thanh-niên hiện-tại và rút ra một kết-luận đáng tin-tưởng : « Cũng may, đó chỉ là một số ít, một số rất ít những con chiên ghê trong cái tập-đoàn xã-hội của chúng ta hôm nay ».

Lúc thấy Nghinh ngửng lên, giáo-sư X sang sảng :

— Anh đến đây để viết thư. Có phải anh muốn bảo với mọi người rằng những giờ học của tôi không có giá-trị bằng những lời anh tán dóc với những người nhận thư ?

Nghinh đỏ mặt liếc đám bạn bè và cười ngượng-ngập. Không ngờ nụ cười lại làm mọi người thấy ở hắn ta một sự thú nhận.

— Từ nay trở đi, đến giờ tôi, anh hãy ở nhà.

Vừa nói giáo-sư X vừa giận-dữ bước lên. Nghinh nghĩ những lời nói của mình đã ngấm đến tai ông. Hắn vội-vã đứng lên leo đèo theo sau.

— Thưa thầy...

Vị giáo-sư quay lại, giọng khô-khan :

— Anh đã trưởng-thành, có ý-thức và trách-nhiệm, năn nỉ làm gì nữa ?

— Thưa thầy, thầy dạy rất phải. Nhưng nghĩ đến việc công đã theo học ở đây hơn một năm trời, bỏ trường này mà đi, con lại phải rút hồ-sơ ra. Vì vậy...

Sau câu nói của mình, Nghinh không nhớ giáo-sư X đã diễn-tả sự tức-giận như thế nào. Hắn chỉ nhớ những con mắt sừng sốt của bề bạn và khoảng cách giữa cuốn vở của mình và nơi mình đứng. Khoảng cách đó quá xa.

..

— Mời ông chủ, mời ông chủ.

Người cảnh-binh già giơ mái chiếc ly ngầu bọt la-ve lên cao, mặt ngược mái lên. Ba chai la-ve rỗng ruột để trên bàn đã làm ông ta có sự lăm lăm về vị-trí người đối-thoại. Ông Thành như không còn ở trước mặt ông ta nữa, mà ở mãi trên cao, cao tít. Ông ta cũng không còn ước-lượng được khoảng cách giữa hai người, nên bộ mặt đỏ rần có đôi lông mày trắng xám thừa thớt đã có những nhếch môi khờ-khạo, thăm dò.

Hơn bao giờ, ông Thành tỏ ra dễ dãi với kẻ say sưa. Ông cười vỗ vai người cảnh-binh già :

— Uống hết đi, xếp. Tôi đủ rồi.

Người cảnh-binh già lắng tai rồi « ực » cạn ly la-ve.

— Hút chơi điều thuốc ?

Ông Thành đặt điều thuốc vào bàn tay như tề-dại của người cảnh-binh và bật lửa.

— Ông chủ cứ yên-tâm. Tôi sẽ lượm hết bọn cao-bồi đó cho ông chủ coi.

Người cảnh-binh già vụng-về thở phào một hơi khói. Tấm áo vải thô trông rõ sợi, sờn cổ làm nổi một miếng da ngực đỏ đậm. Chiếc nhẫn bằng bạc trông như một miếng chì bản vòng lấy đốt ngón tay thỉnh thoảng lại chạm vào bàn « kịch » một tiếng bất ngờ.

— Tụi nó qua mặt tôi sao được. Ông chủ cứ yên-tâm.

Người cảnh-binh già lập lại.

Ông không có giọng nói của một kẻ kiêu-ngạo hay nóng giận. Ông nói như không biết nói cách nào khác hơn để tạ lòng một người bạn quá bề rộng-rãi. Ông Thành thấu được sự cảm-động của người bạn già nên gạt đi :

— Tôi vẫn biết nhờ tay xếp là xong. Nhưng từ trước tới giờ vẫn ngần-ngại vì sợ xếp hiểu nhầm, mọi người hiểu nhầm.

— Hiểu nhầm ? hiểu nhầm nỗi chi ? Ông chủ nhờ tôi ra tay trị tội lưu manh là ông chủ lợi dụng tôi sao ? Tôi ăn lương nhà nước nhưng tôi là người của dân mà. Sao ông chủ không đi có bớt ?

Ông Thành lắc đầu cười :

— Tôi có có bớt rồi. Nhưng mỗi lần ném đá, chúng rút ngay vào rừng dừa, ai mà bắt kịp.

Người cảnh-binh già gật-gù :

— Ông chủ nói vậy mà đúng. Nhưng tội nó qua mặt tôi sao được. Tôi sẽ lười hết. Ông chủ cứ an-tâm.

Vừa nói người cảnh-binh già vừa cúi xuống thối phù phù cho mẩu tàn thuốc lá quá dài rơi xuống. Cử-động của ông như lạc-lỡng, thiếu tự-nhiên. Tuổi tác và la-ve rượu để khiến ông nhiều lúc phải xa rời cái hiện-tại mà ông có bốn phận duy-trì trật-tự. Nhiều lúc ông Thành đã bắt gặp ở ông ta một dáng điệu hời-hải, quay về với công chuyện của mình, để chứng tỏ mình chưa phải là người hết còn đóng góp gì được với đời. Những lúc đó ông cố ngừng đầu nhìn thẳng về phía trước, tay luôn luôn múa cái dùi cui và chân cố đặt những bước thật đều, thật vững. Sự cố-gắng kỳ-khôi này bắt nguồn từ người con trai ông cảnh-binh. Trước kia, mỗi lúc ông nhậu say, anh ta thường nhắm mặt, đi tới đi lui quanh bàn học hoặc lật hết cuốn sách này đến cuốn khác để giấu cơn giận. Sau này đi làm ở sở Mỹ, mỗi lúc ông nhậu say, anh nhắm mặt, xách cái xe máy mới mua ra khỏi nhà. Một bữa ông la lớn lúc anh sửa soạn xách xe đi :

— Mày đi luôn đi. Tao không thèm ngó mặt mày nữa. Tao còn làm được tiền mà.

Từ đó, người con trai ông ở luôn Sài-Gòn. Còn ông, mỗi lần nhậu say bắt đầu cố ngừng lên nhìn thẳng về phía trước, tay múa dùi cui, chân cố đặt những bước thật vững, thật đều. Điều này khiến ông Thành thấy mến người cảnh-binh già cũng như vẫn từng khó chịu tính ưa ăn nhậu của ông ta. Và chiều nay, ông kiếm người cảnh-binh già đi nhậu với một nhiệt-tình chưa hề có bao giờ. Ông không hề có ý định nhờ người bạn già « lười » hết bọn cao-bồi. Ông chỉ cần ngồi trước khuôn mặt đỏ rần, khờ khạo để nghe những lời riu lại, hầu quên đi một ám ảnh. Ám ảnh của ông Thâm ở nhà chú Thời nửa giờ trước đây.

Ông Thâm như một kẻ lạ mặt đột ngột xuất hiện. Những tiếng nói chột cật cao những tiếng cười gằn của ông làm ông Thành bỡ ngỡ. Ông là người hợp với việc săn quần tới đầu gối đào đất mướn hơn là ngồi bàn cãi. Từ trước tới giờ, ông vẫn hải sự cãi lý như hải đám con mười một đứa của mình. Sự thay đổi bất thường này khiến ông Thành nghĩ mình là người duy nhất bị ông Thâm gây sự.

thì còn cái đêch gì». Nghe những tiếng văng-tục của ông Thâm, đầu tiên ông Thành có cảm tưởng ông Thâm nói chung với mọi người. Nhưng lúc đám anh em chú Thời đã lảng ra ngoài hết, vẫn thấy những tiếng « đêch đêch » bên tai, ông Thành hiểu mình đang ở trước một khiêu-khích.

Càng lúc ông Thâm như càng chìm sâu trong lý lẽ của mình. Ông lập đi lại lập một ý, nửa như sợ ông Thành không để ý, nửa như lại sợ ông Thành thấy mình ít lời :

— Lúc sống chú Nghĩa chú ấy là con chính-phủ. Chính-phủ phát cơm cho chú ấy, phát áo chú ấy mặc, phát tiền chú ấy tiêu, phát súng chú ấy đi đánh nhau. Lúc chết, tất nhiên tay chính-phủ lại phải đắp diêm cho chú ấy.

— Cái đó tùy ở các ông. Giả dụ có mang chú ấy về đây, tôi ăn bổng lộc gì .

Ông Thành nói giọng giận dỗi. Ông đứng dậy bước ra cửa, không buồn ngó lại. Nhưng thấy đám người đứng ngồi ở ngoài hiên, ông lại như phân bua.

— Dù sao chẳng nữa, chôn chú ấy ở dưới đó, chẳng hóa ra cái nghĩa-địa của mình vô-ích lắm sao ?

Ông Thâm quay người ra. Bộ mặt vuông, dẫn bùng lên vẻ hăm hồ.

— Vô ích ? ai biết được. Nhưng có ích, chắc chắn chưa ai thấy đâu.

— Ông đừng nói thế ...

Bàn tay ngắn ngủn, trắng xanh của ông Thành bấm chặt lấy khung cửa.. Ông ngoái đầu lại, mắt trợn sáng. Cái mũi nở rộng đỏ bóng, cái đầu tròn vo tóc trắng ngắn khiến ông có vẻ gọn ghẽ, trơ trọi.

— Tôi chẳng nói, người khác cũng nói. Ngay đến cậu Thời đây cậu ấy còn phải phân nân.

— A... tôi hiểu rồi.

Tiếng «a» như kéo dài để ông Thành nhớ lại một cách chắc chắn những lời chú Thời đã nói với ông mấy hôm trước. Chú đã ngộ ý muốn dời khu nghĩa địa ra cánh đồng, viện cớ địa-thể ở đây không đẹp, có thể hại đến vệ-sinh công cộng...

— Tôi hiểu rồi. Tôi hiểu cả rồi .

Tiếng kêu của ông Thành nghe thật bỗng. Ông lúng túng, giận-dữ với câu nói lập đi lập lại của mình. Ông không dám nói thêm, như một người bị kiến bám đầy chân, không dám cử-động mạnh sợ bị đốt đau thêm nữa. Thấy mọi người im-lặng như chờ mình giải-thích, ông Thành thoáng ân-hận. Đáng lý, ông cứ bình tĩnh, im lặng xem đám anh em chú Thời ăn nói ra sao về việc họ định bán nghĩa địa Dục-Đức. Không ngờ sự nóng giận đã bùng lên trước khi ông thấy cần một sự cân-nhắc. Ông cũng không ngờ bọn chú Thời đã cho ông Thâm

khỏi mào để chính ông phải nhắc tới việc đó. Nhưng dù sao, ông cũng không tiến sâu vào cái bẫy của họ nữa.

— Nhưng đời nào mình chịu hớ với chúng nó.

Ông nghĩ thầm, lật đật bước ra phía cổng. Đám người đứng, ngồi ngoài hiên như không hề ngạc-nhiên vì những bước chân giận-dữ của ông.

Ra tới ngõ, thấy chú Thời với mấy người ăn mặc tươm tất đi vào ông Thành giữ chú Thời lại nói :

— Không ngờ có ngày các ông lại xử với tôi như hôm nay.

Chú Thời đã hiểu là việc gì nhưng vẫn làm vẻ ngạc nhiên hỏi :

— Gì đó ông ?

— Gì đó, chú biết rồi, còn hỏi làm gì. Đã đành khu đất đó bây giờ có giá thật đấy, nhưng bán nó đi tôi thấy mình thật có tội với các cụ, mang tiếng với mọi người. Bán nó đi, chắc các ông vẫn không bỏ được nghề nấu rượu, nuôi heo, tôi vẫn không đời được mẫu đất hẹp như cái chiếu.

Nghe tiếng nói âm-thầm của ông Thành, chú Thời lúng túng ra mặt. Trong việc bán nghĩa-địa, chú là người lừng chừng ở giữa. Chú không thấy món tiền bán đất quan-trọng như ông Thâm và những người khác. Chú lại có cha già. Nhưng trước những thúc đẩy khéo léo của họ, chú lại là người đầu tiên xa xôi ngổ ỷ dời nghĩa-địa đi nơi khác. Bây giờ trông ông Thành chú tưởng mình đã phản bội một người mình vẫn có bụng mến.

— Ông biết đấy, tôi không phải là người có lòng dạ nào....

Chú nói và hối - hận ngay vì lời mình. Vô - tình chú đã nhận những người anh em đòi bán nghĩa-địa là người không có « lòng dạ ». Chú như người chỉ giật mình tỉnh táo khi mình lầm lẫn. Cũng như bây giờ, chợt nghĩ mình còn đang bận rộn vì cái chết của người em họ, đám anh em lại lôi truyện nghĩa địa ra quấy rối ông Thành, chú thấy bùng bùng giận họ.

— Thế này thì họ không nể nang gì tôi nữa.

Dứt lời chú hăm hăm đi vào. Ông Thành ngạc nhiên nhìn theo rồi chợt nhếch mép cười, nghĩ thầm :

— Rõ thật là một bọn gian dối.

Ở nhà chú Thời về, ông có tâm-trạng một kẻ thất bại. Ông không ngờ ông Thâm đã khéo léo đem cái « bàn tay » chính-phủ ra quyến rũ mọi người và đập tan hy vọng mang chú Nghĩa về chôn ở nghĩa-địa Dục-Đức của mình. Xa hơn nữa, mọi người đã làm ông thấy từ trước tới giờ mình đã có nhiều lầm lẫn về họ.

Bây giờ, ngồi bên người cảnh binh già, ông muốn quên hết những câu nói giọng cười của ông Thâm. Nhưng ông lại miên man tưởng đến những

bữa cơm thết đãi hồi ông mới về đây, nhưng gói quà vợ chồng ông đặt vào tận tay các sản-phụ và cái viển-tượng huy hoàng trong đó những đứa trẻ thò lò mũi xanh hoặc còn đỏ hồng trong lớp tà quần, thành những thanh-niên thiếu-nữ về gây-dựng lại mọi đồ vỡ. Ông cũng sống lại cái cảm-tưởng khi có ý định thành lập khu nghĩa-địa. Cảm-tưởng bình yên của người biết mình được chết ở quê nhà và của người đi đura biết mình còn được gần gũi phần mộ người quá cố.

— Chúng nó chỉ biết có tiền.

Ông buột miệng. Người cảnh binh già gật gù :

— Ông chủ nói đúng đó. Nhưng ông có chịu tôi nói phải hôn ? Chánh-phủ còn thương hại tội già này lắm mà. Chánh-phủ đâu chỉ in tiền phát cho tội trẻ nít mua xe gắn máy chở mèo đi chơi ?

— Xếp nói phải lắm.

— Ông chủ si nghĩ xem tôi nói phải hay quấy ? Người ta coi tội già mình đây như những chiếc xe vận-tải hồi chiến-tranh còn sót lại, coi tội trẻ nít như những chiếc Huê-Kỳ dít dài thông. Tôi nè, chiếc xe vận-tải cũ nè, nhưng tôi có dự chiến-tranh, có... lịch-sử đau-thương nè. Còn chúng nó, những chiếc Huê-Kỳ dít dài thông, làm chi có lịch-sử đau thương ?

Tới đây người cảnh binh già như thấy cái « lịch-sử đau thương » khát nước, liền vớ bình trà rót vô ly uống một hơi.

— Nhưng ông chủ nè, không phải bọn trẻ bây giờ quấy cả đâu. Có người đang-hoàng hết chỗ chê. Như cậu Nghinh đó, ông chủ.

Ông Thành « ờ » một tiếng lơ lửng.

— Cậu ấy nói chuyện nghe hay lắm, ông chủ.

Người cảnh binh già nghinh mặt cười hở mấy cái răng sâu. Ông ta như thích chí vì đã khen một câu trúng cách. Quả thực, đối với ông, Nghinh vẫn là người đáng mến từ trước tới nay. Hắn thường mời ông la-ve và nói với ông nhiều điều kỳ quặc.

Có lần hắn kể chuyện hắn ngủ ở nhà Lâm làm ông cười đau cả cổ. Hắn nói vì đi chơi về khuya, sợ ông Thành phải thức giậy mở cửa nên rẽ vào lều của Lâm ngủ đờ. Lâm giống hắn rất nhiều điểm. Cũng to lớn, cũng học thi tú-tài hai, cũng được mẹ cưng ; cũng khoái la-ve, khoái nói dõc... Trời đêm đó lạnh, hắn xích vô, gác chân lên đùi Lâm, nhưng nghĩ đến những lúc Lâm nói dõc với mẹ, lải nhải học bài hoặc uống la-ve ừng-ực, hắn lại lật đặt xích ra, vắt chân, nằm chống chơ một mình. Một lát sau, thấy lạnh quá, hắn lại xích vô, lại gác chân nhưng rồi lại lật đặt xích ra. Và cứ như thế, hắn thức suốt đêm. Người cảnh-binh già nghe xong, cười lớn vỗ vai hắn : « Truyện gì cứ xích ra, xích vô hoài. Biết đâu cậu Lâm vào trường-hợp cậu cũng lại chẳng xích ra, xích vô như vậy ? » Nghinh đáp : « Bác đoán hợp lẽ lắm. Quả thực, anh ta cũng đã

xích ra, xích vô nhiều lần vì đêm đó lạnh đến rùng mình mà không có lấy được tấm chăn mỏng. Tôi đã nói tôi với hắn giống nhau quá xá mà. » Dường như không bao giờ Nghinh giấu ông bạn vong-niên điều gì. Có hôm nghe hắn nói nhiều người hướng-dẫn tư-tưởng hắn đã trịnh-trọng bước vào những cái bẫy nguy trang nghệ-thuật, ông ta ngẩn ra chẳng hiểu gì. Nhưng nhìn bộ mặt hắn, ông lật đặt kêu : « Qua biết lắm. Qua hiểu em cũng có nhiều «đau thương» lắm.

Nhưng với ông Thành lúc này, sự thông cảm của người cảnh-bình-già như tê-liệt. Trong lúc nghe ông ta. Ca tụng con mình một cách dài dòng, tha-thiết, thỉnh-thoảng ông Thành lại « ơ » lên một tiếng lơ lửng. Ông như không còn nghĩ mình đang ngồi trong quán rượu. Đến lúc chợt thấy quá nhiều tiếng «đau-thương, đau thương» xô đến tai mình, ông mới giật-mình, đưa mắt nhận-định tình thế. Người cảnh-bình già doãi dài hai chân vào trong găm bàn và đầu thì nặng nề dựa vào thành ghế. Ông Thành vội-vàng gọi chủ quán tính tiền.

Hai người cùng ra khỏi quán rượu mà ông Thành tưởng như người cảnh-bình già đưa tiễn mình. Ông chắc chỉ đi thêm với mình vài bước nữa rồi ông ta ại trở lại quán rượu. Vì vậy, ông vội chìa tay ra, ngỏ dấu tạm biệt. Người cảnh-bình già cố đứng thẳng người, ôm lấy bàn tay ông Thành trong hai bàn tay run run chập lại của mình rồi lắc mạnh :

— Ông chủ cứ an-tâm. Tôi sẽ lượi hết bọn cao-bồi đó cho ông chủ coi. Ông Thành cười buồn, sẽ rút tay ra, bước đi.

— Bây giờ, có lẽ thằng Tàu khỏi cần thuê người ném đá, nó cũng được vừa ý.

Ông nghĩ thầm.

Sau lưng ông người cảnh-bình già tần ngần nhìn theo rồi chậm rãi lại hàng rào trước quán, nặng nề cúi xuống, loáy hoáy mở khóa chiếc xe đạp. Lúc ông ngừng lên, thoáng ngạc-nhiên thấy ông Thành như quay trở lại. Nhưng không, người đó là Nghinh. Từ chỗ dựng xe, hắn bước lại, vỗ vào lưng ông già, cười lớn.

— Mờ ... ời cậu ... Mờ ... ời cậu.

Người cảnh-bình già giờ mãi chiếc ly ngầu bọt la-ve lên cao, mặt ngược mai mãi lên ...

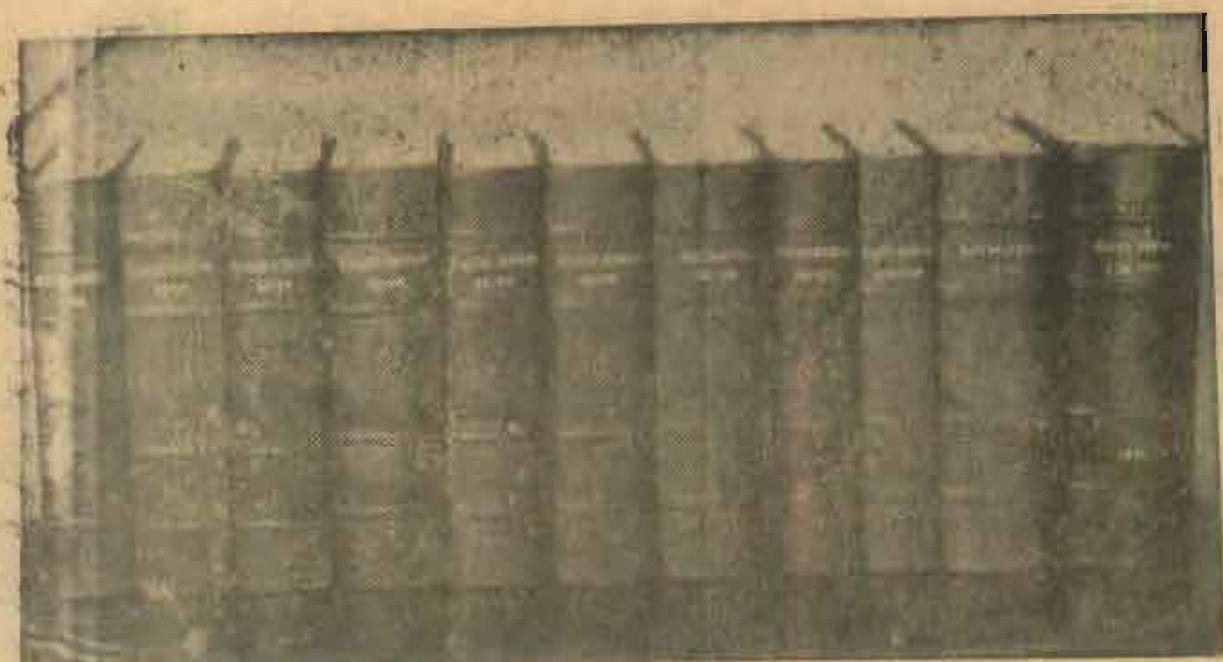
Y-UYÊN

CHIA BUỒN

Được tin thân phụ nhà văn VÕ-HỒNG đã thất lạc ngày 27-8-64 tại quận Tuy-An, tỉnh Phú-Yên, toàn thể anh chị em trong tòa soạn Bách-Khoa trân trọng gửi lời chia buồn cùng bạn VÕ-HỒNG và tang quyến và thành kính cầu chúc hương hồn Cụ sớm tiêu điều miền Cực-lạc.

QUÀ TRANG NHÀ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :



BÁCH - KHOA

ĐÔNG TẬP

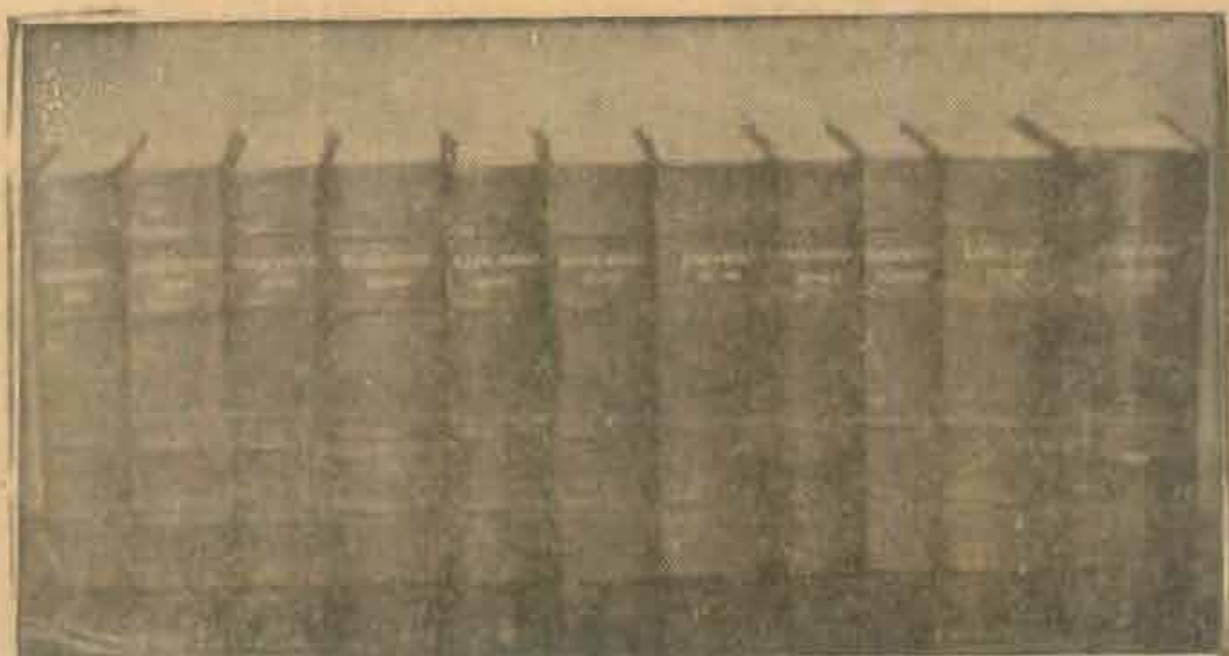
6 NĂM : 16 TẬP

(144 SỐ)

8 ẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).
8 TẬP (1961 — 62) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).
(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU MỌI MẶT,
VỚI TRÊN 1500 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG
TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHỎNG VẤN
LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BÁO
LỢI ÍCH CHO
MỌI GIA ĐÌNH



XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN
BÁCH-KHOA 160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON

SINH HOẠT

Thoáng nhìn cuộc đời của một nhạc sĩ vừa quá cố :

VÔ-ĐỨC-THU

(1915 — 1964)

« Từ lúc còn thơ ấu đến nay, tôi chỉ là một nhạc sĩ tự do, lúc nào cũng hoạt động phụng sự cho Âm nhạc. Nước chúng ta còn nghèo, vì thế Âm nhạc không nuôi sống người nhạc sĩ được, và nhất là ông bà chúng ta lúc nào cũng quan niệm rằng « xướng ca vô loại ». Cũng vì lẽ đó mà nghề Nhạc không được trọng dụng, cho nên có lúc tôi phải sống rất rất vất vả, vì chỉ sống nhờ ở số tiền thù lao thôi. Ăn hôm nay, còn phải lo cho ngày mai ».

Những lời tâm sự trên đây anh, nói với tôi năm ngoái, tại nhà riêng, sáng hôm nay (1) lại trở về trong trí nhớ, trên khoảng đường đưa anh đi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Một anh bạn nhạc sĩ, thân với anh từ lâu, có cho tôi hay, khi anh vừa

nhắm mắt : anh chết vì tiền không dư giả. Anh bị bệnh đau gan, phải vào nằm nhà thương Grall cách đây hai tháng : bệnh tình có mỗi thuyên giảm, nhưng vì tài chánh eo hẹp, anh không thể nằm điều trị cho dứt bệnh, phải rời nhà thương, trở về cuộc sống hằng ngày, làm việc lại ; rồi đau lại, gay gắt hơn ; anh yếu sức, đành từ già cõi đời.

Anh vĩnh biệt Nghệ thuật, tuổi đời mới có 49. Anh em ai cũng cho rằng anh chết có hơi sớm.

..

(1) 3-9-1964, ngày cắt đám anh. Anh mất ngày 31-8-1964, lúc 15 giờ, tại nhà riêng, 27 đường Bùi.Chu.

Anh sanh năm 1915 (1) tại Sài-Gòn.

Gia đình anh là một gia đình nghệ sĩ. Thân phụ anh biết chơi đàn vĩ cầm (*violon*) và phong cầm (*accordéon*) và thường hòa nhạc chung tại nhà hàng « Hôtel des Nations » với các nhạc sĩ ngoại quốc (2). Và chính nhờ thân phụ anh mà anh được học đàn rất sớm: năm lên bảy, anh đã học dương cầm, cả thực hành lẫn lý thuyết. Anh là người Việt độc nhất được theo học lớp dương cầm với các khóa sinh ngoại quốc tại trường Âm nhạc đầu tiên mở tại Sài-Gòn, năm 1925, trường Philharmonique, do các giáo sư ngoại quốc hướng dẫn. Và ngay năm ấy — anh mới được 10 tuổi — anh chiếm được giải danh dự về dương cầm của trường.

Chỉ anh là: đi Pháp để tiếp tục học Nhạc tại Nhạc viện quốc gia nước này. Song gia đình không đủ sức, anh đành tiếp tục học ở nước nhà với các nhạc sư Pháp danh tiếng.

Và từ đó, anh trở nên một nhạc công hữu hạng, cộng tác với các nhạc sĩ ngoại quốc có tiếng xuất thân từ các Nhạc viện quốc gia Pháp, Nhạc viện Toulouse, Nhạc viện Milan, và hai nhạc sĩ tên tuổi đất Bắc vào Nam: Nguyễn-Xuân-Khoát, Nguyễn-Văn-Giệp.

Anh giúp nhiều buổi dạ hội do các nhạc sĩ Pháp tổ chức tại Philharmonique (1938 — 1939), tại nhà hát Địa phương Sài-Gòn (1944).

Đặc biệt là anh thành lập ban nhạc cho hội Đức-Trí, Thề-Dục (tức S.A.M.I.P.I.C. (3)) ban nhạc gồm toàn người Việt (hai mươi người) và điều khiển các cuộc trình diễn tại hội quán (1940) và tại nhà hát Nguyễn-Văn-Hảo (1943).

Năm hai mươi hai tuổi, anh bắt đầu dạy dương cầm và trong suốt ba chục năm nay, anh đã đào tạo đông đúc nhạc sinh gồm có người Việt và người ngoại quốc, như người Pháp, người Tàu, người Ấn, người Mi. Trong số nhạc sinh người Việt, có những người sau được du học ngoại quốc và trở nên nhạc sĩ nổi danh.

Năm hai mươi sáu tuổi, anh mới bắt đầu sáng tác, và cũng năm ấy, anh là người đầu tiên gia nhập hội quốc tế: các Tác giả, Soạn giả và nhà Xuất bản Âm nhạc (4).

Năm 1948, anh hợp tác chặt chẽ với Lê-Thương thành lập nhóm « Xuân-Thu nhạc kịch » và lãnh phần điều khiển giàn nhạc của nhóm.

(1) Trong B.K. số 151, ngày 15-4-63, phần tiểu sử anh, anh viết cho chúng tôi: 1915. Các báo hằng ngày ghi 13-3-1911 là căn cứ theo tài liệu nhạc sĩ Lê-Thương vốn lấy ở giấy tờ của anh. Chúng tôi xin theo năm sinh chính tay anh ghi.

(2) Ba người em của anh là nhạc sĩ cả.

(3) Société d'amélioration morale, intellectuelle et physique des indigènes de la Cochinchine.

(4) Tức hội S.A.C.E.M.: Société d'Auteurs, de Compositeurs et d'Editeurs de Musique.



Võ-Đức-Thu và Phạm-Duy

Năm 1949, anh được bầu làm hội trưởng hội *Khuyến nhạc Nam-Việt*, và năm 1962, được bầu làm hội trưởng hội *Nghệ sĩ Ca Vũ Nhạc Việt-Nam*.

Anh được mời dạy dương cầm và âm diễn tại trường Quốc gia Âm nhạc Sài-Gòn, năm 1956, và anh là cộng tác viên bền bỉ của đài Phát thanh Quốc gia hơn mười năm nay, cho đến khi anh lâm bệnh nặng.

..

Anh mất đi, để lại một số tác phẩm đáng kể.

Trên trăm bản nhạc, gồm nhiều loại, mà một phần đã được xuất bản hoặc vào đĩa.

Có lẽ anh là nhạc sĩ Việt đầu tiên soạn nhạc thuần túy và vài nhạc phẩm thuộc loại này được hội các nhà Xuất bản quốc tế về Âm nhạc (1) ấn hành. Anh lại được cái may mắn chính tự mình trình bày nhiều lần các loại hòa tấu khúc, độc tấu dương cầm, song tấu dương cầm và vi cầm nhiều lần trên sân khấu các nhà hát lớn ở Sài-Gòn, Chợ-Lớn, Huế, Hải-Phòng, Hà-Nội, Nam Vang. Đặc biệt là con anh, Võ-Đức-Lang, và một bạn anh, Trần-Văn-Khê, đã từng trở tài giới thiệu các sáng tác anh ở Pháp quốc.

Còn ca khúc của anh thì được các bạn nhạc thường trình bày qua làn sóng điện các đài phát thanh trong và ngoài nước.

Về loại nhạc thuần túy, anh thường lấy cô nhạc làm đề tài, như *Việt-Nam tân âm điệu* (1943), *Việt-Nam oán nhạc khúc* (1945), hoặc mượn đề tài ở thời cuộc, như thi đề tấu khúc (poème symphonique) *Một ngày đã qua* (1947), ghi lại sự chỗi dậy của toàn dân giành độc lập bằng cách phô diễn mấy câu nhạc của những bài hát lịch sử của Lưu-Hữu-Phước đã được dân chúng và thanh niên hát trong thời tổng khởi nghĩa 1945.

Thời cuộc nước nhà cũng ảnh hưởng đến một số ca khúc vui

(1) S. E. M. I. tức Société d'Éditions de Musique Internationale.

tươi, hùng mạnh của anh, như *Lửa bùng, Quyết tiến, Việt-Nam Việt-Nam, An-Phú-Đông, Đây Sài-Gòn...*

Thí ca cũ và mới cũng gợi hứng cho anh. Anh từng mượn đề tài ở Cung oán, ở Kiều và phổ nhạc thơ của Tản-Đà (*Tống biệt*), thơ của Xuân-Diệu (*Đây, mùa thu tới*)..

Anh cũng chuyên về loại ca khúc tình cảm. *Mưa đêm thu, Mùa hoa thắm, Mây thu, Đàn ai, Nhớ người xa vắng* là những bài hát được nhiều người cảm, thích.

Có lần (năm 1958), anh lại được nhà sản xuất phim Mỹ-Vân giao cho việc viết nhạc cho hai cuốn phim « *Sự tích Trầu Cau* » và « *Áo dòng dằm máu* ».

Anh đã góp công cho ngành Nhạc nước nhà khá nhiều: từ nhạc hòa tấu (*musique de concert*), nhạc phụ soạn hòa âm (*orchestration*) đến Tân nhạc và việc phổ biên âm nhạc bằng cách mở lớp đào luyện rất nhiều nhạc sinh về dương cầm.

Thế pháp (*style*) của anh là thế pháp cổ điển thiên về hòa âm, nên bố cục âm thanh các tác phẩm của anh rất cân đối, gọn gàng, chặt chẽ, nhưng về hồn dân tộc, thì anh có ít nét độc đáo hơn các nhạc sĩ khác.

..

Đám táng anh là một đám táng thanh đạm.

Số người đưa anh, phân nửa là anh chị em nghệ sĩ.

CHIA BUỒN

Chúng tôi vừa được tin nhạc sĩ VÕ-ĐỨC-THU đã tạ thế ngày 31-8-1964 tại tư gia, 27, đường Bùi-Chu, Sài-Gòn.

Chúng tôi xin thành thực chia buồn cùng tang quyến và cầu chúc cho linh-hồn anh được sớm siêu thoát nơi Thiên đàng.

Lê - Thương, Lê - Cao - Phan, Nguyễn - Hữu - Ba, Văn - Giảng, Lê-Quang-Nhạc, Vĩnh-Phan, Lê-Mộng-Bảo, Nguyễn-Ngu-Í, Trần-Văn-Khế và tòa soạn Bách-Khoa.

Người ta thấy những người đồng thời với anh, như Thẩm-Oánh, Lê-Thương, những người tiếp tục đường anh, như Phạm - Duy, Nghiêm-Phú Phi, những người lớp trẻ như Thu-Hồ, Song-Ngọc, những nhà xuất bản nhạc, như nhạc sĩ Lê-Mộng-Bảo, Hưng-Phát, vài môn đệ anh, như nữ dương cầm thủ Đoan-Trao, nữ ca sĩ Mai-Hân, cùng các giáo sư trường Quốc-gia Âm-nhạc, các nhân viên ngành Nhạc đài Phát thanh Sài-Gòn.

Đưa anh, những bạn anh càng nghĩ càng thấy lắm điều đáng tiếc.

Người ta tiếc sự vắng mặt của ban hợp ca Thăng-Long, vốn đã từng cùng anh hợp tác chặt chẽ và chia những nỗi vui buồn, sự vắng mặt của một số ca sĩ anh đã tận tâm dìu dắt.

Thân ái chào bạn

Q.L. Th.

Bút tích của Võ-Đức-Thu

Người ta tiếc cho anh năm năm sau này phải sống xa gia đình, và gặp nhiều điều không may mắn.

Người ta tiếc ba đứa con trai anh, cùng nhạc sĩ cả ba, hiện tại ở ba phương trời. Võ-Đức-Lang ở Pháp, Võ-Đức-Quí ở Bắc, chỉ có người con trai nhỏ nhất, Võ-Đức-Xuân, là ở Nam.

Và người ta nhớ đến con người anh lúc sinh thời: điềm đạm,

*Anh trắng trắng ngà
Có cây đa to
Có thằng Cuội già
Ôm một mối mơ...*

Lê-Thương tuy chưa già như chú Cuội, chớ cũng từng « ôm một mối mơ » từ thuở còn trai mà mãi đến nay — tuổi gần năm mươi — anh mới bắt đầu thực hiện một phần nào. Đó là mối mơ hoạt động cho Nhạc thiếu nhi.

Anh xuất bản những tập hát trẻ con, anh điều khiển ban Măng-Non ở đài phát thanh Sài-Gòn, và nhà làm đĩa Sóng Nhạc đã thu bài hát nhi đồng của anh vào đĩa. Vì thế

nhu mì, nghiêm nghị, rất tốt với bạn bè.

Phần tôi, đưa anh, tôi nhớ lại nỗi ước mong độc nhất của anh nói với tôi năm rồi, khi tôi phỏng vấn anh.

« Tôi chỉ ước mong cho nước nhà được sớm thống nhất và thanh bình được trở lại trên đất nước yêu quý chúng ta. Chừng đó, đời sống của người dân được bớt khốn khổ phần nào, lúc đó họ sẽ đem hết tinh thần để học hỏi và hiểu biết những gì gọi là Nghệ thuật cao siêu hơn ».

..

Một năm đã qua.

Một người đã qua...

4-9-64

NGUYỄN-NGU-Í



2 Giờ với Lê-Thương về nhạc trẻ em

mà gần Tết Trung-thu, tôi tìm anh để hỏi về các hoạt động nói trên.

..

Nhà anh khách khứa tấp nập, chẳng khác gì cửa hiệu bánh Trung thu gần ngày rằm tháng tám. Cho nên tôi phải mời anh tối đến nhà tôi để trốn khách cho câu chuyện khỏi bị cắt đi cắt lại. Anh vui vẻ nhận lời với điều kiện : phải có cà phê cho « nó đậm đà ». Tôi cười :

« Lại còn có thanh trà từ Huế gửi máy bay vào cho ngọt ngào câu chuyện, chỉ e anh không rút được khách mà đi ».

Sau vài múi thanh trà, tôi hỏi :

— Có phải bài hát nhi đồng đầu tiên của anh là bài *Thăng Cuội* không?

Anh lắc đầu.

— Đó là bài thứ ba. Bài đầu là bài *Xuân năm xưa*, tôi làm năm 1935, sau tôi sửa lại, thành bài *Bản đàn xuân* đăng trên tuần báo *Ngày-Nay*, tháng 8 năm 1938. Rồi đến bài *Trưng-Vương*, làm năm 1937. Bài *Thăng Cuội* ra mắt độc giả trên tờ *Hoa-Xuân*, số Tết năm 1939.

— Bốn năm, anh sáng tác có ba bài. Kề cũng... ít đấy. Cái gì khiến anh nghĩ đến việc này ?

Anh đề điều thuốc hút dở trên cái gạt tàn thuốc.

— Nghề nghiệp. Tôi dạy học, mà dạy cho trẻ học bày hát Tây mãi thấy nó làm sao ấy. Mà mình soạn bài hát được. Thì sao chẳng làm bài hát để dạy chúng cho vui ! Nhưng anh cũng dư rõ : luật cung cầu ảnh hưởng đến mức sản xuất, dầu đó là nhà buôn hay nhà viết nhạc. Lúc ấy, ta phải dạy theo chương-trình Pháp, học trò đi thi, tự nhiên là phải hát bài hát Pháp, Những bài *Frère Jacques*, *Au clair de la lune*, *Il était un petit navire*, *Malbrouk s'en va-t-en guerre*... được các thí sinh thi Brevet thuộc nằm lòng và cũng được phổ biến ở các trường tiểu-học. Các bài hát ngắn của Hường đạo,

điệu ngoại quốc, lời Việt, lúc bấy giờ cũng được ưa chuộng. Mãi đến năm 1940, nước Pháp bị Đức đánh bại, phong trào quốc-gia sôi-nổi, nền âm-nhạc cải cách phát-triển mạnh, nhạc thiếu-nhi ta mới « có trớn », và công anh Hoàng-Quý chẳng phải nhỏ.

— Còn anh, từ lúc nào anh sáng tác mạnh nhạc cho trẻ em ?

— Từ khi chương trình Việt được áp dụng : có giờ dạy Nhạc ở ban Trung học và đài vô tuyến truyền thanh có những buổi phát thanh dành riêng cho nhạc thiếu nhi.

— Đến nay, « hành lí » anh về ngành nhạc này được ...

— ... trên năm chục bản, lịch sử có, tình cảm nhỏ nhẹ có, hành khúc có ; lại có những bản tả cảnh, ngợi tình quê hương, cùng một ít chuyện ca.

— Chuyện ca là sao anh ?

— Chuyện ca là vừa kể chuyện vừa ca.

— Anh cho biết phần anh đóng góp trên làn sóng điện ?

Vừa lúc đó, người nhà bùng cà phê lên. Chúng tôi ngừng câu chuyện đề « thương thức cái đậm đà của chất đắng pha ngọt » này. Rồi sau đó :

— Từ đầu năm nay, tôi được đài giao một buổi phát thanh luân phiên ?

— Luân phiên ?

— Hai tuần một lần.

— Ban *Mãng-Non* là của anh.
Còn ban luân phiên với anh ?

— Đó là ban *Tuổi-Xanh* của chị
Kiều-Hạnh.

— Cũng chuyên hát bài nhi
đồng ?

— Hát và diễn kịch.

— Còn ban *Việt-Nhi* của anh
Nguyễn-Đức ?

— Thì hát, nói chuyện thuốc
men, kể chuyện vui, đồ lịch sử,
trả lời thư từ.

— Ban *Mãng-Non* của anh gồm
có mấy em ?

— Mười tám em, tuổi từ bảy
đến mười bốn.

— Anh có thấy gì trở ngại...

— Có hai. Vì phát thanh cách
tuần, nên cả người phụ trách lẫn
đoàn viên không thấy gợi hứng
lắm. Giờ giấc lại có phần bất lợi.

— Anh nói tôi mới nhớ. Anh cho
biết ngày và giờ phát thanh.

— Thứ năm, chiều, từ 6 giờ 20
đến 7 giờ ; 6 giờ 20 là mới đây,
chớ trước đây một tháng, 6 giờ 5.
Các em 6 giờ đi học về, thì đã
trễ.

— Thế thì ban *Việt-Nhi* của anh
Nguyễn-Đức được lợi nhiều hơn :
phát thanh chiều chủ nhật.

Tôi xoay sang việc phổ biến
bằng đĩa hát.

— Việc vào đĩa các nhạc phẩm
vui tươi cho trẻ em, là sáng kiến
của anh hay của nhà làm đĩa ?

— Của nhà làm đĩa *Sóng-Nhạc*.
Tác phẩm tôi được chọn vô nhiều
hơn hai bạn khác, thế thôi.

— Xin anh nhắc lại tên sáu nhạc
phẩm được chọn in vào đĩa nhạc
thiếu nhi đầu tiên này.

— *Rước đèn tháng tám* của anh
Vân-Thanh, *Một đàn chim nhỏ*, *Em
bé quê* của anh *Phạm-Duy* và *Cô
bán bánh*, *Ông Ninh ông Nang*,
Thằng Cuội của tôi. Ban *Việt-Nhi*
đảm nhiệm việc trình bày dưới sự
điều khiển của anh *Nguyễn-Đức* ;
phần hòa âm và điều khiển ban
nhạc, do anh *Nghiêm-Phú-Phi* phụ
trách.

— Đĩa này in có nhiều không
anh ?

— Vài ngàn đĩa.

— Giá cái đĩa gồm có sáu bài
này là 120 đồng. Chắc là bán chạy.

— Chạy từ từ...

— Anh có hiểu vì sao ? Đáng lẽ
nó được hoan nghinh lắm mới phải.

— Theo chỗ tôi biết, thì phải
nhà vừa có con em thích nhạc, vừa
có tiền mới « ủng hộ » nó. Vì cần
phải có máy-quay-điện (électropho-
ne) ; sắm một cái ra đồ, lắm khi
không đủ thì giờ để mà nghe nhạc
cổ nhạc kim, nhạc nước nhà, nhạc
ngoại quốc, thì mua đĩa hát... trẻ
em là một xa xỉ phẩm mất đi rồi.

— Cui bộ việc phổ biến trên làn
sóng điện và trên mặt đĩa nhựa
không làm anh hài lòng lắm, còn
với các tập bài hát, thì sao ?

Anh phà một hơi thuốc, gãi đầu, mỉm cười :

— Thì cũng vậy vậy. . . Trung-thu năm rồi, hãng Sóng-Nhạc cho in đĩa hát « luống nhỏ » (microsillon) đầu tiên về nhạc thiếu nhi, tôi mới nhân dịp ấy mà xuất bản *Bài hát trẻ em* tập thứ nhất, rồi tập thứ nhì.

— Anh in lần đầu bao nhiêu tập.

— Mười ngàn.

— Một năm qua, kết quả ra sao ?

— Phải nói rằng kết quả không như lòng mong muốn. Sách bán rất chậm. Nếu không có một số giáo sư dạy nhạc quen biết ủng hộ, thì bán càng chậm nữa. Cũng may mà chữ nhạc (caractère de musique), chữ in là vốn nhà, xếp tại nhà, chỉ tốn tiền mua giấy, mướn in.

— Nhưng tương đối, nơi nào bán nhiều hơn hết.

— Có hai nơi : An-Giang và Huế.

Anh bỗng cười :

— Có đôi bạn, nhận bán giùm, mà cả năm, chẳng được tin tức gì cả, mặc dầu đã nhiều lần gởi thư nhắc nhở.

— Báo chí có giới thiệu, phê bình gì không ?

— Tôi có gởi tặng một số báo chí. Có báo giới thiệu, có báo không, còn phê bình, thì tuyệt nhiên không.

— Chắc anh cũng theo một nguyên tắc nào trong việc xuất bản các bài hát trẻ em.

SÁCH BẢO MỜI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Những người đang tới** : Tiểu thuyết của Đỗ-Thức Vĩnh, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Đây là tập thứ 3 trong bộ truyện gồm có : *Mùa Áo Ảnh*, *Dì Mơ*, đã xuất bản trước đây. Sách dày 220 trang, 55 đ.

— **Lễ tấn phong tình yêu** tập thơ của Vũ-Thúy Thụy-Ca, Người Hôm Nay xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm 37 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Viết văn** Đệ nhị A-B (C-D) của Võ-Thu-Tĩnh, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày ngót 500 trang, gồm 4 phần : Văn học sử, Các tác giả, Văn-thể và Luận văn. Giá 100 đ.

Trân trọng cảm các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

— Mỗi tập, có mười bài hát. Tôi cố ý chen vào những bài đồng dao và những điệu dân ca ngoại quốc, đề phổ biến các điệu nhạc nước người, và cũng đề « thay đổi không khí ».

Tôi đọc lại « Lời nói đầu » của anh viết trong tập 1.

« Nội dung tập 1 gồm hầu hết là những bài ca đã được trẻ em khắp

nước quen tên biết giọng qua làn sóng điện hoặc qua các lớp dạy Nhạc đó đây (1)

« Trong những tập sau — mỗi tập mười bài — chúng tôi sẽ in thêm ít nhiều bài mới lạ, thiên riêng về Ca khúc, Chuyện ca thú vị, cảm động, thanh tịnh, thích hợp với tuổi thơ vẫn ưa thích tìm trong lời ca, điệu hát, ý nghĩa tức cười như những cảm giác mới mẻ, có thể tô điểm được cho tâm hồn của chúng đang thích đùa, thích giỡn.

« ...Nghe bài hát trẻ em, với giọng ca nồn nà và chân thật, không kiêu cách, người lớn có dịp thấy mình được sống thêm « cái tuổi không bao giờ trở lại », là Tuổi Thơ, một tuổi kẻ ra cũng đã thiếu cho nhiều người phải lăn lóc sớm với đời.

« Cũng có nhiều tuổi thơ no ấm mà thiếu tiếng ca, hoặc nghe quá nhiều tiếng gặt gồng, tiếng tục tằn; mong những bài hát yêu đời đem vào những tuổi thơ ấy chút dịu ngọt, pha màu tình cảm ».

Thấy tôi xem xong, anh nói :

— Tôi đề ý thấy nhiều bạn giáo sư dạy Nhạc ở trường không dạy các bài hát thanh thiếu nhi, mà lại dạy những bài nhạc được đài phát thanh truyền bá nhiều, mặc dầu không hợp với tuổi trẻ, nhưng miễn

ta đừng nói đến tình ái là được ; các bạn này thường chọn bài nhạc tùy theo sở thích của học sinh nghe đài.

Tôi nhìn anh, nhận một thoáng buồn lướt qua gương mặt dễ mến của anh.

— Thế này, việc truyền bá nhạc thanh thiếu nhi, ta chỉ còn trông mong ở bộ Giáo dục ?

Như động đến chỗ « ngựa, » anh nói một hơi.

— Ta mong rằng rồi đây, đối với bộ Giáo dục, truyền bá nhạc trẻ em tại học đường sẽ là một chính sách, chứ không phải là công trình của từng cá nhân. Tại sao ? Vì đến nay, vấn đề giáo dục Âm nhạc tại các trường Trung học vẫn là một vấn đề tùy nghi.

« Trừ một số trường công có giờ dạy Nhạc mỗi tuần một giờ, còn trường tư mà có giờ dạy nhạc, kể ra rất ít. Mà có một giờ một tuần, lại phải dạy lý thuyết lẫn thực hành, thì chẳng đủ đến đâu cả. Do đó mà chương trình, có thể nói là không bao giờ dạy hết. Thành môn Nhạc không tiến được. Huống chi trẻ em Việt ở vào một tình trạng có hơi kì, là ham thích những bài chẳng nghe hát ở đài phát thanh, mà phần nhiều những bài này là bài người lớn. Có cả nhớ nhung thương tiếc đợi chờ ... Mà chính nhạc trẻ em, có dạy từ lớp mẫu giáo, mới gây được những cảm mến đối với nhạc tuổi xanh về sau. Bởi thế, ta có thể

(1) Thăng Cuột, Cô bán bánh, ông Ninh ông Nang, Nhớ Lào, Tuổi thơ của Lê-Thương, Một đàn chim nhỏ, Một mẹ trăm con của Phạm-Duy, Rước đèn tháng tám của Văn-Thanh, Giã gạo đêm trăng của Nguyễn-Văn-Cao và Sakura, dân ca Nhật-Bản.

nói học đường chưa đóng đúng vai
tuồng mà nó phải đóng.

«Còn nói chi đến trẻ em nghèo
thì lại làm sao được nghe, được
học hát những bài dành riêng cho
lứa tuổi mình?».

Rồi giọng anh trở nên chua
chát :

— Tóm lại, vấn đề nhạc trẻ em là
một « nỗi lòng » mà nhà cầm quyền
— theo chỗ tôi được biết — xưa
rày chưa hề nghĩ đến, vì họ còn bận
những việc « đại sự ». Làm tôi tự hỏi :
nước ta sao có nhiều chính trị gia
hay võ ngực đưa ra những thuyết
lớn « trên trời dưới biển » mà không
có nhà nào lo đến đàn trẻ đại, sao
cho chúng có được vài giọt nhạc

tuổi xanh để tâm hồn chúng được
tươi tỉnh hơn.

Ngừng một chút, anh tiếp, giọng
đôi khác :

« Có lẽ, nếu được thế, thì vấn đề
du dương ở nước ta cũng giảm bớt
chút nào chăng ? »

Chúng tôi cùng mỉm cười.

NGUYỄN-NGU-Í

Kỳ tới sẽ đang đang tiếp :

VÒNG TAY HỌC TRÒ

PHẦN THỨ III

của Hoàng-Đông-Phương

KỂ TỪ NGÀY 19-1964



PHI-CƠ PHẤN-LỰC
VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON-HONGKONG: 2 chuyến mỗi tuần
SAIGON-PHNOUMPENH-BANGKOK: 3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*
PHI-CƠ PHẤN-LỰC TRĂNG-LỆ NHÚT THỀ-GIỚI

★ NHANH-CHÓNG
★ ÊM-ÁI
★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



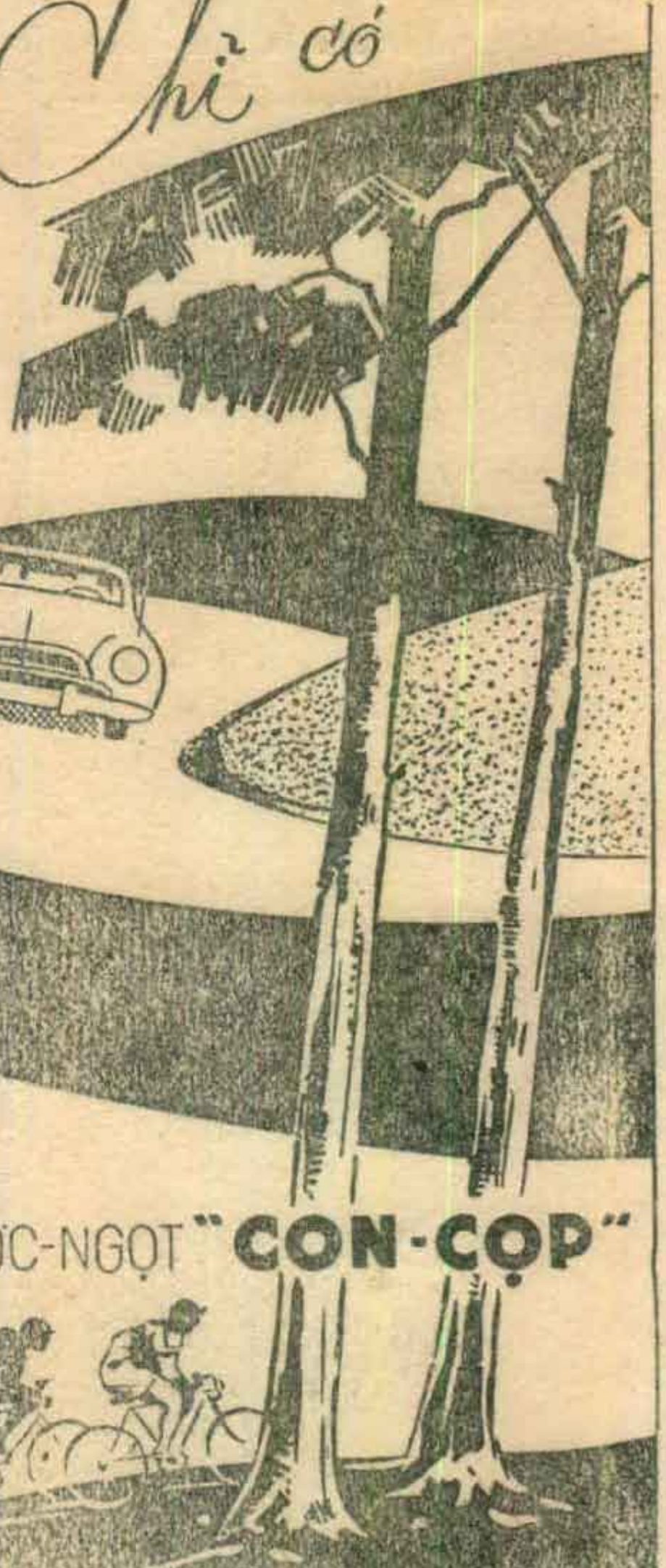
TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



HÒA TIỀN !

CAPSTAN

MEDIUM



W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON

Quản-nhiệm :

HUYNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa soạn

160, Phan-Bình-Phụng — SAIGON

Số điện thoại : 25.539

in tại VĂN-HÓA AN-QUÂN
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 103

Công số : 15